

Tác Giả và Tác Phẩm

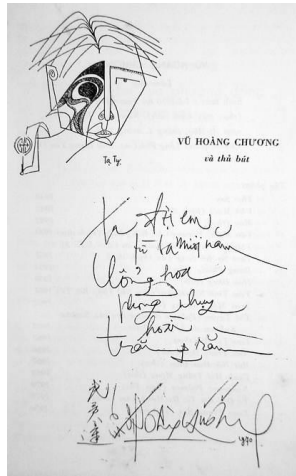
Vũ Hoàng Chương (II)

Tiểu sử

Mất ngày 6.9.1976 tại Sài Gòn.

Tác phẩm

Chúng ta mất hết chỉ còn nhau (1973)...
Kịch thơ: Trương Chi (1944), Vân muội (1944), Hồng diệp (1944)



Mục Lục

Thiên tình sử của thi sĩ Vũ Hoàng Chương - Phạm Thị Nhung - 2

Những mối tình thế kỷ - Cao My Nhân - 29

Nàng Tố của Vũ Hoàng Chương – Thế Uyên – 31

Mười hai tháng sáu – 39

Đi sâu vào tâm sự Vũ Hoàng Chương – Vũ Bằng - 40

Người thời xưa, thơ nay mới thấy - Viên Linh – 45

Phụ đính I:

“...Thơ ta chẳng viết cho đời...” – Thế Phong - 48

Tiếng thở dài của phương Đông trầm mặc – Tạ Ty - 58

Những nhà thơ không... nhà ! – Tô Kiều Ngân – 68

Vũ Hoàng Chương không nhà - Nhật Tiến - 70

Tưởng niệm Vũ Hoàng Chương – Mai Thảo - 74

Thơ Xuân Vũ Hoàng Chương – Đặng Tiến - 75

Phụ đính II:

Vũ Hoàng Chương vào tù khám lớn – Phạm Công Bạch - 84

Bài thơ khai bút cuối cùng của Vũ Hoàng Chương – Viên Linh - 89

Hoài niệm Vũ Hoàng Chương – Đặng Tiến - 92

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Thiên tình sử của thi sĩ Vũ Hoàng Chương Phạm Thị Nhung



Tình yêu là một nguồn thi hứng vô tận của loài người, bất luận ở phương trời nào và ở thời điểm nào. Chẳng thế ông cha chúng ta, từ thuở xa xưa, khi chưa có chữ viết đã biết bày tỏ tình yêu qua những câu ca dao truyền khẩu, tuy đơn sơ nhưng đã vô cùng thơ mộng và thấm thiết như:

*Một yêu là sự đã liều
Mưa mai cũng chịu,
nắng chiều cũng cam.*

hay:

*Tóc mai sợi vấn sợi dài,
Láy nhau chẳng đặng,
thương hoài ngàn năm.*

Trong văn chương bác học của chúng ta cũng không thiếu những bài thơ tình điển tuyệt, như những bài thơ tình của Nguyễn Trãi, Phạm Thái, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Dục Tông, nhưng dù sao phải đợi đến giữa thế kỷ XX, khi phong trào thơ văn lãng mạn ở nước ta bộc phát và lên cao, trong khoảng thời gian 1925-1943, thơ mới chiếm ưu thế trên thi đàn, thơ tình yêu mới thực sự trăm hoa đua nở.

Trong khu rừng của thơ tình yêu buổi ấy, tuy có nhiều kỳ hoa dị thảo nhưng hầu hết được xây dựng trên những mối tình nếu không là hư cấu, mộng ảo, thì cũng chỉ là những mối tình âm thầm kín đáo hay thoáng qua, hay ngắn ngủi, chỉ xuất hiện trong một khoảng thời gian nào đó với dăm bảy bài thơ đã là nhiều.

Trong khi đó, thơ tình yêu của Vũ Hoàng Chương ở một trường hợp khác hẳn. Có thể nói đây là một thiên tình sử bất tuyệt, rất đổi thơ mộng nhưng cũng rất đổi bi thiết với cả ngàn câu thơ. Vũ Hoàng Chương đã vì hai chữ chung tình mà bi lụy gần hết cả cuộc đời, làm ta nhớ đến Phạm Thái, một tráng sĩ cuối thế kỷ 18, đang mưu đồ phục Lê, diệt Tây Sơn, mà vì mấy năm lận đận trong bể tình (yêu Trương Quỳnh Như bị trắc trở, sau Quỳnh Như tuyệt mệnh) đã làm tiêu ma cả chí khí. “Ồi chí lớn trong thiên hạ không chứa đầy đôi con mắt mỹ nhân” là thế đó. Thơ của Vũ Hoàng Chương cũng có những nét đặc biệt. Ông theo Tây học, chịu ảnh hưởng thơ văn lãng mạn Pháp là lẽ tự nhiên; nhưng ông còn là còn người có bản ngã nghệ sĩ Á Đông: Ông giỏi Hán văn, và chịu ảnh hưởng giáo dục nghiêm khắc của thân phụ, một nhà nho bảo thủ, đồng thời ông còn chịu ảnh hưởng của thân mẫu, một tiểu thư vốn dòng khuê các, hay chữ và giỏi đàn tranh. Từ đó, Vũ Hoàng Chương mang tâm hồn của một nghệ sĩ đa tình, mẫn cảm, giàu trí tưởng tượng, tính tình thì hiền lành, tình nghĩa thủy chung. Tất cả, vâng tất cả đó đã bồi cho hồn thơ của Vũ Hoàng Chương thêm mặn nồng thấm thiết.

Ngoài ra, thi sĩ Vũ Hoàng Chương còn có cái tài hoa, cái khả năng thiên phú trong cách dùng chữ, đặt câu, tạo hình, diễn ý và gieo vần điệu, khiến thơ ông đã diễn tả được hết những rung động vi tế nhất trong đời sống nội tâm của con người. Với con người ấy, với môi trường ấy, với tài năng ấy, Vũ Hoàng Chương đã để lại cho văn học nước nhà nhiều bài thơ tình trác tuyệt, âu cũng là điều dễ hiểu.

1 – Tổ của Hoàng ơi, Tổ của anh!

Hồi đó, vào năm 1935, Hà Nội tuy sống dưới chế độ bảo hộ của thực dân Pháp nhưng có một bộ mặt rất thanh bình, vui vẻ, trẻ trung. Nhà cầm quyền đang cố tình dung túng các cuộc ăn chơi phóng túng để người ta quên đi biến cố đàn áp tàn bạo vừa qua (1), đồng thời để ru ngủ thanh niên nên các trà đình, tửu điểm, các tiệm nhậu đầm, các nhà hát ả đào (còn gọi là hát cô đầu) và các tiệm hút thuốc phiện (2) mọc lên nhan nhản. Người ta đua nhau ăn diện, nhiều cậu công tử Hà Thành diện đúng mốt Paris, tay sách can đi bên cạnh các cô gái tân thời, pháp phối áo dài Lemur Nguyễn Cát Tường (3). Họ dập dìu, tấp nập ra vào nơi các chợ phiên, các phòng triển lãm tranh ảnh mỹ thuật (do nhóm sinh viên Cao Đẳng Mỹ Thuật thực hiện). Báo chí đang hồi bộc phát vì được chính quyền nâng đỡ (4), đúng năm 1935 lệnh kiểm duyệt còn được bãi bỏ, nhưng không phải để người ta bàn chuyện chính trị mà để làm văn nghệ thuần túy.

Ảnh hưởng tư tưởng tự do và văn học lãng mạn Tây phương đã nhuần thấm trong đời sống tình cảm, tư tưởng và bút pháp của những người viết văn, nên trong thi ca cũng như trong tiểu thuyết, từ nội dung đến hình thức đã rất mới mẻ, phóng túng. Đây cũng là lúc nhóm Tự Lực Văn Đoàn đang chủ trương đẩy mạnh phong trào vui sống với ái tình lãng mạn lý tưởng xinh tươi, thơ mộng. Thơ mới đã chiếm ưu thế trên văn đàn và đang đi vào thời thượng của nó. Hà Nội thời này quả là một Hà Nội đô hội, tân tiến, thanh lịch, trẻ trung và văn nghệ.

Lúc này Vũ Hoàng Chương vừa 19 tuổi, đang theo học ban Tú Tài Pháp tại Trường Trung Học Albert-Sarraut Hà Nội. Vào một chiều chủ nhật rảnh rỗi, Dương Tuệ, bạn học của Hoàng (trong thi ca Vũ Hoàng Chương thường tự xưng như thế) lại chơi và rủ chàng đi thăm Nguyễn Minh Ngải, bạn chung của hai người, đang làm trợ giáo tại nhà bà Tư, dì của Tuệ, ở Phố Cầu Gỗ. Lần đầu tiên được quen biết gia đình ông bà Tư, Hoàng đã cảm thấy ngay cái không khí cởi mở, thân mật nơi đây mà đã từ lâu chàng thiếu thốn.

Bốn cô cậu học trò của thầy Ngải thật dễ thương, cô bé lớn nhất là Trần Tố Uyên được 14 tuổi, cùng cậu em, kém chị một tuổi, cả hai đang được thầy Ngải luyện thi Bằng Tiểu Học. Ông Tư làm Tham biện nhà giấy thếp, bà Tư có cửa hàng buôn bán riêng; thấy Hoàng vừa là bạn học của cháu mình lại vừa là bạn của thầy giáo bày trẻ nên cũng có ý vị nể và tiếp đón ân cần. Hoàng đang sống lẻ loi nơi nhà trọ, thuê của người gác vườn Bách Thảo (gần Trường Albert-Sarraut) trong khi gia đình chàng vẫn sống ở Nam Định, quê nhà; thân phụ chàng, ông Vũ Thiện Thuật, từng nhậm chức Tri Huyện, còn mẹ chàng có cửa hàng buôn bán thóc gạo. Từ mấy năm nay Hoàng đã có cái tâm trạng bất mãn cô đơn, lạc lõng giữa cuộc đời. Ngoài xã hội ư? Dân tộc còn bị nô lệ chưa nhìn thấy lối thoát; trong khi đó, xung quanh chàng người ta đang bon chen ganh đua giành giật những mảnh bằng to, mong chiếm địa vị cao để hưởng vinh hoa phú quý mà người Pháp đã cố tình nhử mồi, mua chuộc. Với bản ngã ưa sàu mộng, nhiều cảm xúc và thiếu óc thực tế như Hoàng, chốn ấy nhất định không phải là nơi chàng đeo đuổi, mà còn cảm thấy quá xa lạ là đằng khác. Còn gia đình ư? Cha chàng là một nhà nho bảo thủ, nghiêm khắc, bấy lâu nay hai cha con đã có mỗi bất hòa về chuyện hôn nhân của chàng. Ông Tri huyện chỉ muốn sau khi Hoàng học xong sẽ đi hỏi cô con gái một vị quan Bố chánh, bạn thiết của ông cho chàng. Hoàng đã theo Tây học, những tư tưởng tự do cá nhân, giải phóng tình cảm đã nảy mầm, bén rễ trong tim óc của chàng, làm sao chàng có thể nghe lời? Mỗi lần cha con nhắc đến chuyện này, sấm sét lại nổi lên.

Thế là trước sự trống rỗng của một cuộc đời không lý tưởng, trước sự chán chường của hoàn cảnh cá nhân và gia đình, Hoàng trở thành một con người mang tâm trạng bất mãn, cô đơn như một kẻ bị lưu đày, lạc lõng giữa cuộc đời.

*Riêng tôi sống cuộc đời vô vị
Khắc nỗi buồn u uẩn từ lâu*

.....
*Ôm khối hận gia đình trĩu nặng
Tôi căm hờn thù ghét hôn nhân.*

*Nhìn đời bằng con mắt bi phẫn như thế, thử hỏi còn sinh thú đâu nữa mà trông tìm, chờ đợi.
Tôi ngao ngán thờ ơ, khinh bỉ
Hết. Không hy vọng, chẳng mong cầu.*

Nhìn đời bằng con mắt bi phẫn như thế, thử hỏi còn sinh thú đâu nữa mà trông tìm, chờ đợi.

Giờ đây, mỗi khi Vũ Hoàng Chương thấy chán đời thì không khí vui vẻ, thân ái của gia đình ông bà Tư lại hiện ra và Hoàng lại muốn đến thăm thầy giáo Ngải... hai lần, ba lần, bốn lần! Rồi trở thành thông lệ. Cô bé Tố hồi này đã đỗ Bằng Tiểu Học, nàng đã rời Trường Ecole des Jeunes Filles Brioux (sau đổi thành Trường Tiểu Học Hàng Cót) để vào Trung Học Sainte Marie. Với sở trường về Anh văn, Hoàng nghiêm nhiên trở thành cố vấn đặc lực cho hai chị em Tố Uyên về môn sinh ngữ này trong những năm đầu bậc trung học, vì thầy Ngải chỉ kèm cho chị em nàng về toán và Pháp văn.

Chủ nhật nào tới chơi, gặp kỳ nhà có hội tổ tôm thì Hoàng lại đến đứng sau lưng bà Tư “gà nước”; chàng thường có những nước bài cao, tỏ ra thông minh, đôi khi bà Tư lại nhường chân cho Hoàng chơi bài thay mình. Chẳng bao lâu Hoàng trở nên người bạn thân của tất cả gia đình. Chàng được giữ lại ăn cơm và khi làm được bài thơ nào đắc ý, chàng vội đem đến khoe rồi đọc cho cả nhà nghe. Có nhiều hôm Hoàng ở lại khá muộn để giảng bài cho chị em Tố. Tình cảm quyến luyến giữa Hoàng và Tố nảy nở một cách tự nhiên quá, hồn nhiên quá nên gia đình Tố chẳng một ai để ý:

*Nhà đông người vui nhộn
Chẳng ai còn nhớ ra
Nơi này anh có mặt
Vì đâu từ bao giờ.*

Mà chính Hoàng cũng không hay. Cho đến một ngày kia, vì bận học, đã lâu Hoàng không lại thăm gia đình ông bà Tư, chàng bỗng cảm thấy nhớ nhung cô bé, con người có cái vẻ em xinh kiều diễm thiên nhiên. Sự ý thức được tình cảm xa nhau mà nhớ nhung này khiến Vũ Hoàng Chương như sực tỉnh, tự bấy lâu nay chàng thường có cái trạng thái tâm hồn lâng lâng, yêu đời, sống nửa mơ nửa thực, và đôi khi còn như lưu luyến một cái gì mà chàng chưa kịp nhận biết, thì nay chàng mới sáng ra, rồi hỏi hột tự hỏi:

*Chập chờn bến thực hay nguồn mơ
Hay chính băng khuâng là ái tình?*

Đồng thời, chàng khám phá ra lý do vì đâu chàng đã năng lui tới nhà Tố:

*Kèm cho cả nhà học
Đã có thầy giáo riêng.
Anh qua lại khuya sớm
Chỉ vì anh yêu em!*

Hoàng đã tìm được hương vị của cuộc đời, lòng chàng cảm thấy ngây ngất và dâng lên một niềm mơ ước thiết tha là sẽ được cùng ai chung sống trong hạnh phúc lứa đôi:

*Cho đến lúc vì em tôi được
Thấy mùa xuân thoảng vị men say
Tôi khao khát rồi tôi mơ ước
Chén rượu tương lai hạnh phúc đầy.*

Nhưng khi ước muốn chung đôi vừa lóe lên trong tâm trí thì Hoàng ý thức ngay rằng đó quả là điều không nên thực hiện. Tại sao thế? Vì người yêu của chàng còn trong trắng ngây thơ quá:

*Ôi Kiều Thu hồn em trong sạch
Vui sống yêu đời tuổi trẻ thơ
Ham mê chúng bạn mê đèn sách
Không chút mây buồn gợn giấc mơ.
(Kiều Thu là tên chàng đặt cho người yêu)*

Trong khi chàng vẫn chỉ là kẻ lạc lõng giữa cuộc đời với bao nỗi buồn đau tủi hận, làm sao chàng có thể đem lại được hạnh phúc cho người chàng yêu. Thế là ước muốn yêu đương chung đôi vừa nhen nhúm đã vội dập tắt, chôn chặt tận đáy lòng:

*Vì anh vẫn ước chẳng bao giờ
Em hiểu tình ta nhắc chuyện xưa.
Anh sợ đời anh đầy lệ tủi
Không làm vui được em ngây thơ.*

Ngày lại ngày, chàng vẫn êm đềm đi bên cạnh cuộc sống thơ ngây của nàng, song là cái êm đềm trên mặt nước có sóng ngầm:

*Anh vẫn như chiếc bóng
Qua lại bước êm ru*

nhưng:

*Thịt da nào gợn sóng
Vang dội tên Kiều Thu !*

và:

*Kín tiếng nhưng lòng riêng xôn xao
Ai thấy phong ba nơi bể hồn.*

Chúng ta cũng hiểu, theo tâm lý học, khi con người càng cố gắng che dấu tình cảm lộ ra bên ngoài bao nhiêu, thì sự dồn nén lại khiến đời sống tình cảm bên trong càng thêm mãnh liệt bấy nhiêu. Chính vì sự khao khát chung đôi không dám thổ lộ cùng ai nên nó đã lẩn vào trong tiềm thức của Hoàng, rồi một đêm nào đó, nó hiện lên trong giấc mơ để giải tỏa cho nỗi lòng khác khoải bấy lâu. Chỉ trong mơ, Vũ Hoàng Chương mới sống thực như lòng mình, và chàng đã say sưa giải bày hết chân tình cùng ai:

*Xuân đắm trong mơ một buổi chiều
Bên em anh thấy sóng lòng xiêu
Mê man giải hết tình u ẩn
Trong lúc điên rồ anh quá yêu.*

Em cười chế riễu: “Anh thường bảo

*Ưa kiếp giang hồ sóng lẻ loi .
Sao anh nghĩ đến tình duyên sớm
Gạn hỏi chiều nay chuyện lứa đôi”.*

Cũng vì sự khao khát được yêu nên trong thơ Hoàng còn thấy nàng Tố cười cợt nhưng cũng đã cảm động rơi lệ. Đối với Hoàng thế là đủ, chàng đã mãn nguyện, điều gì chàng muốn biết, đã biết. Giọt nước mắt ấy đã tố cáo nàng đã yêu chàng (dù chỉ trong mơ thôi đấy nhé!)

*Hỡi ơi một phút giây huyền ảo
Đủ giệp lòng anh sóng gió yên
Anh sẽ trầm luân ngàn kiếp nhớ
Cho dấu ngày mai em lãng quên.*

Cuộc sống tạm yên phận như thế êm trôi như mơ:

Tháng năm diu diu trôi mơ màng

Nàng Tố vẫn sống yên ấm trong vòng tay thương yêu của gia đình, và Vũ Hoàng Chương vẫn nhận được tình cảm quyến luyến đặc biệt của nàng dành riêng cho chàng:

Coi chàng hơn bạn thiết

Coi chàng hơn anh trai.

Cho đến một ngày kia Hoàng chợt nhận thấy cuộc sống của người yêu đã bắt đầu có sự đổi khác:

Em chẳng còn ham chơi, như trước

Nhịp máu rung trời nước đâu đâu

Có khi ngồi lặng giờ lâu

Vẫn vợ nét bút, đường khâu ngại ngừng.

Xiết bao về thẹn thùng e lệ

Trong làn thu cô bé năm xưa.

Mầm mống báo hiệu của tuổi dậy thì nơi người thiếu nữ thế là đã rõ. Vũ Hoàng Chương dù hiểu rằng con người ta cũng như vạn vật làm sao thoát được luật vô thường, biến dịch của trời đất; thời gian trôi mau, sẽ cuốn phăng đi tuổi xanh thơ mộng của người yêu và nàng sẽ đổi thay:

Khi bức rèm tuổi xanh mơ mộng

Đã cuốn dần theo thời gian mau chóng

Lòng em thay đổi.

Nghĩ tới đó, Vũ Hoàng Chương hoảng sợ... Có cái tâm trạng hoảng sợ này cũng vì chàng biết chắc một ngày rất gần thôi, người yêu của chàng sẽ trở thành một thiếu nữ tuyệt sắc, một ước mơ của cuộc đời và nàng sẽ bị cuộc đời lôi cuốn theo:

Khi cô bé hôm nay

Chưa một ai ca tụng mê say

Đã trở thành trang thiếu nữ

Có phép thu hồn trong sóng thu tình tứ

Khi về phong lưu tuyệt sắc của giai nhân:

Đã điếm nên tranh, đã dệt nên vắn

Đã rung lên muôn lời ca điệu hát.

Tương lai chưa xảy ra, mà cũng mới chỉ là dự phóng của Hoàng thôi, chàng đã tự đầy ải mình trong nỗi khổ đau của kẻ bị lãng quên:

Khi ấy, khi đời em đầy mộng tưởng

Như thủy trào dâng biển lớn mênh mông

Đắm đuối trong tương lai,

những giờ vui sẽ hưởng

Không biết em còn nhớ đến tôi không?

Hoàng không hề có mặc cảm thấp kém, thua sút thiên hạ, không thể với tới được Tố mà đành cam phận con giun đất, hướng vọng về ngôi sao ở tận mãi trên trời cao. Không, chàng học giỏi, thông minh, chính gia đình Tố đã xác nhận điều này. Chàng đang theo học ban Tú tài Pháp ở trường Trung Học Albert Sarraut, chàng đủ sức đỗ, và quả năm sau (1937) chàng đã lấy được bằng Tú Tài Pháp ban toán; chàng cũng dư sức để giật lấy mảnh bằng Cử nhân Luật như ai nếu chàng muốn, để trở thành mẫu người ước mơ của xã hội thời ấy. Nhưng nếu thế Vũ Hoàng Chương đã chẳng còn là thi sĩ Vũ Hoàng Chương của chúng ta nữa .

Hoàng tự biết mình không thể nào trở thành một ông Tri huyện đạo mạo, quyền thế, xét nét

dân đen; chàng cũng không thể nào là một Luật sư tài danh danh thếp, hùng biện xoay không thành có, cãi có thành không; chàng không thể là gì gì nữa trong cái xã hội đầy phiến toái này, có nghĩa là chàng sẽ không thể đem lại hạnh phúc cho người chàng yêu. Vì ý thức rõ rệt như thế nên Vũ Hoàng Chương đã quyết định rời Tổ đi xa. Chàng chấp nhận mọi thiệt thòi để người yêu sau này sẽ được hưởng hạnh phúc trong cuộc đời của nàng.

Nhưng vừa rời Tổ ra đi Hoàng đã rơi ngay vào cái tâm trạng bơ vơ, trôi giạt thướt nào. Nói khác đi, chàng lại tự đầy ải mình trong kiếp đau thương của một kẻ đi đầy giữa cuộc đời:

*Tôi lại bơ vơ đường quạnh vắng
Chiếc lá khô tàn mặc gió đem.
Ôi một kẻ đi đầy tuyệt vọng
Suốt đời số mệnh chẳng buông tha.*

Chàng chỉ còn biết tự an ủi bằng chút kỷ niệm vang bóng của những ngày đã qua:

*Tôi theo đuổi chút gì vang bóng
Yêu, vui, hồi hộp những ngày qua.*

Rồi chính ý thức đau thương phải xa rời người yêu đã làm hoang rợn lên lòng thương xót đối với thế nhân, trong đó có người chàng yêu. Thế nhân ngoài kia đang ngập lặn trong thứ hạnh phúc xây dựng trên tài sắc danh lợi những thứ phù du ấy một mai không còn nữa, con người dễ trở nên tệ bạc, bội phản. Đã có bao nhiêu và sẽ còn bao nhiêu nạn nhân của tình đời đen bạc này? Từ sự thương xót đó Hoàng đã tìm ra được niềm vui trong ý nghĩa hy sinh:

*Để gượng sống so đây thi nhạc
Cao dâng lời thắm khúc bi ca
Cho rung động loài người tệ bạc
Cũng vì em, tình của đôi ta.*

Nói rõ hơn, nhà thơ Vũ Hoàng Chương đã tìm được thú đau thương trong sự thiệt thòi thương đau của mình, nói như giáo sư Lê Tuyên trong Chinh Phụ Ngâm Và Tâm Thức Lãng Mạn Của Kẻ Lưu Đày (6): “Có đau thương mới làm sáng được thiên đường của tình yêu”. Quả vậy, vì chính sự thiệt thòi đau thương ấy đã làm tỏ rõ được tình yêu cao thượng của Hoàng, nó sẽ giúp cảm hóa lòng người, làm khơi dậy được tình yêu chung thủy nơi họ. Những điều này đã đem lại cho Hoàng niềm hạnh phúc, tự mãn.

Nhưng đã là tình yêu đích thực thuộc về thế giới thiêng liêng, huyền nhiệm của tâm hồn, và thế giới phức tạp chủ quan của tình cảm con người thì để đâu đem những lý luận thuộc về lý trí khách quan mà thuyết phục, mà giải quyết được. Thế nên, tuy dứt khoát bỏ ra đi, xa hẳn người yêu để nàng được yên sống trong thế giới của nàng, Vũ Hoàng Chương vẫn không nguôi được lòng thương nhớ, tưởng vọng; mỗi giờ phút phải xa nàng là mỗi giờ phút khắc khoải, đờn đau:

*Tự nhủ sống là quên, anh vẫn muốn
Đem tháng ngày khâu kín vết chia ly.
Nhưng mỗi phút thời gian đưa thếp nhọn
Máu thấm rơi mỗi phút đày tim si.*

Để chống chọi với nỗi nhớ nhung, đau thương của mình, Vũ Hoàng Chương đã tìm quên bằng mọi cách.

Chàng đắm mình trong những cuộc ăn chơi trác táng, hết gái, lại đến thuốc phiện, chàng tự chôn vùi nhân phẩm để mong nàng sẽ khinh rẻ, hắt hủi; tự ái có bị tổn thương va chạm, chàng mới có thể quên được nàng:

*Anh lại muốn đắm mình trong trác táng
Giữa mê ly đầy xác thịt kiêu sa.
Nhưng mỗi lúc đêm tàn trời hừng sáng
Anh khóc mùa trinh bạch sớm tiêu ma.
Và anh cũng muốn thiêu hồn trong lửa đỏ*

*Lượm tàn tro vang bóng gửi xa đem
Nhưng mỗi lúc buông tay liêu mặc gió
Anh nhớ ngày thơ mộng sống bên em.*

Có ngờ đâu chính những kỷ niệm thơ mộng trong những ngày Hoàng được sống gần gũi bên người chàng yêu đã làm sống dậy tình yêu trinh bạch thuở ban đầu của chàng, và những hình ảnh ngây thơ trong sáng của nàng Tố đã vô tình trở thành chiếc phao cứu nạn, giúp chàng thoát khỏi sự sa lầy trong cuộc sống trụy lạc.

Những thú ăn chơi trác táng đã không thể giúp cho Vũ Hoàng Chương nguôi ngoai được nỗi đau khổ phải xa Tố, chàng bèn tìm quên trong kiếp sống giang hồ.

Nhưng đi đâu? Hết Na Sầm rồi Thanh Hóa, Lạng Sơn, nơi nào chàng cũng chỉ nhìn thấy ngoài trời một màu âm đạm, còn trong lòng thì “nung nấu lòng dưa héo mòn”, chỉ vì:

*Làm sao quên được tình ai
Chàng Lưu còn nẻo Thiên Thai còn tìm.*

Thế là nhà thơ của chúng ta đành xếp giáp tính chuyện quay về:

*Mai anh bỏ kiếp giang hồ lại
Đáy biển vừa rung động mũi kim
Phải gắng theo xong đường chỉ dờ
Uyên ương liền cánh mãi đôi chim.*

Ý tưởng trở về phen này quyết tìm mọi cách để tiếp tục xây dựng tình yêu cùng Tố, lo thực hiện mộng ước chung đôi với Tố vừa xuất hiện trong tâm trí Vũ Hoàng Chương, thì mâu nhiệm thay tình yêu hạnh phúc nơi chàng liền được hồi sinh. Không chỉ hôn chàng phơi phới mà tất cả vạn vật được phóng nhìn qua con mắt yêu đời của chàng cũng như đổi khác. Chúng không còn là những hiện tượng thiên nhiên vô hồn đơn giản thực hữu nữa, mà đã trở nên sinh động vô cùng, chúng cũng đang ngan ngát một màu yêu:

*Có một mùa thu đẹp chẳng ngờ
Mây chiều giải lụa, sớm giăng tơ,
Nắng thanh bình cũng vàng như bướm
Hoa cũng vàng như nguyệt trẻ thơ.*

Và giờ đây chuỗi ngày hạnh phúc của tình yêu lứa đôi mới thực sự bắt đầu. Đó là năm 1938, lúc này gia đình Tố đã rời phố Cầu Gỗ, dọn nhà về phố Kỳ Đồng (tức Capitaine Bruisseau). Hạnh phúc tràn đầy quá, Vũ Hoàng Chương đã phải thú nhận:

*Bao nhiêu là chuyện thần tiên quá
Nhảy múa thi trong giấc mộng đầu.*

Tình yêu của Vũ Hoàng Chương và Tố Uyên khởi đi từ lòng cảm mến hồn nhiên của tuổi trẻ, do hoàn cảnh thân cận tạo nên đã đành; đây còn là tình yêu thơ mộng, đồng điệu của đôi thanh niên nam nữ tính tình đậm thắm đa cảm, vừa lớn lên, lại theo Tây học, chịu ảnh hưởng tư tưởng tự do, giải phóng tình cảm cá nhân của văn chương Pháp. Nay tình yêu có điều kiện nảy nở, hẳn là một cơ hội tốt để tâm hồn họ rung động và tạo ra biết bao mỹ cảm. Và trong bao nhiêu vốn sống tươi rói của cuộc tình đầu này, Vũ Hoàng Chương đã biết ghi nhận lấy những khoảnh khắc nên thơ nhất để thể hiện thành thi ca. Đây ta hãy nghe nhà thơ kể lại:

Nào những bữa cơm thân mật trong gia đình:

*Những chiều đông rét mướt
Cả nhà ngồi vây quanh
Bàn ăn khói nghi ngút
Bên em vẫn có anh.*

Nào những buổi đón học:

Em biết anh chờ em ngã ba

*Trường Thi, Ngõ Huyện vắng người qua
Đi chung một quãng, chiều tan học
Chẳng nói yêu mà yêu thiết tha.*

Nào những lúc trao thư:

*Em biết anh chờ em ngã tư
Hàng Khay, Hàng Trống để trao thư.
Lời yêu chẳng viết nhưng trong ý
Ta đã cùng chia một động từ.*

Hay những khi hồn dỗi:

*Bài toán khó em hỏi
Trêu cợt anh lắc đầu.
Em hỏi thầy giáo chứ
Anh biết làm toán đâu.
Em giận không cười nữa
Thôi thế anh về đi
Trời! Anh về sao được!*

Thế rồi lại một phen Vũ Hoàng Chương phải ì ôi xin lỗi, nhưng cuối cùng thì “giận nhau càng yêu thêm”.

Tình yêu của Hoàng và Tố còn được nuôi dưỡng trong hương vị của văn chương. Thời bấy giờ trên các sách báo, những tiểu thuyết tình lãng mạn thơ mộng như Hồn Bướm Mơ Tiên của Khái Hưng, Đôi Bạn của Nhất Linh... hay những bài thơ tình ảo mộng hay thiết tha, phóng túng của Hàn Mặc Tử, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Bính, Xuân Diệu... đang là những món ăn tinh thần thời thượng của giới trẻ. Trong thế giới tình cảm riêng của Hoàng và Tố, chàng cũng đang say sưa sáng tác không biết bao nhiêu vần thơ tình thắm thiết để tặng nàng:

*Kiều Thu ơi thơ viết
Trăm nghìn vần cho em
Cũng chỉ là tiếng đập
Từ sâu thẳm trái tim.*

Tiếng lòng thành thật bao giờ cũng dễ làm cảm động đối tượng, hơn nữa, Vũ Hoàng Chương còn hiểu rất rõ hiệu lực những dòng thơ tình của chàng đối với người yêu như thế nào:

*Giọng chữ nghe ẩn hiện
Ngọt ngào trên đôi môi
Nồng say như gió biển
Lùa trong nhịp máu trôi.*

Hậu quả tất nhiên đã đến với nàng Tố là:

*Đủ các môn em học
Mỗi bài cả trăm lần.
Nhưng vang dội tim óc
Toàn lời thơ ái ân!*

Cuộc tình ấy còn được tô bồi bởi trí tưởng tượng phong phú của thi sĩ, thế nên nhiều khi từ cuộc sống hiện thực tác giả đã đi vào mộng lúc nào không hay. Thực với mộng quyện lẫn vào nhau, phụ họa, tô điểm cho nhau. Mộng nhờ có thực mà trở nên sinh động, có hồn. Thực cũng cần có mộng để thêm thi vị, nên thơ.

Dù thực hay mộng, ta thấy Vũ Hoàng Chương đã thực sự được sống những giây phút hạnh phúc nhất trong tình yêu lứa đôi của loài người.

Này đây những lúc cùng sánh bước dạo phố:

*Ai biết chiều nay sánh bước
Hàng Ngang, Hàng Trống, Hàng Khay*

*Cả một trời anh mơ ước
Mở trong tà áo em bay.*

Này đây chuyến đi chơi Hải Dương :
*Mau xuống đò thôi kéo mợ trông
Gió lên, đò nhỏ xiêu chân sóng
Vừa gỡ tay ra, vội nắm tay
Đứng sát vai nhau liền cả bóng
Tình ta ai gỡ nổi từ đây.*

Này đây là chuyến du xuân :
*Theo gió xuân lên đường Ngọc Hà
Nẻo về tươi nắng trại hàng hoa.
Đến vườn Bách Thảo, anh reo khẽ:
-Thượng uyển này riêng của chúng ta !*

Đêm hôm ấy ra về, Vũ Hoàng Chương còn cảm thấy hồn mình ngây ngất mãi:
*Đưa em về phố tạm chia tay
Trở lại vườn khuya anh vẫn say.
Trên đỉnh tình yêu hồn chót vót
Tha hồ cọp hú lộng hơi may.*

Tuy vậy giữa hai người, tình yêu vẫn chưa một lần được lên tiếng chính thức, được thú tội, vì nàng còn kiêu kỳ lắm, và chàng thi sĩ của chúng ta cũng đâu có chịu thua:

*Hai bên cùng kiêu kỳ như nhau
E dè như nhau nên nghi ngờ
Không ai cho ai lời yêu đầu
Anh làm vô tình, em gây thơ.*

Nhưng họ đóng vai trò ấy vụng về lắm, rõ là:
*Đôi tim đóng then mà hở hên
Đôi hồn kín bụng mà trống trênh.*

Thật thế, nàng Tố chẳng cần phải viện đến giác quan thứ sáu bén nhạy của người con gái nàng cũng dư biết tiếng lòng của ai, vì cái nhìn “đăm đăm” cùng những hành động sẵn đón và những bài thơ mơ yêu của chàng .

Nhưng còn Vũ Hoàng Chương, chàng có đoán biết được tình ý của người yêu không? Có chứ, bằng nhiều cách lắm, trước hết là chính những cử chỉ hữu tình của nàng đã tự tố cáo tình yêu của nàng dành cho chàng :

*Em đã nao lòng anh mê man
Đuôi mắt, đầu môi tình chứa chan.*

Tình yêu cũng như hương thơm của hoa, dù có dấu dưới hang cùng, hốc thẳm nào, hương thơm của nó vẫn tỏa thoát ra bên ngoài, những kẻ cố tình tìm hoa vẫn có thể dũi theo “dấu hương” mà tìm tới.

Sau nữa là nhờ sự mẫn cảm đặc biệt của nhà thơ, Vũ Hoàng Chương đã khám phá ra tiếng lòng thầm kín của người yêu, qua một vài điệu bộ, hành động và phản ứng của nàng , như: Qua ánh mắt:

*Đường về nhà quanh co thơm ngát
Em nhìn anh chưa nhạt còn mê.*

Qua ánh mắt của người yêu, Hoàng đã hiểu là nàng muốn nói với chàng:

*Đời em chẳng có anh sao được
Lời nói say như một chén thề.*

Qua giọng nói thân thương, nũng nịu của ai kia, Hoàng cũng đã đoán được thâm tình trao gửi

của nàng:

*Em nói- Để em cài lại tóc
Mà như trợn vện một đời trao.*

Lại như qua cửa chỉ cúi đầu và phản ứng đỏ má:

*Thấy anh đăm đăm nhìn
Cúi đầu em đỏ má.*

Từ đó Hoàng đã nhìn ra tâm ý của người yêu:

*Như hiểu niềm van xin
Như hẹn cho tất cả.*

Còn nữa, Vũ Hoàng Chương còn khám phá ra tình cảm của nàng dành cho chàng bằng lối lý luận rất trữ tình.

Đó là những cử chỉ” làm duyên” :

*Bao nhiêu cử chỉ làm duyên ấy
Đã mách tình em đủ lắm rồi.
- Em đừng chối vô ích
“Làm duyên” là” yêu” rồi !*

Đó là tiếng reo “thích nhỉ”:

*Anh bảo em cố học
Rồi mai chung một nghề.
Chapa rừng núi đẹp
Là chỗ ta đi chơi.
Em reo thích nhỉ như vừa được
Sống trước say sưa một quãng đời.
- Cũng đừng chối vô ích
“Thích nhỉ” là” yêu” rồi !*

Đó là sự” hờn dỗi” :

*Một lá thư nhỏ nhắn
Của cô nào không biết
Anh cất trong túi áo
Ngồi bên em đánh rơi
Em vô tình bắt được
Hờn dỗi mấy hôm trời.
Nhưng đâu có phải anh lơ đãng
Anh muốn thử lòng em đấy thôi.
- Càng chối càng vô ích
“Hờn dỗi” là “yêu” rồi !*

Cùng với những khám phá trên, nhà thơ của chúng ta còn đưa ra một lý luận rất lô gích, rất hợp, tình hợp lý để được yên tâm sống trong hạnh phúc tuyệt vời của tình yêu lứa đôi:

*Bao nhiêu năm gần gũi
Bao nhiêu ngày bên nhau.
Anh có phải là sắt
Em có là gỗ đâu.
Nụ cười đuôi mắt say sưa ấy
Đã hẹn yêu anh đến bạc đầu.*

Thế nên Vũ Hoàng Chương đã chấp nhận tình yêu mà không cần nàng phải hứa hẹn, thề thốt gì, và còn cho đấy là sắc thái riêng của một tình yêu êm đẹp tuyệt vời:

Không cần phải hứa

*Không cần nói yêu nhau.
Không yêu mà vẫn là yêu đấy
Em đẹp làm sao giấc mộng đầu !*

2- Tố của Hoàng ơi hỡi nhớ thương!

Thời gian êm trôi cho đến chuỗi ngày Tố Uyên sửa soạn đi thi Trung học. Mỗi chủ nhật thầy giáo Ngái soạn đề thi thử về toán và pháp văn thì Vũ Hoàng Chương cũng tất bật lo soạn đề thi thử về Anh văn cho hai chị em Tố. Nhiều tối ghé chơi, nhưng rồi chàng lại nấn ná ở lại tới khuya để giảng thêm bài cho chị em nàng:

*Mùa thi rồi gương lược
Anh sửa soạn cho em
Ngay từ nửa tháng trước
Ngồi khuya đêm lại đêm.*

...

*Anh ngồi bên học giúp
Cho em mau thuộc bài.*

Không biết lỗi học thi như thế có làm cho nàng Tố “mau thuộc bài” thật không, nhưng chúng ta biết chắc chắn là nhà thơ của chúng ta rất hạnh phúc :

*Thời gian rút hạnh phúc
Bao nhiêu đêm ngồi kể
Bấy nhiêu vòng khăn khít
Buộc đôi hôn si mê.*

Rồi ngày thi tới, những buổi nàng đi thi, dù đã có bác xe đưa đón, Vũ Hoàng Chương vẫn không bao giờ vắng mặt:

*Đưa nhau riu rít đón nhau về
Ngày lại ngày cho tình càng mê.*

Ngày Vũ Hoàng Chương đi xem bảng cho Tố Uyên cũng để lại một kỷ niệm đẹp khó quên trong lòng chàng. Thấy tên nàng đỗ, Vũ Hoàng Chương vui mừng khôn xiết vội phóng xe về nhà người yêu, chàng vừa thấy bà Tư đứng nơi cửa ra vào, dù chưa kịp gác xe vào vỉa hè, chàng đã vội ríu rít báo tin vui — Tố đỗ rồi! -Tố đỗ rồi! Chàng reo to quá đến cả xóm đều nghe thấy. Đó là giữa năm 1939, lúc này Tố Uyên đã được 18 tuổi, đang ở cái tuổi thanh xuân mơn mớn đào tơ của người con gái. Nàng đẹp nổi tiếng, trong tác phẩm “Những Khuôn Mặt Văn Nghệ Đi Qua Đời Tôi” xuất bản tại Mỹ Quốc, 1990, Tạ Tỵ cũng phải công nhận điều này.

Đây cũng là lúc đang có phong trào kén chồng theo quan điểm “phi cao đẳng bất thành phu phụ” của các cô gái gia thế Hà thành. Mấy cô bạn học của Tố hầu hết đã nhận trầu cau của các ông Bác sĩ, Luật sư đầu đầy cả rồi. Tố Uyên cũng có nhiều chàng trai danh giá “rấp ranh bán sê”, và bà Tư rất hãnh diện về con gái. Nhưng vì đã có thiện cảm với Vũ Hoàng Chương, bà Tư còn biết nhà thơ yêu con gái mình tha thiết, bà thương nhà thơ hơn nữa ở điểm khi tiếp xúc với họ hàng nội ngoại của ông bà, Vũ Hoàng Chương đều thưa gửi -cô -dì -chú -bác... theo như chị em Tố, như chàng đã là người nhà của gia đình bà. Ngoài ra bà cũng đoán biết phần nào tình ý của con gái nên bà không nề gì nhà thơ vẫn còn lẹt đẹt ở năm thứ nhất trường Luật (Vũ Hoàng Chương chỉ ghi danh rồi đi học phát phơ vài buổi, chàng không thấy hợp nên có học gì đâu mà thi với đỗ!). Bà vẫn có ý tác thành cho đôi trẻ nên vợ nên chồng, vì bà đã dự tính, sau này gả con cho nhà thơ rồi bà sẽ cho “hai đứa” đi Pháp du học.

Riêng Vũ Hoàng Chương, chàng cũng hiểu đã đến lúc phải về thưa chuyện với cha mẹ đem trầu cau đến xin Tố cho mình. Ngờ đâu dông bão đã xảy ra, ông bà Tri huyện đã giận Vũ Hoàng Chương không chịu đi hỏi con gái quan Bố chánh theo ý muốn của ông bà, nên đã thẳng tay gạt bỏ chuyện xin đi cầu hôn của con. Ông bà chê Tố là học trò trẻ con, lại theo Tây học nhặng nhít, không thể về làm dâu một gia đình nề nếp quan cách như gia đình ông bà; còn bà Tư, mẹ của Tố, là dân buôn bán (bà Tư hồi đó đang có cửa hàng xuất nhập cảng giấy) lại

quá trẻ (mới có ba mươi tám tuổi), không xứng thông gia!
Bao nhiêu mộng ước đang đến hồi đẹp nhất, cao điểm nhất nay bỗng bị cha mẹ phản đối quyết liệt đã khiến Vũ Hoàng Chương choáng váng, đờn đầu; chàng còn vô cùng khổ sở và ngượng ngùng khi nghĩ đến gia đình Tố Uyên, vì chàng biết giải thích ra sao? Biết nói gì bây giờ? Thế là chàng trốn luôn, không dám bén mảng đến nhà Tố nữa.

Duyên tình thì trắc trở lại không được gặp mặt người yêu, Vũ Hoàng Chương làm sao tránh khỏi buồn khổ. Chàng chỉ còn một cách là cố gắng tìm quên, và chàng đã tìm quên trong những thú say sưa. Chúng ta hãy nghe nhà thơ nói về cái say nháy đắm và say rượu xem chàng có thành công hay không?

Ánh đèn tha thướt

Lưng mềm nảo nuốt dáng tơ

Hàng chân lả lướt

Đê mê hồn gửi cánh tay hò.

*Âm ba gờn gợn nhỏ
Ánh sáng phai phai dần
Bốn tường gương điên đảo
bóng giai nhân
Lui đôi vai, tiến đôi chân
Riết đôi tay, ngả đôi thân
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió
Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ
Hãy thêm say, còn đó rượu chờ ta.*

*Say đi em, say đi em
Say cho lơi lá ánh đèn
Cho cung bậc ngả nghiêng
điên rồ xác thịt
Rượu, rượu nữa, và quên, quên hết!
Ta quá say rồi sắc ngả, màu trôi
Gian phòng không đứng vững
Có ai ghì hư ảnh sát kê môi.*

Những đoạn thơ trong bài “Mời Say” trên được in trong thi tập “Thơ Say”, tác phẩm đầu tay của Vũ Hoàng Chương, xuất bản vào năm 1940 tại Hà Nội, đã cho chúng ta thấy nghệ thuật độc đáo của bài thơ này chính là ở chỗ tác giả như không cố ý làm nghệ thuật, nhà thơ cứ để cho những cảm giác và cảm xúc của mình trào ra thành thơ, lướt trên đầu ngọn bút. Cái tài hoa, cái duyên dáng trong thơ Vũ Hoàng Chương lộ ra rất rõ trong những từ ngữ gợi tả hình ảnh, ánh sáng, màu sắc, âm thanh, cảm giác và cảm xúc; sau nữa là nhạc điệu của bài thơ uyển chuyển, thanh thoát vô cùng, tất cả đã giúp vào việc dẫn khởi đưa tâm hồn người thưởng ngoạn đi vào thế giới chuyễn choáng men say, chập chờn trong vũ điệu “tango” phóng túng (tango de fantaisie) và bồng bênh trong tiếng nhạc, mờ ảo trong ánh sáng...

Trở lại với Vũ Hoàng Chương, ta thấy cho đến lúc dù chàng đã say mèm, “say không còn biết chi đời”, đến gần như vô tri, vô giác thế mà trong tiềm thức của nhà thơ, mối sầu vẫn sừng sững như thành, không làm sao sụp đổ :

Trong men cháy giác quan vừa bén lửa

Say không còn biết chi đời.

Nhưng em ơi đất trời nghiêng ngửa

Mà trước mắt thành sầu chưa sụp đổ

Đất trời nghiêng ngửa

Thành sầu không sụp đổ em ơi!

Không biết đã từng có ai mượn cách say men, say khói mà quên được sầu không, riêng Vũ Hoàng Chương chàng thấy mình càng say bao nhiêu thì mối sầu lại như càng thấm thía, càng lắng sâu bấy nhiêu:

*Có ai say để quên sầu
Lòng ta lảo đảo càng sâu vết buồn.*

Lại nói đến gia đình bà Tư, sau ngày Tố Uyên thi đỗ bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp, gia đình ông bà Tư hơi lầy lợ vì không thấy Vũ Hoàng Chương lại chơi như trước, thời gian này kéo dài có đến cả nửa năm. Rồi một hôm cô Viên, em họ Vũ Hoàng Chương, đồng thời cũng là bạn của Tố lại chơi, cho biết tự sự. Gia đình bà Tư bị va chạm tự ái nên rất bức mình, và được biết Vũ Hoàng Chương đã bỏ học đi làm phó kiểm soát viên sở Hỏa Xa Đông Dương. Ít lâu sau lại thấy Hoàng thỉnh thoảng ghé thăm, biết Hoàng vẫn níu hy vọng, không muốn cắt đứt. Gia đình Tố tuy giận ông bà Tri Huyện, nhưng nhìn thấy Hoàng thì lại thương nên có ý nấn ná đợi chờ. Trong thời gian này Vũ Hoàng Chương và Tố Uyên tuyệt nhiên không gặp nhau riêng lần nào. Bà Tư đã có lần gọi Vũ Hoàng Chương ra nói chuyện, bà cho biết bà sẵn sàng gả Tố cho chàng, nhưng điều kiện tiên quyết là ông bà Tri huyện phải đến xin hỏi cưới đàng hoàng. Lễ tất nhiên là phải như vậy, vì ảnh hưởng Nho giáo còn nặng nề trong xã hội Việt Nam ta thưở ấy. Thế là vì danh giá gia đình, vì danh giá của Tố, ông bà Tư không thể chấp nhận gả con cho Vũ Hoàng Chương mà không có sự đồng ý của cha mẹ chàng.

Thấm thoát đã gần hai năm trôi qua, không thấy ông bà Tri huyện thăm viếng hay đánh tiếng gì, và những tháng sau cùng Vũ Hoàng Chương cũng bật tâm luôn, ông bà Tư hiểu là chuyện chờ đợi không đi đến đâu, và cũng vì tự ái, ông bà bèn hết lời khuyên giải Tố để nàng hiểu rằng, nàng đã 20 tuổi rồi, đã đứng tuổi rồi, (thời đó con gái 20 tuổi đã cho là già, sắp ế chồng!), nay bao nhiêu người danh giá hỏi không nhận lời đi, đến khi quá lứa lỡ thì lấy ai được nữa! Và Vũ Hoàng Chương chắc cũng chẳng yêu tha thiết gì Tố, nếu không, chàng phải cố gắng học hành để tỏ ra xứng đáng với nàng chứ? Nhất là đã từ lâu Vũ Hoàng Chương chỉ thỉnh thoảng ghé thăm phát phờ chứ không tỏ ra tha thiết thân tình như xưa nữa.

Tố là gái mới lớn, thấy Vũ Hoàng Chương cũng xứng đáng lại yêu mình tha thiết, làm bao nhiêu thơ ca tụng mình, bảo sao nàng không cảm động? Và Tố đã yêu lại Vũ Hoàng Chương, điều đó không thể phủ nhận, nhưng nàng tất nhiên không yêu si mê như chàng đã yêu nàng. Nay thấy chàng hờ hững, cha mẹ chàng lại chê nàng không chịu đi hỏi, tự ái của một cô gái vừa đẹp, vừa học giỏi lại con nhà giàu bị quá tổn thương, làm sao nàng không buồn tủi? Nàng lại thương mẹ, biết mẹ lo lắng cho mình, nên cuối cùng nàng đã nghe lời, chấp nhận tìm hiểu ông Cương là người vừa đỗ Cử Nhân Luật mà bà nội nàng đã có ý chọn cho. Sau ba bốn lần gặp gỡ, Tố chưa yêu ông Cương nhưng cũng thấy chẳng có gì để phản đối, mẹ ông Cương lại thúc giục, thế là gia đình nàng cho tiến hành lễ Trạm ngõ (khoảng tháng 3, 1941).

Đúng một tháng sau, bà huyện, mẹ Vũ Hoàng Chương cùng với cụ mẹ chồng cô em gái ông huyện đến thăm ông bà Tư, ướm lời hỏi Tố cho Vũ Hoàng Chương, nếu bằng lòng thì nhà trai sẽ đưa lễ vật.

Hỡi ơi, đến lúc ông bà huyện kịp nhìn thấu nỗi lòng của con, biết thương con thì đã muộn rồi, đã lỡ làng hết rồi.

Khi Vũ Hoàng Chương biết tin Tố Uyên đã nhận trầu cau của người khác thì quá thất vọng, lâu đài tình ái sụp đổ tan tành. Trước kia chỉ là sự cản trở của cha mẹ thì chàng còn có thể thuyết phục, nay nàng đã nhận lời người ta thì vô phương rồi. Quá bất mãn trước thực tại phũ phàng:

Tình đã mất

Sự nghiệp không

Cuộc đời chẳng chí hướng

Vũ Hoàng Chương cảm thấy chơi với, lạc hướng, chàng muốn chạy trốn, muốn xa lánh hẳn mặt đất đầy đau thương này:

Nhỏ neo rồi thuyền ơi xin mặc sóng

Xô về Đông hay giạt đến non Đoài

*Xa mặt đất giữa vô cùng cao rộng
Lòng cô đơn cay đắng họa dần vơi.*

Vũ Hoàng Chương mang tâm trạng lạc loài, chơ vơ, u uất của một kẻ đầu thai làm thế kỷ, bị lưu đầy giữa cuộc đời kiêu bạc; nơi đây không phải là chốn cho những người có tâm hồn mơ mộng, giản dị như chàng dung thân, và chàng mong được thoát đi, đến một phương trời xa vơi, thanh thản nào đó :

*Lũ chúng ta đầu thai làm thế kỷ
Một đời người u uất nổi chơ vơ.
Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị
Thuyền ơi thuyền xin ghé bến hoang sơ.*

Tưởng đâu Vũ Hoàng Chương đã gặp Baudelaire qua bài *Élévations*:

*Envole-toi bien loin de ces miasmes morbides
Va te purifier dans l'air supérieur
Et bois, comme une pure et divine liqueur
Le feu clair qui remplit les espaces limpides.*

Nhưng không hẳn thế, Baudelaire mang tâm trạng của kẻ bị lưu đầy trong một thế giới đầy phiền muộn và chông chất những khổ đau, và nhà thơ này mong mỗi được sống trong một thế giới tràn ngập ánh sáng và thanh tịnh:

*Derrière les ennuis et les vastes chagrins
Qui chargent de leurs poids l'existence brumeuse.
Heureux celui qui peut d'une aile vigoureuse
S'élancer vers les champs lumineux et sereins*

Vũ Hoàng Chương trái lại, chỉ mong một cuộc sống giản dị, thanh thoát:
Thuyền ơi thuyền, xin ghé bến hoang sơ!

Cho đến ngày cưới Tố Uyên — ngày 12 tháng 6 năm Tân tị (1941) — phải nói là tới ngày hôm đó nỗi đau thương bi phẫn của Vũ Hoàng Chương mới thực sự bùng nổ mãnh liệt, như vết thương mưng mủ lâu ngày nay bật vỡ, máu mủ tung tóe.

Ba tháng trước đó, dù biết Tố đã nhận trầu cau của người ta, sẽ là vợ của người ta, dù gì Tố vẫn chưa hoàn toàn thuộc về người ta, nhưng hôm nay, ngày nàng bước lên xe hoa về nhà chồng, Vũ Hoàng Chương đã thực sự mất nàng:

Là thế, là thôi, là thế đó
Mười năm thôi thế mộng tan tành!
-Tình ta, ta tiếc cuồng ta khóc
Tố của Hoàng, nay Tố của ai?

Về phương diện lý trí, Vũ Hoàng Chương rất hiểu, chàng là kẻ mộng mơ, luôn luôn cảm thấy xa lạ, lạc lõng với cuộc đời, chàng không thể nào hội nhập hoàn toàn vào cuộc sống của thế nhân để trở thành ước mơ của cuộc đời, chàng đã bỏ thi Luật chẳng là một bằng cử độ sao? Như thế, chàng không thể đem lại hạnh phúc cho người yêu - người của cuộc đời - Và chàng đã chẳng từng bỏ đi xa để Tố được yên thân sống cuộc đời của nàng đó sao? Vậy nay, nàng đi lấy chồng chỉ là một lẽ tất nhiên thôi.

Nhưng về phương diện tình cảm, Vũ Hoàng Chương trăm ngàn lần không bao giờ chấp nhận điều này. Chàng đã yêu nàng bằng mối tình tuyệt đối, chàng đã yêu nàng với tất cả tâm hồn trong trắng và tấm tình si mê của mình:

Cũng như lúc mảnh hồn trong trắng
Với tình si trao hết cho em.
Và chàng đã tự hứa với mình:

Cho đến ngày tận thế
Tình ta như buổi đầu
“Anh yêu em” ba chữ
Cùng trời đất dài lâu.

Chính vì nhà thơ cứ đinh ninh nàng Tố cũng chung tình, cũng chung thủy như chàng, nàng đã là của chàng và sẽ mãi mãi là của riêng chàng, nên chuyện Tố lấy chồng đã là một biến cố khốc liệt đối với chàng. Ý tưởng mất người yêu vĩnh viễn này thấm thiết đến nỗi làm Vũ Hoàng Chương nhiều lúc tưởng điên dại. Rồi những xúc cảm từ trái tim quá đau khổ ấy đã tuôn trào ra đầu ngọn bút thành những dòng thơ trữ tình cuồng nhiệt, nói như Musset (9)

C'est le coeur qui parle et qui soupire
Lorsque la main écrit, c'est le coeur qui se fond.

Và chính những xúc cảm đau thương hiện thực này đã làm nên không khí bài thơ « Mười Hai Tháng Sáu »:

Trăng của ai trắng một phương
Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường
Ờ đêm tháng sáu mười hai nhĩ
Tố của Hoàng ơi hơi nhớ thương!
Là thế là thôi là thế đó
Mười năm thôi thế mộng tan tành
Mười năm trăng cũ ai nguyện ước?
Tố của Hoàng ơi, Tố của anh !
Tháng sáu mười hai từ đây nhé
Chung đôi — Từ đây nhé lia đôi
Em xa lạ quá đâu còn phải
Tố của Hoàng xưa, Tố của tôi !

Men khói đêm nay sầu dựng mộ
Bìa đề tháng sáu ghi mười hai
Tình ta, ta tiếc, cuồng ta khóc
Tố của Hoàng, nay Tố của ai?
Tay gõ vào bìa mười ngón rập
Mười năm theo máu hận trào rơi
Học làm Trang tử thiêu cơ nghiệp
Khúc Cổ Bồn ca gõ hát chơi

Kiều Thu hề! Tố em ơi
Ta đang lửa đốt toi bờ mái Tây
Hàm ca nhịp gõ khói bay
Hồ xừ xang xé bàn tay điên cuồng.
Kiều Thu hề! Trọn kiếp thương
Sâu cao ngùn ngụt mây dờng tơ khô.
Xừ xang xé xự xang hồ
Bàn tay nhịp gõ điên rồ khói lên.
Kiều Thu hề! Tố hơi em
Nghiên chân rón bể mà xem lửa bùng.
Xé hồ xang, khói mờ rung
Nhịp vượn sầu tỏa năm cung ngút ngàn.

Những lời thơ ở đoạn đầu trong bài «Mười Hai Tháng Sáu» đã cho chúng ta tận thấy nỗi đau thương thống thiết, tiếc hận khôn nguôi, uất ức nghẹn ngào của Vũ Hoàng Chương cứ theo

từng đợt, từng đợt thồn thức của cõi lòng mà nấc lên thành tiếng:

Tố của Hoàng ơi hồi nhớ thương!

Tố của Hoàng ơi, Tố của anh!

Tố của Hoàng xưa, Tố của tôi!

Tố của Hoàng, nay Tố của ai?

Sang đến đoạn hai của bài thơ thì mối sầu hận kia đã đến lúc kết đọng lại, Vũ Hoàng Chương tưởng chừng có thể dựng thành mồ, và ngày mười hai tháng sáu, ngày Tố Uyển lên xe hoa về nhà chồng đã như một vết dao chém quá sâu vào trái tim của nhà thơ, vết thương này đối với chàng không thể nào phai nhạt, dường như đã khắc thành bia. Sự giàu tưởng tượng đó đã kích thích thêm cho xúc cảm, khiến cho nỗi uất hận, thương đau tăng thêm mãi. Khi mỗi xúc cảm tăng lên đến mức độ nào đó nó sẽ làm cho nhà thơ như say, như mê, như cuồng dại đi, bất chợt chàng như kẻ nhập đồng, cao hứng gõ tay vào bia mà ca khúc “Cổ Bồn”. Chàng học đòi Trang Tử (đời Chu) thuở nào, sau khi biết vợ bội phản, nàng quá xấu hổ đã thất cổ tự tận. Trang Tử lấy tay gõ vào chậu đồng mà ca, than cho tình đời đen bạc, đoạn thiêu đốt hết cơ nghiệp rồi bỏ đi xa. Vũ Hoàng Chương cũng đang mang tâm trạng đau khổ và thái độ chán chường ấy của Trang Tử.

Những từ ngữ biểu cảm dồn dập trong bài thơ « Mười Hai Tháng Sáu » như: - tay gõ mười ngón rập - máu hận trào rơi - lửa đốt tươi bời - nhịp gõ bàn tay điên cuồng - sầu cao - nhịp gõ điên rồ - lửa bùng - nhịp vượn - sầu tỏa - năm cung ngút ngàn; với những tiếng “hề” trong:

Kiều Thu hề! Tố em ơi

Kiều Thu hề! trọn kiếp thương

Cùng những nốt nhạc:

Hồ -xang - xé -xự -xang - hồ

và:

Xé - hồ - xang

Đệm vào đã tạo nên cái không khí hơi man dại của đoạn thơ. Nhờ đó đã cực tả được cái vẻ chuech choáng của một kẻ thần trí nửa điên, nửa dại, nửa cuồng tâm... vừa gõ nhịp vừa ca một cách mê man, đến nỗi mười đầu ngón tay rập nát mà không hay. Vẫn biết đây là một lối nói cường điệu, nhưng Vũ Hoàng Chương đã tạo được cho ta cái cảm tưởng chỉ có cái đau về thể xác như thế mới diễn tả hết được cái đau về tinh thần của tác giả lúc ấy. Đây cũng là trường hợp của Thúy Kiều khi phải hầu đàn Hồ Tôn Hiến là kẻ vừa lừa giết Từ Hải, chồng nàng:

Một cung gió thấm mùa sầu

Bốn giây nhỏ máu năm đầu ngón tay.

(Kiều, Nguyễn Du).

Tóm lại, bài thơ « Mười Hai Tháng Sáu » này cũng ở trường hợp như bài « Mồi Say ». Chính cảm xúc đã làm nên nghệ thuật. Ở đây những xúc cảm đau thương của Vũ Hoàng Chương đã thoát ra thành thơ, đó là tiếng thơ hay nhất của tác giả, rõ là những lời tuyệt diệu là lời đau thương như Alfred de Musset đã nói: “le chants désespérés sont les chants les plus beaux” (Nuit de Mai).

Một thời gian sau, cơn thống khổ đã dịu bớt, Vũ Hoàng Chương vì là con người có bản tính mềm yếu, thiếu nghị lực nên thay vì xông xáo vào đời hoạt động để tìm quên, nhà thơ của chúng ta lại tự đẩy ả mình trong cảnh sống cô đơn với đầy mặc cảm:

Đêm nay đây hồn xé nẻo thu tàn

Khóc chia lìa ai níu gọi thời gian

Ta chỉ biết nằm nghe tình hấp hối.

Mất người yêu, cuộc đời Vũ Hoàng Chương chỉ còn là một màu âm đạm thê lương với những đêm dài bất tận và mưa buồn da diết.

Trăng rụng nửa vời

Đêm mờ tròn kiếp

Và

Đây mưa bay mờ chậm bước đêm dài
Đêm bắt tận đêm liền đêm kế tiếp.

Vũ Hoàng Chương cố tìm những cơn say để mong quên đi nỗi sầu đơn chiếc nhưng cũng chỉ vô ích mà thôi.

Say đã gắng để quên sầu lẽ gởi
Mưa mưa hoài rượu chẳng ấm lòng đau.

Và

Lá rơi rơi nằm bệnh mây tuàn mùa
Say chẳng ngán những đêm dằng dặc nhớ.

Nhà thơ quay ra cầu mộng:

Hỡi năm tháng hãy đưa đường giấc điệp...

Nhiều đêm nằm trần trọc mãi mộng cũng chẳng đến:

- Nghiêng đĩa đĩa vơi

Không thành giấc điệp

và

- Mưa gió tàn đêm mộng chẳng thành.

Mà dẫu may mắn mộng có thành nhưng mộng muôn đời vẫn chỉ là không:

Mộng bằng quơ hò hẹn cũng là hư.

Nên chẳng thoả được tấm lòng khao khát nhớ thương ai, nhà thơ của chúng ta trở về sống với những kỷ niệm cũ mà kỷ niệm gần gũi nhất, thực hữu nhất chính là mấy lá thư này đây.

Yêu một khắc để mang sầu tròn kiếp

Tình mười năm còn lại mấy tờ thư.

Một thoáng hạnh phúc xưa lại trở về:

Lá thư tình xưa nhớ lúc trao tay

Còn e ấp thuở duyên vừa mới bén.

Thương thay lá thư vồn vện có mấy dòng chữ đơn sơ, sự thật chỉ là đôi ba tờ giấy ghi lại những câu hỏi về Anh văn mà Tố muốn nhờ Vũ Hoàng Chương giảng hộ, nhưng dù sao những nét chữ của người yêu vẫn là một kỷ vật thiêng liêng đối với chàng. Và chàng vẫn muốn cố tìm ra những gì thầm kín ẩn nấp sau mười hàng chữ kia:

Mười hàng chữ đơn sơ, ồ ngược ngập

E dè sao mười hàng chữ đơn sơ.

Màu mực tươi xanh ngát ý mong chờ

Tình hé nụ bừng thơm trong nếp giấy.

Khi những dòng chữ đơn sơ này không đủ sưởi ấm cõi lòng băng giá của mình, Vũ Hoàng Chương thao thức với câu hỏi:

Gấm the nào từ buổi lạnh lòng nhau

Vàng son đã thay màu đôi mắt biếc?

Hỏi như thế là nhà thơ có ý níu kéo lấy chút hy vọng rằng người xưa vẫn còn yêu mình. Lòng nhớ nhung được thể bùng dậy mãnh liệt, chàng tha thiết mong gặp nàng, nhưng rồi lại băn khoăn:

Đường trần muôn vạn ngã ba

Nhớ nhưng muốn gặp biết là có nên?

Trăm vạn lần là không nên rồi, nàng đã là gái có chồng, mình chẳng nên quấy rầy hạnh phúc của nàng nữa, nhưng tình cảm lại có những lý lẽ riêng của nó, thế là nhà thơ tình si đáng

thương của chúng ta liền mò đến tận Quế Dương, thuộc tỉnh Bắc Ninh, nơi chồng Tố đang tại chức Tri huyện (khoảng những năm 1942 — 1943), không chỉ một lần mà nhà thơ đã mò đến đó nhiều lần, chàng thường đứng ở quán nước, gần dinh Tri huyện, hy vọng nàng Tố vô tình đi ra để chàng được nhìn lại nàng, người yêu “ngàn kiếp” của chàng. Chàng chỉ dám nhìn thôi, chứ nào có quấy rầy hạnh phúc của ai đâu. Và chắc chắn ít nhất đã có một lần Vũ Hoàng Chương được toại nguyện; hôm đó xe hơi chở Tố vừa vút ra khỏi dinh, tiến về Hà nội, vô tình quay lại qua kính chiếu hậu, Tố Uyển đã nhìn thấy nhà thơ đang đứng ở đầu quán nước, ngơ ngẩn nhìn theo.

Nàng đã tâm sự với gia đình là không dám bảo tài xế ngừng lại vì sợ chồng nghi kỵ và thiên hạ dị nghị. Đó là lẽ tất nhiên, nhưng trong lời tâm sự ấy chẳng đã lộ ra một phần nào tình cảm của nàng đối với nhà thơ của chúng ta hay sao?

Hết đến Quế Dương, Vũ Hoàng Chương lại trở về tha thẩn trên những con đường cũ, mong sống lại những giờ phút yêu thương, thơ mộng xưa:

Ôi chốn này xưa vai sánh vai
Trán cao hoài vọng, tóc buông cài.

.....
Hồ gươm sóng lụa bờ tơ liễu
Hàng Trống, Hàng Khay rộn bước người
Sách vở lên hương, trầm ngát nẻo
Hoa soan, hoa phượng chói màu tươi.

.....
Tay trong tay nắm, tình trong mắt

.....
Hoa gấm cùng mờ dật cuộc đời.

Ngờ đâu lòng người đã đổi thay, tất cả mộng ước thời quá vãng đã trở thành không tưởng:

Thế mà tan tác mười năm mộng

Có kẻ ra đi chẳng một lời.

Chỉ còn đây một thực tại đau thương là hồn thơ thổn thức của thi nhân với bao nỗi luyến nhớ, ngậm ngùi:

Nửa kiếp lênh đênh đường phố cũ
Riêng mình thương nhớ tuổi hai mươi.

.....
Hàng Khay, Hàng Trống hoa nào rụng
Màu tím thờ ơ vạt áo ai !

Năm 1954 khói lửa triền miên rồi biến cố chia đôi đất nước xảy ra. Vũ Hoàng Chương theo đoàn người di cư vào Nam mà lòng không yên, chàng những thấp thỏm lo lắng cho hạnh phúc của người yêu:

Trăng nhà ai tròn khuyết?

Trong lúc mà:

Thời cơ nhỏ nhiều nhưng
Hà nội thất vòng đai tuế nguyệt
Sừng sững dựng bức thành mây lửa dật.
Xa xách hơn bao giờ hết
Non Nùng cấm địa một phương.

Thôi rồi từ đây Hoàng có muốn biết tin tức hay muốn gặp lại Tố cũng không thể được nữa. Hồi còn ở Hà nội, Tố tuy đã đi lấy chồng nhưng những lúc:

Thoắt thôi gợn sóng diên rồ nhớ thương.

Hoàng còn có thể hỏi thăm về nàng qua gia đình và bạn bè nàng, hay đến tận nơi nàng sống để may ra được nhìn lại nàng như hồi ở Quế Dương; hơn nữa chàng có thể gửi những nỗi nhớ niềm thương của mình đến ai qua những bài thơ tình đăng báo hay in trong thi tập được xuất bản, hay qua cả những vở kịch trình diễn trên sân khấu như chàng đã từng đóng vai Hoàng Lang, vai chính trong vở “Vân Muội”, một gã thư sinh si tình lúc nào cũng chỉ mơ màng tơ tưởng tới “mối tình xưa, mộng cũ với hình ai”, diễn tại Nhà Hát Lớn Hà Nội ngày 12-12-1942. Hồi đó báo chí đã bàn tán sôi nổi về mối tình của Vũ Hoàng Chương với người con gái mang tên đệm Tố. Có ký giả còn tưởng tượng ra cảnh nàng Tố đi xem kịch cảm động quá đến ngất xỉu, người nhà phải dìu về. Như thế, tiếng lòng của chàng đã gửi được đến người yêu dù nàng không trực nhận và chàng chẳng bao giờ có hồi âm, nhưng cái tâm lý và cái nhu cầu tình cảm “phải gửi và được nhận” của chàng cũng đã được thoả mãn phần nào. Vậy là Tố Uyên dù đã lấy chồng, tuy xa mà gần, vì Vũ Hoàng Chương vẫn liên lạc được với nàng trong cách điệu riêng của chàng.

Kể từ ngày nhà thơ vào Nam thì sự cách trở không gian ghê gớm quá, không chỉ xa xôi hàng bao nhiêu ngàn dặm mà giữa hai chiến tuyến Quốc Cộng còn bị bữa vây với bom đạn, chiến lũy, bằng cách nào nhà thơ có thể vượt qua để thấy lại được người xưa?

Vuốt đầu xuyên chiến lũy

Cách đâu vượt sa trường?

Sự cách trở không gian đã vô vàn khó khăn như vậy, sự cách trở trong đời sống tâm tư mới càng thâm não hơn. Vì giờ đây tiếng kêu nhớ thương của chàng dù bằng cách nào đi nữa cũng không thể tới được người Hà nội. Chúng ta hẳn còn nhớ sau khi bức màn sắt buông xuống, “Tám thiếp giao tình Nam Bắc” với vài hàng chữ hỏi thăm sức khoẻ được in sẵn cũng chỉ xuất hiện một thời gian ngắn, sau đó Nam Bắc hoàn toàn tuyệt đường liên lạc.

Thế là từ nay, nỗi lòng chỉ mình chàng chàng biết, mình chàng chàng hay:

Tiếng kêu ném ngược đường kinh tuyến

Chỉ thấy vòng quanh trở lại thôi.

Họa có tìm được nhau trong men khói hay trong chiêm bao thì khi tỉnh giấc lại càng thêm trần trọc khổ sở, nước mắt chứa chan, vì đó chỉ là những hình ảnh lơ mơ, hư ảo, đứt đoạn không thể làm thoả mãn được ai.

Tìm nhau trong khói men cuồng túy

Nửa giấc màn sương, loạn sóng tương.

Quê tình hoang đảo mờ sương

Chiêm bao càng khổ chiếu giường phong ba!

Ồi quê tình xưa, nơi chàng vẫn hãnh diện là chốn đẹp nhất, nên thơ nhất:

Ồi khu rừng bách thảo

Quán trọ đời thư sinh

Hương nai hoa cỏ đẹp

Nhưng bằng đâu quê tình.

Vì đó là chốn chàng hằng lui tới, và đã được tận hưởng cái hạnh phúc ríu rít bên người chàng thương :

Chim xanh qua lại muôn ngàn chuyến

Bao nhiêu là anh ơi! em ơi!

Nhưng giờ đây chàng và nàng đã lạc nhau rồi, đã thật sự mất nhau rồi, quê tình chỉ còn là một “hoang đảo mờ sương”, xót xa biết bao nhiêu, tiếc nuối biết dường nào!

Cuối cùng, Vũ Hoàng Chương chỉ còn một cách an ủi duy nhất là để hồn mơ về những kỷ niệm xưa. Có điều đáng kể là thời gian xa cách đằng đằng đã mấy chục năm và không gian xa cách vời vợi hàng bao nhiêu ngàn dặm, hơn nữa cuộc đời của mỗi người đều đã có quá nhiều đổi thay, biến cải, thế mà kỷ niệm hiện ra trong thơ Vũ Hoàng Chương từ những năm 1954 đến

1967 vẫn tươi rói, sống động như chuyện vừa mới xảy ra. Chàng đã nhớ từng chi tiết, nhớ ngọn ngành, nhớ một cách say sưa, đã làm sống dậy cả một thời dĩ vãng thuở nào:

Trời cổ đô cao vút
Tuổi mười lăm, hai mươi

Giữa thời thanh bình của Hà nội năm xưa ấy, có một đôi thanh niên nam nữ rất trẻ, kẻ 15, người 20 tuổi, họ bắt đầu bước vào cuộc tình. Chàng thi sĩ Vũ Hoàng Chương đang mơ yêu này đã có những hành động rất lãng mạn, quán trọ của chàng ở ven rừng Bách Thảo, nhiều khi nhớ người yêu chàng cao hứng vào rừng gọi to tên nàng cho vang dội cả không gian; chàng mong tiếng gọi của mình sẽ len lỏi qua bao phố phường sấm uất, qua bao hàng cây rậm rạp mà lọt vào tận bức rèm tơ của nàng, bắt nàng phải xao xuyến cảm động:

Anh là gã thư sinh vườn Bách thảo
Giữa cỏ hoa muông thú gọi tên người
Cho bay xuống tận phố phường đông đảo
Chen cánh hoa xoan, hoa gạo
Rèm tơ ý nguyệt đầy vơi.

Nào những buổi Vũ Hoàng Chương không có giờ học, được rảnh rỗi một chút là chàng vội phóng xe đến cổng trường Tố chờ đợi, chỉ để được nhìn thấy nàng từ xa, trên chiếc xe tay bốn buổi học đưa đón nàng đi về :

Đón đưa buổi học xa vơi bước chân.

Và phải đợi cho đến lúc thân tình lắm, Vũ Hoàng Chương mới dám đôi khi vượt xe đạp lên, đi song song với xe tay chở nàng một quãng đường, để được trao đổi với nàng một vài câu nói băng quơ, trong khi mộng hồn đôi trẻ cùng phôi phoi:

Học tan chiều mỗi người
Đón nhau tận cổng trường.
Hai xe cùng giọng ruổi
Hồn mơ về một phương.

Có lần anh xe về đã mách bà Tư -"Cậu Chương cứ đi theo xe cô". Bà Tư còn mắc buôn bán nên không để ý, có thật thế không, hay chính vì thâm tâm bà đã cảm mến nhà thơ nên bà lờ đi cho đôi trẻ được thân nhau? Và con đường ấy, con đường đón học ấy, đã trở thành thiên đường trong ký ức của chàng:

Ôi đẹp nhất con đường
Cửa Đông về Cầu Gỗ
Nắng đào cây lá vương
Men xuân ngập hè phố.

Nào những buổi đưa nàng đi thi, chàng mua hoa cài lên tóc người yêu để lấy hên và khích lệ :
Cài hoa lên tóc còn bông xõa
Chàng nhủ người yêu - Chớ sợ gì !

Khi người yêu "vui như Tết" vào trường thi rồi, còn chàng:

Chàng đợi nàng trong vườn Bách thảo
Như trong huyền thoại của đông phương.

Kỷ niệm sống dậy mãnh liệt như vậy đủ chứng tỏ rằng dù trong cuộc sống thực tế hiện hữu, Vũ Hoàng Chương có phải sống xa cách người yêu, nhưng trong tận cùng sâu thẳm của tâm hồn chàng, chàng vẫn sống với hạnh phúc chung đôi và vẫn không ngừng ấp ủ mộng ước chung đôi:

Biết chăng còn khúc gọi đôi
Con chim phượng ấy dành ngôi cho Hoàng?

Câu hỏi “biết chăng” nhà thơ đã để thoát ra cái tâm trạng khắc khoải, băn khoăn, lo lắng cho chuyện tình của mình, vì đã mấy chục năm trường cách biệt, không biết nàng có còn nhớ đến chàng không? Có còn dành ngôi vị thiêng liêng cho chàng không?
Thương thay nhà thơ đã đi qua ba phần tư cuộc đời, đã xa người yêu gần cả ba mươi năm mà chàng vẫn chưa an phận được chuyện tình của mình, vẫn chưa đành lòng chấp nhận cuộc sống “xẻ đôi” với nàng:
Vàng trắng hiện khoe thu xanh
Từ bao lâu vẫn chưa đành xẻ đôi.

Quá khứ đã tuyệt đường sinh lộ, mà tương lai cũng chẳng lối đi về, niềm khát khao được sum vầy với người yêu đã khiến Vũ Hoàng Chương đành trông chờ ở một chuyện không tưởng, đó là ngày tận thế :
Trái đất rồi hôm nào vỡ toang
Thịt xương tro bụi không phân biệt
Anh sẽ dìu em mắt mở choàng .

Khi tất cả loài người đang trong cơn tan hoang, mờ mịt của ngày tận thế, chàng sẽ mở mắt thật to để tìm nàng, dìu nàng đến một thế giới tinh khôi, nơi không còn một ai có thể tới quấy rầy mộng ước chung đôi của họ nữa:
Mơ hoa mộng gấm bưng tươi
Một hành tinh mới, hai người yêu xưa.

Đó chính là một thứ hy vọng trong tuyệt vọng vậy. Bảy câu thơ trên trong bài “Gấm Hoa” được in trong tập “Cành Mai Trắng Mộng” của Vũ Hoàng Chương, xuất bản tại Saigon năm 1968, tôi đã thăm hỏi: - Phải chăng thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã khép thiên tình sử của ông ở đây?

3 – Tổ của Hoàng xưa, Tổ của tôi !

Một cơ duyên lại đến. Cuộc hạnh ngộ giữa thi sĩ Vũ Hoàng Chương và chúng tôi đã xảy ra trong một trường hợp khá hi hữu. Chỉ có hai chữ hạnh ngộ mới diễn tả được hết ý nghĩa của cuộc gặp gỡ này.

Đó là một chiều tháng năm, cuối niên khóa 1971-1972, tôi được cử đi chấm thi Khả Năng Sư Phạm tại một trường Trung học bên Gia Định. Đây là một kỳ thi chỉ có tính cách hình thức, cốt để hợp thức hoá cho một số giáo sư Đệ Nhất Cấp dạy giờ muốn chính thức vào ngạch. Hôm ấy tôi được chỉ định chấm thi cùng nhóm với Thi Sĩ Vũ Hoàng Chương, mỗi nhóm chỉ có hai giáo sư. Sự gặp gỡ này quả là một bất ngờ lý thú đối với tôi, vì tuy đã từng gặp nhà thơ khá nhiều lần trong các kỳ chấm thi Tú Tài và thi Văn Chương Phụ Nữ nhưng tôi chưa có cơ hội nào thuận tiện để làm quen. Tiếp đó, một bất ngờ thứ hai xảy ra, lý thú không kém là chuyện anh chàng thí sinh hôm ấy lại chọn bài thơ “Mười Hai Tháng Sáu” của thi sĩ Vũ Hoàng Chương làm bài giảng thi.

Khi Vũ Hoàng Chương và tôi vào lớp, vừa ngồi yên chỗ nơi cuối phòng thì anh chàng thí sinh đến chào rồi đặt trên bàn chúng tôi bài thơ “Mười Hai Tháng Sáu”, đoạn quay lên bảng ngay để bắt đầu bài giảng thi, chúng tôi anh ta không hề biết vị nam giám khảo của anh lại chính là tác giả bài thơ diễm tình đầy nước mắt kia.

Nhìn Vũ Hoàng Chương, tôi thấy nhà thơ có vẻ trầm tư, vì tôn trọng sự im lặng đầy ý nghĩa này, tôi không dám gây một động tĩnh nào, chỉ lắng nghe tiếng giảng bài của anh chàng thí sinh đang vang lên đều đều trong gian phòng vắng chỉ có ba chúng tôi ở đó. Cho tới khi anh ta giảng đến phần hình thức thì thi sĩ Vũ Hoàng Chương quay sang phía tôi nói khẽ: -“Bà có thấy người ta nói hơi quá không?” Tôi hiểu ý nhà thơ muốn nhắc tới chuyện người thí sinh đã mặt sát nàng

Tổ của ông hơi kỹ. Tôi gạt đầu, mỉm cười nói: “Tại trong thơ ông có ý oán trách”, rồi tôi tiếp: “Có oan cho bà Tố Uyên”. Tôi thấy nhà thơ nhướng mắt nhìn tôi tỏ vẻ ngạc nhiên, vì sao tôi lại rõ tên tuổi người yêu của ông và lại đưa ra một nhận xét như thế.

Cũng nhờ bài giảng thi hôm đó nhắc đến mối hận tình của Vũ Hoàng Chương nên tôi mới thờ dạ gọt lại chuyện xưa. Tôi phải giải thích ngay, vì tình bạn thân giữa cụ Tư và mẹ tôi nên tôi đã biết khá rõ về hoàn cảnh của bà Tố khi lấy chồng. -” Bà Tố không phải là người tham đó bỏ đảng”, tôi đã nói với Vũ Hoàng Chương như thế, rồi giải thích thêm: -“Bà Tố đã chờ đợi trong hai năm mà gia đình ông không tới hỏi. Hai bên thật sự cũng chưa có hẹn ước gì, bà Tố lấy quyền gì, lấy tư cách gì để chờ đợi? Nên sau phải nghe lời cha mẹ mà lấy chồng.”

Tôi không nhớ hôm đó Vũ Hoàng Chương đã nói những gì, cũng vì nhà thơ nói khể quá tôi nghe không rõ, chỉ biết rằng trước khi ra về, ông nhắc đi nhắc lại hai tiếng “cám ơn”, “cám ơn”. Từ đó về sau tôi không có dịp gặp lại thi sĩ Vũ Hoàng Chương nữa, rồi biến cố bảy mươi năm xảy ra, chúng tôi đi Pháp, câu chuyện tâm tình kia cũng rơi vào quên lãng.

Tình cờ một hôm tôi tới Thư Viện Diên Hồng, được đọc bài thơ “Tố Của Hoàng Oí” trong thi tập “Chúng Ta Mất Hết Chỉ Còn Nhau” của thi sĩ Vũ Hoàng Chương, do Rừng Trúc xuất bản tại Paris năm 1974, có lời đề tựa của thi sĩ Thi Vũ. Bài thơ có ghi ngày sáng tác: 12 tháng 06 năm Nhâm Tý (1972). Nghĩa là chỉ sau buổi hạnh ngộ giữa thi sĩ Vũ Hoàng Chương và chúng tôi (phải kể cả vị giáo sư thí sinh buổi đó nữa) có hai tháng.

Tôi vội vàng tìm hiểu ý thơ và sung sướng thấy rằng thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã tìm được sự bình an cho tâm hồn, nếu không muốn nói một cách lạc quan là nhà thơ đã tìm lại được hạnh phúc tuyệt vời của tình yêu lứa đôi trong niềm tin yêu và hy vọng. Sau đây là bài thơ “Tố của Hoàng ơi”:

Năm mươi hai tháng ai không biết
Đã tháng nào không tháng sáu chưa
Tháng có ba mươi ngày để giết
Ngày mười hai vẫn sống như xưa.

Lịch treo trước ngực kêu thành tiếng
Chẳng tiếng nào nghe khác tiếng mưa
Rả rích từ hôm con én liệng
Vào lồng son, tủ áo mây đưa.

Thời gian từng giọt buông theo máu
Lại trở về, không gọi cũng thừa.
Còn đó mười hai, còn tháng sáu
Ba mươi năm lẻ vẫn chưa vừa!
Còn khóc trong tim này bất tuyệt
Dường như rối loạn cả đường tơ.
Trăng nhà ai vẫn là trăng khuyết
Đứng sống từ đêm ấy đến giờ !

Ngày mai ngày một anh nằm xuống
Ngọc động cơn sầu nửa kiếp thơ
Đập nát ra cho trời đất uống
Thì em sẽ rụng khỏi đêm mờ.

Phút giây trắng một phương tròn lại
Rồi từ hoà tan rượu đắng mơ
Cùng nhịp tim trôi vào tận cõi
Không ngày, không tháng, không bờ vờ.

Mười hai tháng sáu cung hồ xế
Một mối tình si một mối thù
Giây phút cũng tan thành biển lệ
Trả cho cát bụi nhé Kiều Thu !

12 tháng 6 Nhâm Tý (1972)

“Tổ Cửa Hoàng Ơi” là bài thơ nổi điệu cho bài “Mười Hai Tháng Sáu” (đã trình bày ở trên). Hai bài này làm cách nhau đúng 31 năm (1972 — 1941).

Đề tạo nên cái hình thức nối tiếp cho bài thơ trước, Vũ Hoàng Chương trong bài thơ sau đã dùng lại một số thuật ngữ cũ như:

Tổ của Hoàng Ơi - Mười hai tháng sáu - Tháng sáu mười hai - Cung hồ xế

Và hình ảnh biểu tượng là -Trăng

Trong văn chương Việt Nam, trăng vẫn được dùng làm biểu tượng cho hạnh phúc lứa đôi.

Trăng tròn để chỉ sự sum họp và hạnh phúc (thí dụ: Đèn khuya chung bóng, trăng tròn sánh vai— Kiều, Nguyễn Du)

Trăng khuyết để chỉ sự chia lìa, cô đơn, sầu muộn (thí dụ: Vàng trăng ai xẻ làm đôi nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.-Kiều, Nguyễn Du).

Như vậy hai bài thơ “Mười Hai Tháng Sáu” và “Tổ Cửa Hoàng Ơi” đã có hình thức tương tự nhau, nhưng nội dung đã có nhiều chuyển biến quan trọng.

Bài thơ “Tổ Cửa Hoàng Ơi” chia là hai phần rõ rệt.

Phần I gồm 5 đoạn đầu:

Đoạn 1 và 2 nói về nỗi đau hận triền miên và tủi buồn mệnh mang của tác giả từ khi người yêu “bị ép” đi lấy chồng:

Năm mười hai tháng ai không biết
Đã tháng nào không tháng sáu chưa
Tháng có ba mươi ngày để giết
Ngày mười hai vẫn sống như xưa.

Lịch treo trước ngực kêu thành tiếng
Chẳng tiếng nào nghe khác tiếng mưa
Rả rích từ hôm con én liệng
Vào lồng son, tủi ánh mây đưa.

Vũ Hoàng Chương không chỉ đau buồn cho riêng mình mà nhà thơ còn tưởng tượng ra thân phận của người yêu, nàng như con “chim én” bé bỏng, yếu đuối bị đôi tay tàn bạo của cuộc đời “liệng” một cách tàn nhẫn không chút cảm thương (cảm thông và xót thương) vào “lồng son”. Lồng có đẹp đến mấy nhưng bị tù túng thì làm sao chim kia hạnh phúc được. Chim én chỉ sung sướng khi nó được tự do bay lượn ngoài khoảng trời mây cao rộng thênh thang kia. Ý Vũ Hoàng Chương muốn nói, nàng Tố chỉ có thể hạnh phúc trong tình yêu của chàng.

Đoạn 3: xác định nỗi đau khổ kéo dài của tác giả từ ngày nàng Tố đi lấy chồng đến nay.

Thời gian từng giọt buông theo máu
Lại trở về, không gọi cũng thưa.
Còn đó mười hai, còn tháng sáu
Ba mươi năm lẻ vẫn chưa vừa !

Tuy chỉ là một đoạn chuyển tiếp nhưng Vũ Hoàng Chương lại hữu tình nhắc đến cuộc hạnh ngộ giữa chúng tôi:

-Không gọi cũng thưa

Tác giả muốn nói, mối hận hình của ông, chúng tôi dù không nhắc ông vẫn nhớ mà.

Sau đó là đoạn 4, Vũ Hoàng Chương tỏ ra rất xúc động và đau buồn xót thương khôn xiết đến “rối loạn cả đường tơ” chỉ vì nghĩ rằng người yêu lấy chồng đã không có hạnh phúc:

Còn khóc trong tim này bất tuyệt
Dường như rối loạn cả đường tơ.
Trăng nhà ai vẫn là trăng khuyết
Đứng sững từ đêm ấy đến giờ !

Đứng sững là đứng dừng lại cấp thời, dờ ra, biểu lộ một phản ứng, một thái độ bất mãn, chống lại những gì vừa xảy đến cho mình.

Sự tưởng tượng của Vũ Hoàng Chương ra cảnh đau thương của người yêu khi bị ép đi lấy chồng như "con én bị liệng vào lồng son", hay cảnh không hạnh phúc trong cuộc hôn nhân của nàng như "vàng trăng khuyết", "đứng sững từ đêm ấy đến giờ" do lòng quá thương yêu lo lắng xót xa của tác giả mà ra, chứ chắc gì trong cuộc sống hiện thực nàng Tố đã đau khổ như vậy? (có khi còn trái lại, nàng Tố rất được hạnh phúc bên chồng con?)

Và như thế, Vũ Hoàng Chương không chỉ đau thương cho số phận hẩm hiu lẻ loi của riêng mình mà còn cho cả thân phận không hạnh phúc của người yêu. Chàng đã đau thương cho cả hai, vì vậy, nỗi thương đau ở đây đã tăng lên gấp đôi, trở thành thống thiết trong đoạn 5.

Vũ Hoàng Chương và người yêu cứ phải sầu khổ trong cuộc sống chia lìa như thế thì chàng uất lắm, chàng hận lắm, nhưng đây là uất là hận đời — Đời tàn nhẫn quá, người ta đã nhân danh gia đình lễ giáo, quan niệm xã hội, lý trí, ngay cả không gian và thời gian nữa, tất cả đã phụ họa nhau để chia uyên rẽ thùy, để ngăn cách tình yêu đôi lứa. Mỗi hận đời này nhà thơ tưởng chừng đến chết cũng không tan được, nó uất kết lại thành một khối ngọc như trái tim hóa đá của chàng Trương Chi trong truyện cổ tích dân gian :

Ngày mai ngày một anh nằm xuống
Ngọc đọng cơn sầu nửa kiếp thơ

Phải đập nát khối tình hận này cho tan hòa vào trời đất, chàng mới tiếp xúc được với người yêu, nhờ đó giải thoát cho nàng khỏi cảnh sống âm thầm tủi buồn của một kiếp sao cô đơn trong đêm trường mờ mịt.

Đập nát ra cho trời đất uống
Thì em sẽ rụng khỏi đêm mờ.

Phần II gồm 2 đoạn thơ chót:

Sau khi Vũ Hoàng Chương đã nhìn ra nguyên nhân vì đâu nàng Tố đi lấy chồng: nàng bị ép buộc ; và nàng đã bất mãn, nàng không hạnh phúc. Suy ra từ đây, nhà thơ tất nhiên đi đến kết luận:

- Nàng không bội tình, nàng không có tội (nàng bị ép buộc, nàng là nạn nhân của hoàn cảnh.)
- Và nàng Tố vẫn yêu chàng (nên mới bất mãn và không hạnh phúc khi lấy chồng).
Do đó ý bài thơ ở phần II mở ra vừa thanh thoát, vừa lạc quan: Sự hiểu biết thông cảm làm hóa giải mọi đau thương, hờn oán:

Giây phút trăng một phương tròn lại
Rồi tự hoà tan rượu đắng mơ
Cùng nhịp tim trôi vào tận cõi
Không ngày, không tháng, không bơ vơ.
Mười hai tháng sáu cung hồ xé
Một mối tình si một mối thù
Giây phút cũng tan thành biển lệ
Trả cho cát bụi nhé Kiều Thu!

Vũ Hoàng Chương tin tưởng tới thời điểm nào đó trong một kiếp lai sinh, hai kẻ yêu xưa tìm lại được nhau, sum vầy trong hạnh phúc lứa đôi:

Trăng một phương tròn lại

Đó là một thứ hạnh phúc tuyệt vời của hai trái tim cùng hòa hợp, cùng đập chung một nhịp:

Cùng nhịp tim trôi về tận cõi

Cõi đó là cõi gì?

Không ngày, không tháng, không bơ vơ

Đó chính là thiên đường của hạnh phúc lứa đôi, không còn bị những giới hạn bởi thời gian như ngày 12 tháng 6 đau thương trước kia chia cách nữa, ở đó không bao giờ họ còn bị bơ vơ, cô độc .

Sang đoạn thơ chót, Vũ Hoàng Chương nhớ lại ngày mười hai tháng sáu đau thương trước kia, ngày Tố lên xe hoa về nhà chồng, và thú nhận có những giây phút chàng đã thù hận nàng. Chẳng vì hồi đó nhà thơ chưa nhìn ra nguyên nhân mà chỉ thấy có kết quả ở trước mắt. Kết quả đó là gì? Là nàng Tố đã phụ bạc tấm tình si mê thiết thạch của tác giả ; nhà thơ không thể ngờ được và cứ ám ức mãi là tại sao hai người đã yêu nhau, đã có bao nhiêu kỷ niệm thắm thiết với nhau như thế mà nàng Tố lại nỡ đành lòng bỏ rơi chàng đi lấy người khác. Cũng vì quá yêu, quá tin tưởng nên nhà thơ mới uất, mới hận đến thành thù, và chàng đã trút cái thù đó lên đầu người yêu:

Mười hai tháng sáu cung hồ xé

Một mối tình si một mối thù.

Thù mà vẫn yêu, yêu mà vẫn thù, đó là tất cả cái rắc rối của con tim người ta.

Nhưng giờ đây họ đã hiểu nhau, đã tìm lại được nhau trong tâm hồn rồi thì bao nhiêu những khổ hận, uất ức cũ sẽ được tan ra thành biển lệ, sẽ tự giải tỏa dần (Chúng ta cũng biết, nước mắt tuy là biểu tượng của khổ đau nhưng một khi ta đã khóc được, nước mắt đã chảy ra được thì cũng chính là lúc những khổ đau được thoát ra, được vơi nhẹ đi). Vì thế những gì thuộc về cuộc tình đau thương cũ, tác giả xin trả lại hết cho đời với lòng nhẹ nhàng, không còn bợn chút muộn phiền:

Giây phút cũng tan thành biển lệ

Trả cho cát bụi nhé Kiều Thu !

Hai câu thơ cuối cùng này đã biểu lộ cái tâm thanh thản của tác giả khi nhìn lại những kỷ niệm của cuộc tình đau thương cũ, nó làm cho ta nhớ đến hai câu thơ bất hủ trong bài Le Souvenir của Musset:

Je n'aurais jamais cru que l'on put tant souffrir

D'une telle blessure, et que sa cicatrice fut si douce à sentir.

(Tôi không bao giờ ngờ được rằng người ta lại có thể đau đớn vì một vết thương đến thế, và cái sẹo của nó lại cảm thấy dịu êm như vậy).

Tóm lại bài thơ Tố của Hoàng ơi cho ta thấy, Vũ Hoàng Chương đã tìm được sự an vui trong tâm hồn, đã chấp nhận, đã ổn định được cuộc tình dang dở hiện tại của mình, và tin tưởng chờ đợi ở một kiếp lai sinh nào đó, chàng sẽ được sum họp cùng người yêu xưa trong hạnh phúc lứa đôi.

Đây không còn là một ước mộng viễn vông như xưa, chờ đợi ở một ngày tận thế không bao giờ tới, mà là một niềm tin có sở cứ, vì tác giả là một người rất am tường giáo lý nhà Phật, cũng như tất cả những ai theo Phật, hiểu rõ thuyết nhân quả nghiệp báo của đạo Phật, đều tin rằng, những kẻ yêu nhau, từng tạo ra nhiều duyên nghiệp gắn bó thì trong một kiếp luân hồi nào đó, khi cơ duyên đầy đủ, họ sẽ được gặp lại nhau, vui vầy bên nhau cho nguyện ước được viên thành.

Sau khi đã trình bày thiên tình sử của thi sĩ Vũ Hoàng Chương qua mấy chục bài thơ được sáng tác rải rác trong gần suốt cuộc đời của tác giả, chúng ta phải công nhận rằng trong văn học sử nước nhà chưa bao giờ có một nhà thơ nào lại viết về tình yêu cá biệt của mình một cách say sưa, chân thành, sâu sắc, tế nhị, kỳ thú và phong phú đến thế.

Với ngòi bút nhiều bay bướm, khi tự sự dí dỏm, khi trữ tình dào dạt cảm xúc, Vũ Hoàng Chương đã phơi bày trung thực đủ mọi thanh điệu về tình yêu của mình: từ vui đến buồn, từ mừng đến giận, từ thương đến hận, từ sướng đến khổ, từ tốt đến xấu, từ cao thượng đến nhỏ

nhẹn. Ông đã đưa chúng ta vào thế giới sâu thẳm, phức tạp nhưng cũng vô cùng kỳ diệu của tâm hồn và của trái tim mình. Như thế, Vũ Hoàng Chương đã làm hết tính cách của một nhà thơ tình lãng mạn rồi vậy.

Hơn nữa, Vũ Hoàng Chương không chỉ dừng lại ở những nét hiện thực mà còn dẫn ta đến những triết lý sâu sắc nhưng cũng rất nhân bản của tình yêu con người. Theo thi sĩ Vũ Hoàng Chương, tình yêu đích thực sẽ bắt diệt cùng trời đất:

Cho đến ngày tận thế
Tình ta như buổi đầu
“Anh yêu em” ba chữ
Cùng trời đất dài lâu.

Và hạnh phúc đích thực của tình yêu lứa đôi phải là sự đoàn tụ, sự hợp nhất — “trăng một phương tròn lại” — và đồng thời còn phải là sự đồng điệu, sự hòa hợp của hai tâm hồn “cùng nhịp tim”, nói như thi hào Ấn Độ Tagore:

“Toujours un et toujours deux, c’est le chant de l’amour”.

(Luôn luôn một và luôn luôn hai, đó là tiếng hát của tình yêu).

Chú thích

(1) Năm 1930, Nguyễn Thái Học và mười hai người liệt sĩ VN Quốc Dân Đảng khác phải lên đoạn đầu đài ở Yên Bái, và còn biết bao cuộc bắt bớ, tù đầy xảy ra liên tiếp trong hai năm 1929-1930.

(2) Khoảng thời gian 1925-1945, đi hát à đào, hay đi hút thuốc phiện đã trở thành một thói của thời thượng, nhất là đối với giới văn nghệ sĩ, nên thi ca văn nghệ đã có nhiều cơ hội xuất hiện ở những nơi ấy.

(3) Áo dài tân thời do họa sĩ Nguyễn Cát Tường, biệt hiệu Lemur chủ xướng, được báo Phong Hóa (1934) giới thiệu và nhiệt liệt cổ vũ.

(4) Riêng đệ nhất bán niên 1933, trong nước có đến 27 tờ báo được phép ra đời.

(5) Lamartine (1790-1869) được kể là người đã sáng tác những bài thơ lãng mạn đầu tiên trong văn học Pháp. Bài Isolement trong thi tập Méditations Poétiques I (1820).

(6) Chinh Phụ Ngâm và Tâm Thức Lãng Mạn Của Kẻ Lưu Đày của GS Lê Tuyên vừa được văn nghệ xb tại Hoa Kỳ, 1988.

(7) Hồi còn thân với gia đình Tố, nhiều khi vui chuyện, Vũ Hoàng Chương thường nói nghề dạy học là nghề thích hợp nhất cho cả chàng lẫn nàng.

(8) Baudelaire (1821-1867) tuy không ở trong trường phái lãng mạn (romantisme) nhưng là người mở đầu cho trường phái tượng trưng (symbolisme), và có ảnh hưởng lớn đến cả thi ca Pháp hiện đại. Mấy câu thơ dẫn chứng trích trong tập Les Fleurs du Mal, xb tại Paris, 1861.

(9) Musset (1810-1857) được mệnh danh là nhà thơ của trái tim, ông thuộc trường phái lãng mạn, 2 câu thơ dẫn chứng được trích từ tác phẩm Namoura, xb tại Paris, 1832.

(10) Trích thơ Vũ Hoàng Chương
Anh sẽ trầm luân ngàn kiếp nhớ
Cho dấu ngày mai em lãng quên.

Tài liệu tham khảo

Huyền Không, Câu Chuyện Về Thi Ca, Phật học Viện Quốc tế xb, Mỹ Quốc 1981

Hoài Thanh Hoài Chân, Thi Nhân Việt Nam (1932-1941), Đông Nam Á xb, Hà Nội 1943.

Lê Kim Ngân, Võ Thu Tinh, Nguyễn Tường Minh, Văn học Việt Nam Thế kỷ thứ XIX, Văn Hiệp xb, Sài Gòn 1943

Lê Tuyên, Chinh Phụ Ngâm và Tâm Thức Lãng Mạn Của Kẻ Lưu Đày, Văn Nghệ xb, California, Mỹ Quốc 1988

Max Milner, Le Romantisme (1820-1843), Arthaud xb, Paris 1973

Nguyễn Quảng Tuân và Phạm Thi Nhung cùng một số bạn tốt nghiệp ĐHSP, Quốc Văn 12ABCD, Trường Thi xb, Sài Gòn 1974

Paul Van Tieghem, Le Romantisme Dans La Littérature Européenne, Editions Albin Michel, Paris 1948

Phạm Thế Ngũ, Lịch Sử Văn Học Việt Nam Tân Biên Giản Ước, Quốc Hoắc Tùng Thư xb, Sài Gòn 1969

Tạ Tị, Những Khuôn Mặt Văn Nghệ Đã Đi Qua Đời Tôi, Mỹ Quốc 1990

Trần Tuấn Kiệt, Thi Ca Việt Nam Hiện Đại, Sông Mới xb, Sài Gòn 1965

Uyên Thảo, Thơ Việt Nam Hiện Đại (1900-1960), Đại Nam xb, Sài Gòn 1969

Tiểu sử Vũ Hoàng Chương

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương sinh ngày 14 tháng 5 năm 1915 tại Nam Định. Chính quán tại làng Phù Ủng, huyện Đường Hào, tỉnh Hưng yên.

Thân phụ là một nhà nho khoa bảng, từng nhậm chức Tri huyện.

Thuở nhỏ Vũ Hoàng Chương theo học chữ Hán, lớn lên theo Tây học và ông đã thành danh tại thủ đô Hà Nội.

1930: ông học ban trung học Albert Sarraut Hà Nội. Sau khi thi đỗ Tú tài ban toán năm 1937, ông ghi danh học Đại học Luật khoa.

1939: Vũ Hoàng Chương bỏ học ra làm phó kiểm soát viên sở Hỏa Xa Đông Dương và bắt đầu bước vào thi đàn.

1942: Vũ Hoàng Chương xuống Hải Phòng dạy học; và cùng với Chu Ngọc, Nguyễn Bính lập ra ban kịch Hà Nội;

1944: lập gia đình với Đinh thị Thục Oanh, chị ruột của thi sĩ Đinh Hùng.

1948: trong lúc toàn dân tham gia kháng chiến chống Pháp, Vũ Hoàng Chương đã đóng góp theo khả năng của mình bằng những bài thơ đề cao lòng ái quốc, viết chung với Đoàn Văn Cừ trong tập Thơ Lửa, được cơ quan kháng chiến khu ba (Thái Nguyên) xuất bản.

1954: hiệp định Genève chia đôi đất nước, phân biệt ranh giới Quốc Cộng, Vũ Hoàng Chương theo phe Quốc Gia, vào Nam tiếp tục nghề dạy học và theo đuổi nghiệp thơ.

Sau biến cố 1975, Vũ Hoàng Chương ở lại, bị bắt giam tại khám Chí Hòa năm 1976, ông chỉ được tha về khi đã quá kiệt sức, vài ngày sau đó nhà thơ tạ thế, nhằm ngày mùng 6-9-1976 tại Sài Gòn (14 tháng 8 Âm lịch).

Vũ Hoàng Chương là một nhà thơ lớn trong văn học sử hiện đại Việt Nam, ông đã có nhiều thi phẩm xuất bản nhất so với các bạn đồng thời: 16 tác phẩm, chưa kể những sách được tái bản hay được dịch ra Đức ngữ, Anh ngữ, hay Pháp ngữ.

Tác phẩm của Vũ Hoàng Chương

** Thi Tập:

- Thơ Say, Công Lực xb, Hà Nội 1940; Nguyễn Đình Vượng tái bản, saigon 1971

- Mây, Đời Nay xb, Hà Nội 1943

- Thơ Lửa (viết chung với Đoàn Văn Cừ). Cơ quan kháng chiến khu 3 xb., Thái nguyên 1948

- Rừng Phong, Phạm văn Tươi xb, Sài Gòn, 1954

- Hoa Đắng, Văn Hữu Á Châu xb, Sài Gòn, 1959

- Trời Một Phương, Sài Gòn, 1962

- Lửa Từ Bi, Thanh Tăng xb, Sài Gòn, 1963

- Ánh Trăng Đạo, Nha Tuyên Úy Phật Giáo xb, Sài Gòn, 1966

- Bút Nở Hoa Đàm, Sài Gòn, 1967

- Cảnh Mai Trắng Mộng, Văn Uyển xb, Sài Gòn, 1968

- Ta Đợi Em Từ 30 Năm, An Tiêm xb, Sài Gòn, 1970

- Ngôi Quán, Sài Gòn, 1970

- Đòi Vắng Em Rồi Say Với Ai (Gồm 17 bài thơ tuổi học trò cộng nhiều bài tình yêu từ 1955 trở đi), Lửa Thiêng xb, Sài Gòn 1971
- Chúng Ta Mất Hết Chỉ Còn Nhau (có bài Tố Của Hoàng Oai), Rừng Trúc xb, Paris 1974
- ** Thi Tập với các bản dịch Anh, Pháp, Đức ngữ:
- Communion (Cảm thông, dịch Anh văn), Nguyễn Khang phiên dịch và xb, Sài Gòn 1960
- Les 28 étoiles tức Tâm Tình Người Đẹp (dịch Pháp ngữ, do một nữ sĩ người Bỉ dịch) Nguyễn Khang xb, 1961
- Poèmes Choisis (Thi Tuyển) dịch Pháp ngữ, Nguyễn Khang xb, Sài Gòn 1963
- Die Achtundzwanzig Sterne Nhị Thập Bát Tú dịch Đức ngữ, Hoffmann Und Campe xb, Hamburg, 1966.
- Nouveaux Poèmes (Tân Thi), Sài Gòn 1974
- ** Kịch Thơ :
- Vân Muội, Trương Chi, Hồng Diệp, Anh Hoa xb, Hà Nội 1944
- Tâm Sự Kẻ Sang Tàn, Tự Do xb, Sài Gòn 1961
- ** Tùy Bút
- Loạn Trung Bút, Sài Gòn 1970
- ** Hồi Ký :
- Ta Đã Làm Chi Đòi Ta, Trương Vĩnh Ký xb, Sài Gòn 1974

(France)

Những mối tình thế kỷ Cao My Nhân

Cách đây mấy năm, có một vị chủ báo ở tận miền Đông Hoa Kỳ, điện thoại hỏi thăm tôi vài chuyện, vì biết tôi thực sự quen biết với mấy nhân vật, mà cuộc đời của các nhân vật ấy, có đôi chút mơ hồ, để vô tình đi vào huyền thoại, khiến tha nhân cũng mặc nhiên... công nhận tính cách kỷ niệm phong phú, băng khuâng... bởi nhà văn, nhà thơ tên tuổi, là người của đại chúng, tha nhân mến mộ ai thì tìm hiểu vậy thôi.

Điện thoại rằng:

- Tôi biết bà quen với gia đình 2 nhà thơ Đinh Hùng và Vũ Hoàng Chương, vậy bà có nghe câu: "Tố của Hoàng oai, Tố của ai? Thế thì Tố là ai, Theo thơ Vũ Hoàng Chương kể chuyện đó đã lâu lắm rồi, nhưng tôi (vị chủ báo) vừa nhận được bài viết của một nhà văn Saigon trước 1975, nói là Tố đó có di cư vào Nam năm 1954, và ngụ tại cư xá Bắc Hải có nên đăng không?
- Bạn (vị chủ báo là phụ nữ) đăng hay không là quyền của bạn, còn tôi thì chỉ biết như vậy, cứ mỗi năm đến ngày 12-6 dương lịch, tôi thường đùa chị Thục Oanh, phu nhân thi sĩ Vũ Hoàng Chương, cũng đã quá cố ít năm nay, rằng: "Tố của Hoàng Ai" đâu rồi?

Cụ bà Vũ, lúc tôi trò chuyện, khoảng thời gian vài ba chục năm trước, nếu còn tại thế là đã quanh số trên, dưới 90 trẻ hơn cũng không thể nhỏ ngang cổ thi sĩ Đinh Hùng, vì thi sĩ Đinh Hùng sinh năm 1920, năm nay ở tuổi 91 ông đã mất gần nửa thế kỷ nay, lại là em của cụ Thục Oanh.

- Tố bây giờ cũng thành cụ rồi, có liên lạc đâu mà biết, xưa lắm rồi, ông ấy thích làm thơ thì cứ làm, ông (thi sĩ Vũ Hoàng Chương) còn có bài ca tụng con bé đầm ở bên Tây, hỏi đi họp Văn Bút trước 1975 nữa cơ mà, ôi dào, thơ thì cứ Thơ, Đòi thì cứ đòi, dinh dáng gì mà sợ.
- Sợ gì đâu, em hỏi cho biết thôi mà.

Mới đây, cụ thi sĩ Hà Thượng Nhân cũng mới mãn phần ở tuổi 91 trên cao nguyên San Jose, trời thu muộn màng, ẩm ướt hơi sương, các văn nghệ sĩ thường tới, lui hiên thơ giá rét, lại có dịp làm thơ tán thán, tình tiết kỷ niệm nhớ nhung, lại được phô bày trên báo giấy, báo mạng, gia đình thì đã chu toàn lễ nghĩa tang ma, còn lại bạn thơ với mây bay, gió thổi, băng khuâng. Nhà thơ Hà Huyền Chi từ tiểu bang Tây Bắc Hoa Kỳ trong bài phúng điệu thi lão Hà Thượng Nhân, với tất cả tấm lòng của Nhà Thơ đối với Nhà Thơ:
Thơ không nuôi nổi nhà thơ

...

Nhà thơ về với hư không
Còn trên mặt báo vài dòng tiếc thương...
(Hà Huyền Chi)

Vâng, quả là vậy, nếu chỉ sống với Thơ thôi thì không biết làm sao...tồn tại được, vì thơ không nuôi nổi nhà thơ, nếu ở Hoa Kỳ không có các khoản tiền đãi ngộ tuổi Già, Bệnh và vv...khác, thì chẳng biết có quý vị nào Vịn Thơ mà đứng dậy nổi, nhưng lạ quá chẳng những quý vị làm Thơ, đã đứng là Vịn Thơ đứng dậy, rồi còn khoác áo tâm tư tình cảm cho Thơ mình, thơ người để làm nên huyền thoại, chúng ta, loài người, khác muôn loài khác, là đã sống cho ta, mà còn sống cho người nữa.

Sau khi cụ thi sĩ Hà Thượng Nhân mơ màng về cõi vĩnh hằng thực sự rồi, những ngón tay thơ của bốn phương hồ hải thi sĩ khác đang còn hiện diện ở Chốn Bụi Hồng này, nhìn nhau buồn bã, đếm gió, đếm mây, 91 lần khuê phòng tuyệt giá, một vị lão thành lặng lẽ ngồi vào ghế computer, biên thảo đôi dòng nhắn gửi người thơ thừa trăng tròn của thi mới quá vắng Hà Thượng Nhân, không dám gọi Nàng Thơ, vì nàng thơ ấy cũng đã lên cụ cữu thập. Người thơ trăng tròn xưa là một bậc nữ lưu danh gia vọng tộc song tiểu thư sính thơ ca nên đã ghép tên thật của nữ sĩ Hoàng Bích Dư, cùng tên thật của cố thi sĩ Hà Thượng Nhân là Hoàng Sĩ Trinh thành đôi thi khách Song Hoàng (vì cùng họ Hoàng), đồng thời tiểu thư con quan triều Huế còn ký vài bút hiệu khác như Bích Hoàng, Tương Đàm.

Chỉ 24 giờ đồng hồ sau, nữ sĩ Tương Đàm hay Bích Hoàng đã nhờ lưới điện chuyển qua vị lão thành (cũng là thi sĩ Đường Thi) nêu trên bài thơ phân ưu trước tin thi lão Hà Thượng Nhân từ biệt bạn thơ gần, xa khắp cõi.

Bài thơ phân ưu thi sĩ Hà Thượng Nhân của nữ sĩ Hoàng Bích Dư tức Bích Hoàng, Tương Đàm, hiện nay được quý vị văn nhân, thi sĩ ở San Jose hết sức ngợi ca với 2 lý do xác đáng:

Thứ nhất là một bài thơ chia buồn ý tình trọn vẹn nhất, ngôn từ đầy đủ tính chất lễ nghĩa, tình thơ không quá đà lãng mạn, xưng hô không lệch lạc nhân cách mà vì cả hai cụ thi sĩ kể ở, người đi đều đã tròn vẹn tình cảm, gia đạo, địa vị xã hội vv...mặc dầu kỷ niệm xưa vẫn trân quý.

Thứ hai là một mối tình thơ có chiều dài năm tháng, đậm đà, mà không dẫn tới điều tặc trách, xem như mối tình thế kỷ.

Tôi vốn hoàn toàn i tờ về computer, chẳng biết cái mạng lưới điện nó mang hình thức, nội dung thế nào-Được bạn hữu thân tình in từ net ra những bài bản cảm thấy không thể thiếu, tất nhiên là những tuyệt phẩm Kiều Hai Sắc Hoa Ti Gôn của TTKH, nay thơ cũ Tiếng Khóc Đêm Tân Hôn của Tương Đàm Nữ Sĩ viết năm 1943, và bài phân ưu thi sĩ Hà Thượng Nhân quá cổ 11-10-2010 của bà thật ...tuyệt tác. "Tiếng Khóc Đêm Tân Hôn " là 10 bài thơ thất ngôn bất cú, nữ sĩ Tương Đàm viết gửi nhà thơ Hà Thượng Nhân từ thời tiền chiến(1943), thời điểm của khá nhiều huyền thoại Hà Thành Thanh Lịch xa xưa, nào là Trống Mái, Tuyết Hồng Lệ Sử vv...nếu như Trống Mái cho là chuyện hư cấu diễn tả thiếu nữ thành thị, cứ nhất định thích anh chàng ở

làng chài lưới ven biển khơi, chỉ vì anh ta to lớn, vạm vỡ như thần trùng bão táp, thì Tuyết Hồng Lệ Sử lại là chuyện thật.

Tiểu thư Hà Nội Tuyết Hồng chính là chị gái thứ 2 của Nữ sĩ Thục Oanh phu nhân thi sĩ Vũ Hoàng Chương, tức là chị nhà thơ Đinh Hùng, được cụ cố họ Đinh đã từng làm tham sứ ngoại giao Việt Nam đầu thế kỷ thứ 20 ở Phi Luật Tân, cho nên tờ khai sinh của nữ sĩ Đinh Thục Oanh ghi nơi sinh là Philippine, thế thì Đinh lão bá quyết định gả tiểu thư Tuyết Hồng cho bậc nam nhi trẻ trung, tuấn tú Võ An Đạm (em cu Võ An Ninh), thật môn đăng hộ đối. Nhưng ngày hôm sau đám cưới, cô dâu Tuyết Hồng sẽ về với chú rể Võ An Đạm, thì ngày trước, tiểu thư Tuyết Hồng đã gieo mình xuống Hồ Tây, thiên tình sử đầy lệ này, tôi vẫn nghĩ là cũng ở trong bảng phong thần dân gian ngoài Bắc.

Nào ngờ, đầu năm 1984, chị Thục Oanh rủ tôi từ Úc Viên theo đường Nguyễn Minh Chiêu tới nhà cụ Võ An Đạm, vốn cũng là một nam tài tử không chuyên thời trước 1975 ở Saigon, sau khi thăm viếng, 2 chị em ra về, chị tâm sự với tôi:

Lẽ ra bà Tuyết Hồng là chị của mình, làm vợ ông ấy (Võ An Đạm) đấy, nhưng bà Tuyết Hồng tự trầm ở Hồ Tây, tạo nên câu chuyện Tuyết Hồng Lệ Sử, Cao My Nhân có nghe không?

- Có chứ, ai mà ngờ thế, còn cụ bà Võ An Đạm bây giờ thế nào?

- Thì mình vẫn tới lui thăm hỏi sắp đi xuất ngoại rồi, ông bà ấy tử tế lắm.

Rồi thời gian rất ngắn sau, chỉ còn vài ngày nữa 2 cụ Võ An Đạm sẽ lên đường đi Mỹ hay Canada, tôi không nhớ, thì một buổi trưa mùa hạ năm đó, cụ Võ An Đạm đã ngủ quên không dậy nữa-cụ bà phải vô nhà thương, và thân nhân tạm dấu chuyện cụ Võ mất sau vẫn tiễn cụ bà ra sân bay xuất ngoại, đồng thời vẫn quản cụ Võ An Đạm ở chùa Đại Giác, rồi một người cháu họ lo tang ma cho cụ.

Những thư mục Tiếng Khóc Đêm Tân Hôn, Tuyết Hồng Lệ Sử vv... là những tình tiết truyện, kiểu: Áo Người Trinh Nữ, Đám Cưới Ma... vv... thực đấy mà hư cũng đấy -Chuyện đời đơn giản đã chẳng giản đơn, thì chuyện Thơ Tình Thơ lại càng huyền hoặc. Nếu cuộc đời, không có huyền thoại thì văn chương giảm đi phần nào ý nghĩa phong phú, thơ ca giảm đi điều mơ mộng, mỹ miều.

Hawthorne 2-10-2011

Nàng Tố của Vũ Hoàng Chương Thế Uyên

Vũ Hoàng Chương
(1916-1976)

“Tố của Hoàng ơi Tố của Hoàng”
(thơ Vũ Hoàng Chương)

Đáng lẽ là một lời vào đề, xin thay bằng một thắc mắc: chính người viết không biết nên định thể loại cho bài này như thế nào. Kể về các lớp quá khứ chồng chất lên nhau không theo thứ tự thời gian, thường là ký — hồi ký, thuật sự, tự thuật... Ký nào cũng bao hàm sự kiện tác giả tôn trọng sự thật tối đa có thể được. Bài này không đạt được điều ấy vì người viết kể lại khá nhiều những gì được nghe từ một bà mẹ kể lại cho cô con gái là vợ của người viết, cô gái nghe xong bèn suy diễn đôi ba điều trước khi kể lại cho chồng, chưa kể óc tưởng tượng, chủ quan của người viết tự động điền khuyết, tìm hiểu hoặc tô điểm thêm những chỗ khuyết trong bức tranh của quá khứ ráp nối. Như vậy giống

truyện quá, nhưng vẫn không là truyện bình thường, vì nhiều nhân vật mang tên giả, lại là có thực ngoài đời. Hay là gọi luôn là truyện (chuyện) ký chẳng... Thôi, xin để vấn đề đó lại cho các chuyên gia văn học. Bây giờ vào đề thôi.

Nàng Tố là ai

Ngày xưa, chuyện xảy ra từ đầu thế kỷ 20, nhưng thế tạm đủ để gọi là ngày xưa được rồi, bởi vì một hai thế hệ bây giờ qua đi, là kể như lâu rồi, không như thời gian chậm rì rì của các cụ... Vậy thì trong cõi tạm là ngày xưa ấy có một ông cự phú làm giàu nhờ buôn bán thóc lúa vùng châu thổ sông Hồng, ở trong một dinh cơ đường Bến Thóc thành phố Nam Định. Ông lấy nhiều vợ vì Việt Nam thời đó theo chế độ đa thê, bà vợ đầu sinh ba cô con gái, cô út nổi tiếng xinh đẹp nhất thành phố, sau này trở thành nàng Tố của Vũ Hoàng Chương. Nói về các người con gái nổi tiếng trong văn chương, bảo rằng các nàng đẹp là dư thừa, vì xấu xí, thiếu nhan sắc không gây được sóng gió hào hứng ở đâu, cho ai cả — trừ những trường hợp hãn hữu như Chung Vô Diệm.

Ở cùng đường Bến Thóc có một chàng bạch diện thư sinh — tôi không dùng sáo ngữ đâu vì chàng này có bộ mặt trắng thật sự, trắng đến nỗi như có thêm sắc xanh lơ — tên là Vũ Hoàng Chương con một ông tri huyện, gia tư cũng khá, vào loại bậc trung. Tôi không bịa chút nào về cái “bạch diện” của chàng ấy đâu vì đã từng là học trò môn Văn lớp đệ nhị (lớp 11) của nhà giáo Vũ Hoàng Chương. Bản thân người viết cũng là một nhà giáo dạy Văn xuyên nhiều chế độ, nhưng khả năng tả người thì loàng xoàng thôi, nên nhường mực tả ông thầy thi sĩ không giống ai này cho nhà văn Song Thao, cũng từng là học trò cũ của Vũ Hoàng Chương:

Áo sơ mi màu mỡ gà. Quần nâu với hai đường li trắng tấp. Giày da nâu bóng loáng, mũ phớt màu nâu nhạt. Và một chiếc cà vạt màu nâu hồng có điểm những nụ hoa nhỏ xíu màu hồng nhạt. Màu sắc từ trên xuống dưới ăn khớp với nhau một cách rất nghệ thuật. Như một bức họa. Chưa hết. Một chiếc kẹp cà vạt mạ vàng cùng với cặp nút măng sét làm cho bộ quần áo thêm phần “vương giả”. Không phải chỉ trong buổi học “ra mắt” học sinh thầy Chương của chúng tôi mới diện như vậy. Trong suốt năm học, lúc nào thầy cũng chải chuốt một cách lạ thường. Những ngày nóng bức nhất cũng không làm chiếc cà vạt rời khỏi cổ thầy. Những ngày se lạnh chỉ thêm dịp cho thầy đóng nguyên một bộ đồ lớn loại sang.

Người thầy mỏng lét. Bộ ngực lép kẹp được chúng tôi gọi là ngực Omega... Nước da trắng xanh cùng với khuôn mặt gầy gò, ngoài rất nhiều vết nhăn quanh miệng và quanh hai khoé mắt... chúng tôi không tìm thấy ở thầy những dấu hiệu của một người ghiền. Cặp môi không thâm... người không toả ra mùi khét lẹt, dáng điệu không so bải, quần áo không lếch thếch dơ dáy...

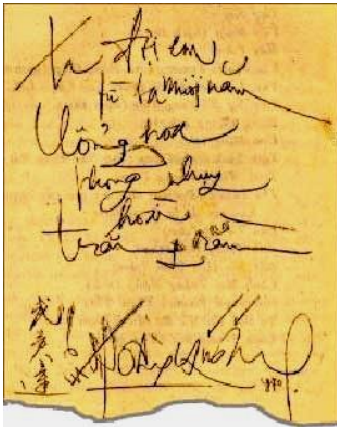
(Song Thao, “Thầy Chương”, *Thế Kỷ 21*, số 213, tháng 1 năm 07, tr. 37)

Chàng thư sinh mặt trắng tả trên đây với nàng Tố xinh đẹp không xa lạ gì với nhau vì, chưa đến nỗi là hàng xóm sát vách, đôi trẻ ở khá gần nhau, và vào cái thời “nam nữ thụ thụ bất thân” (có vị đã dịch là: trai gái trao cái gì cho nhau không được trao liền tay; nhưng đó là chuyện bên Tàu, còn các cụ nam nữ bên ta chạm chân tay nhau một chút trong giao thiệp hàng ngày, không là vấn đề), nàng Tố chàng Vũ thiếu gì dịp nhìn thấy nhau tỏ tường. Khi nàng đến tuổi dậy thì, chàng Vũ cũng lấy được bằng Tú tài. Thời đó, đầu thế kỷ 20, bằng cấp ấy bảo đảm dư nuôi vợ con thoải mái, kể cả vợ lẽ con thêm. Chàng Vũ liền trầu cau đi hỏi nàng Tố bé con nhưng nhan sắc, cỡ 15, 16 tuổi. Bất ngờ ông bố nàng từ chối. Bà chị S kể lại có lẽ lý do tài chính: ông bố chê nhà trai hơi nghèo.

Thực ra có lẽ ông đang chờ một mai mối được hơn chàng bạch diện thư sinh họ Vũ: đó là con trai dòng họ Trần, một họ lớn nhiều khoa bảng trong tỉnh. Chàng này vừa tốt nghiệp Polytechnique ở Pháp về, ngoại hình khác hẳn chàng Vũ, khoẻ mạnh, nét mặt rất đàn ông. Vũ mạnh dẽ bao nhiêu, Trần vạm vỡ khoẻ mạnh bấy nhiêu. Khỏi phải nói thêm cũng biết ông bố thuận gả cô con gái cưng cho họ Trần. Đoàn xe rước dâu đông tới 30 xe hơi, theo tiêu chuẩn hồi đó, là “thứ nhất Bắc kỳ, thứ nhì Đông dương”. Đoàn xe để lại trên vỉa hè đầu đó xác pháo tươi hồng và vài chàng thất tình vì người đẹp đã đi lấy chồng, trong đó có chàng Vũ. Nhưng khác với mọi chàng, chàng Vũ biết làm thơ

từ nhỏ, bây giờ sự thất tình, như một chất xúc tác kỳ diệu, làm chàng trở thành một thi sĩ lớn của Việt Nam.

Dĩ nhiên đề tài quan trọng nhất thời kỳ đầu là mối thất tình vì nàng Tố. Ông than ông tiếc ông gọi tên nàng ầm ầm náo nhiệt trong thơ, thí dụ như trong bài “Tháng sáu mười hai”. Mười hai tháng sáu là ngày nàng lên xe hoa về nhà chồng, “*Tố của Hoàng ơi Tố của Hoàng, Tố của Hoàng nay Tố của ai...*” Cần chú giải ngay là Tố không phải là tên thực của nàng, nữ danh của nàng bắt đầu cũng bằng chữ T nên chàng Vũ phóng tác ra tên Tố, tha hồ réo gọi, khỏi lo bị kiện hay ông chồng to khoẻ đến gõ cửa nhà hỏi thăm sức khoẻ... Cứ việc than thở: “*Ta đợi em từ ba mươi năm, Uổng hoa phong nhụy hoài trắng rằm...*”



Chàng họ Trần (tên tạm gọi là Tú) và nàng (cứ kêu bằng tên văn chương là Tố, để khỏi làm phiền lòng con cháu ở quốc nội hay hải ngoại) đã mở đầu cuộc sống chung tốt đẹp. Chàng tuy đỗ kỹ sư nhưng về một ngành chưa phát triển ở Việt Nam, nên chàng xuất chính và nhờ có căn bản quân sự trong học trình trước kia, chàng được người Pháp tin dùng, được bổ nhiệm, lúc làm quan châu vùng thượng du, lúc làm tỉnh trưởng Hải Dương, có lúc làm Phó Thủ Hiến Bắc Việt. Hoạn lộ có thể nói là hanh thông và cô bé con xinh đẹp mười bảy tuổi xuất xứ Bến Thóc Nam Định cứ thế làm phu nhân liên tục. Trong khi đó chàng Vũ thất tình sâu đậm, bỏ cả học Đại học Hà Nội, gia nhập ngành Hoả xa, xin một nhiệm sở xa nhất phía bắc là Lào Cay. Là thi sĩ thất tình, ở nơi biên giới ấy chàng làm rất nhiều thơ về nàng Tố và nỗi niềm thất tình của mình, những bài thơ đưa chàng đến chỗ danh tiếng. Nhưng phiền một nỗi nơi biên cương ấy nằm trên một trục lộ chuyên thuốc phiện từ Tam giác vàng vào Đông dương thuộc Pháp, chưa kể nguồn sản xuất từ ngàn xưa trên các cao nguyên lớn nhỏ của Bắc Việt. Và hồi đó không hề có lệnh cấm hút thuốc phiện ở Việt Nam. Năm cạnh ngọn đèn dầu lạc hít làn khói xanh vào phổi, nghe thân thể nhẹ dần như đi mây về gió, thi hứng vãn hứng dâng lên tràn đầy. Một người thường còn dễ nghiện thuốc phiện, nữa là thi sĩ thất tình Vũ Hoàng Chương, chưa kể một side effect khá hấp dẫn khác, là thuốc phiện làm trì hoãn việc xuất tinh trong thời kỳ mới hút.

Vậy Vũ Hoàng Chương trở thành người nghiện lúc nào không hay. Không như hít, chích cocaine hiện nay khoảng 5 năm là chết, nghiện thuốc phiện chỉ gây đi dần dần, sợ nước sợ tắm, quần áo dơ dáy hôi hám... nằm nhiều quá một bên nên lâu dần dễ bẹp một bên tai nên dễ có biệt danh “dân làng bẹp”. Bởi thế những người nghiện có nghề nghiệp ngoài xã hội, khi ra ngoài thường thay quần áo mới, đẹp... đúng như nhà văn Song Thao đã miêu tả tác phong của “thầy Chương”. Sau một thời kỳ nghiện ngập bệ rạc, trở về Hà Nội, gặp lại bà S. chị của nàng Tố, Vũ Hoàng Chương than: “Thân tôi ra thế này, tại Tố hết!” Nghe kể lại, cô cháu sau này thành vợ người viết, đã “hứ” một tiếng phản đối: “Đàn ông nghiện ngập là tại chính họ, đừng có đổ tại đàn bà!”

Ở bên ta các cụ xưa thường có câu “miệng đàn bà con trẻ lắm lúc cũng thiêng”. Ở bên Tàu chưa lâu lắm có một ông Lỗ Tấn nào đó có viết cả một bài văn đả kích cái thói đổ tại đàn bà về chính trị của các vị tiên hiền tiên liệt, bên Tàu tất nhiên. Nhà Hạ nhà Thương Chu mất, tại các nàng Muội Hỉ, Đát kỷ, Bao Tự... Rồi các nàng Tây Thi, Dương Quý Phi, các bà hậu này hậu nọ, Lữ Hậu, Vũ Hậu, Từ Hi Thái Hậu... thành tích cũng khá lắm. Theo Lỗ Tấn, một triều đại một vương triều khi đã suy, phạm nhiều sai lầm đối nội đối ngoại, nên mới sập tiệm, lại không muốn nhận lỗi, không chịu tự phê, hậu duệ mới kiếm một nữ nhân mà đổ tại...

Vũ Hoàng Chương đã thành danh, cuộc đời của ông, các thi phẩm, các vở kịch đã viết, đã đóng hay dàn dựng, đều thuộc văn học, được các nhà biên khảo tìm hiểu và ghi chú. Người viết bài này trở lại cuộc đời khiêm tốn nàng Tố.

Mặc dù lấy chồng giàu có bằng cấp quan chức, cuộc sống thầm kín của hai vợ chồng cũng có trục trặc, như những cặp vợ chồng khác và hơn các cặp vợ chồng khác. Không biết ông chồng Trần tạm gọi tên là Tú ấy có tính bạo dâm hay không, một lần bà chị S. dẫn con gái lại thăm, cô em Tố vạch cho coi một vết thương do đầu thuốc lá cháy đỏ dí vào... Chưa hết, còn chuyện con cái. Không biết thời kỳ làm quan ở thượng du, ông Tú Trần có lợi dụng quyền lực áp bức, gây ân oán giang hồ với con gái địa phương hay không, mà bà vợ trẻ cứ đêm trước nằm mơ thấy người đàn bà xoã tóc giành con với mình, thì đêm sau đứa con mới sinh chết. Cứ như thế tới bốn đứa con đầu. Riêng đứa thứ tư, Tố kể với chị là “em giằng co với con mẹ xoã tóc, không cho đụng tới đứa nhỏ. Vậy mà hôm sau bỗng con ngồi xe đồ, gặp một tai nạn nhỏ, cả xe không ai làm sao, mỗi con em bỗng trên tay lại va vào thành ghế chết.”

Vụ đánh lộn với người đàn bà xoã tóc trong mơ không cứu kịp được đứa con mới sinh, nhưng kể từ đó Tố tiếp tục sinh con trai con gái bình thường. Sự kiện này gợi nhớ tới phim ma quái *Ring II* vừa trình chiếu khắp thế giới: người mẹ trẻ trong phim quay theo một phim ma Nhật, do tài tử xinh đẹp Naomi Watt đóng, đã phải liều mạng nắm lấy hai tay ma tóc dài, theo nó về tận hang ổ ở đáy giếng để đánh lộn, đập ma xuống giếng rồi đập nắp lại, mới cứu được đứa con đã bị ma nhập.

Nhưng tới đây chưa hết sự trù ẻo của gia đình cô Tố vì đứa con trai đầu gửi gia đình bà S. nuôi hộ cho dễ học, không biết có cảm tình quá mức với cô em họ xinh xắn mới lớn (sau này là vợ người viết) hay không, nhưng cả hai gia đình cùng đồng ý “con ai người đó nuôi”, trả chàng thiếu niên về với bố mẹ. Được ít lâu, sau một buổi cãi lộn với bố, “chàng” tự tử chết. Đọc đến đây không nên ngạc nhiên về sự trù ẻo thư phù gì mà ghê thế, vì có như thế đã thấm vào đâu với sự trù ẻo, curse, của giòng họ Kennedy. Không biết cụ cố Kennedy khi xưa tạo sự giàu có, có chà đạp, gây đau khổ cho ai không mà sau này các con lãnh đủ lời nguyên trù ẻo. Con trai đầu lái khu trục chiến đấu ở Normandie (Pháp) chết mất xác trong một phi vụ như nhà văn Pháp Saint-Exupéry. Con thứ hai lái PT bị tàu Nhật húc chìm suýt chết, sau trở thành tổng thống Hoa Kỳ, bị một sát thủ bắn chết trong khi kinh lý Dallas. Người con thứ ba, nguyên bộ trưởng Tư pháp cũng bị giết trong khi tranh cử Tổng thống. Người cuối cùng chở cô bí thư “về đồng quê ăn chè”, không biết ma dẫn lối quỷ đưa đường ra sao mà lao xe xuống sông. May là tay bơi giỏi nên sống sót, để lại người tình dưới đáy sông lạnh. Sau vụ này gia tộc Kennedy quyết định ông út không được ra tranh cử tổng thống nữa, phải sống sót để lo cho thế hệ mới. Dù vậy cũng chưa yên: gần đây người con trai duy nhất của cố tổng thống Kennedy, một dân biểu trẻ tuổi đẹp trai như bố, lái máy bay đưa vợ và người chị về điền trang ven biển ăn cưới cô em họ, máy bay đâm xuống biển chết cả ba. Cô em họ sợ quá cùng hai họ bay sang tận một hòn đảo tí bên Hi-lạp làm đám cưới. Gần đây ông út, đã già, chần chẫn làm thượng nghị sĩ, tuyên bố sẽ ra ứng cử tổng thống kỳ này. Chúng ta ít người mê tín, ít sợ ma quỷ, nhưng cứ chờ xem...

“Tố của Hoàng” tại miền Nam

Khi đất nước chia đôi và người Pháp rút quân dần, ông Tú Trần rút khỏi hoạn lộ, nhận một chức giám đốc một trường chuyên môn ở Huế, sống cùng vợ con tại đó. Do đó khi tôi vào làm rể gia tộc Nguyễn-huy, dù cô vợ trẻ kể thiếu gì chuyện, huyền thoại về gia đình “cô Tố” đến nỗi quen thuộc, tôi chỉ thực sự biết mặt chồng cô Tố khi ông vào Sài Gòn công tác. Thời gian này tôi đã là nhà văn và lính miền Nam nên khi ngồi cạnh ông trong bữa cơm trưa, tôi đã ngạc nhiên thú vị khi biết ông đã đọc khá nhiều văn tôi viết. Ông tán đồng quan niệm sống hùng sống mạnh thời chiến, “làm trai thời loạn mà lui lũi trốn lính giữa chốn ông đi qua bà đi lại, là quê, là xoàng xĩnh...” của tôi. Ông đọc vài câu thơ hùng bằng tiếng Pháp của Victor Hugo, bộc lộ thái độ sống của mình, thích làm công việc vĩ đại, kiểu “Chí làm trai” của Nguyễn Công Trứ. Cũng có một chút bất đắc chí đâu đây vì ông cũng có lòng yêu nước như ai, nhưng sinh không đúng thời nên tuổi trẻ, tuổi hành động của ông trôi qua trong phục vụ người Pháp thời chuyển tiếp. Trước khi bắt tay giã từ, ông đột nhiên hỏi: “...Cái thằng Vũ Hoàng Chương hiện ra sao?”, tôi khoát tay nhẹ nhàng: “Vẫn dạy học đâu đó...” Chỉ một câu hỏi tôi đoán ông vẫn còn ám ức cái thằng thi sĩ mang vợ mình ra làm đối tượng thất tình ồn cả nước...

Một lần vợ tôi kể con gái đầu lòng của cô chú Tú xinh và sexy, có hai bình sữa bự như thế này này... nàng để tay trước ngực diễn tả. Lời nói của vợ làm tôi tò mò, hơi háo hức nữa, nên lần đi công tác vùng Huế, mượn được xe jeep cũ xì, tôi tà tà tìm nhà cô chú Tú (đến lúc đó tôi vẫn chưa biết mặt cô Tú hay bị chồng đánh, “nàng Tố của Hoàng”, ra sao). Số tôi vô duyên với gái đẹp xứ Huế vì căn biệt thự kiểu bungalow, thềm khá cao chống lụt thường niên vùng này, hoàn toàn vắng lặng. Tôi tiến vào phòng khách ở chính giữa: tất cả vẫn vắng lặng và mọi sự sạch như lau như lý. Tôi lên tiếng một lần nữa, vẫn không ai trả lời. Tôi đợi thêm vài phút rồi ra về. Mặc dù lúc đó đương là công cán ủy viên một Bộ, tôi cũng chẳng dám tiến vào sâu hơn, nhà nhiều gái đương thì xinh đẹp, chưa kể bà mẹ nổi tiếng giai nhân một thời. Nhờ có nữ nhân nào đương thay áo, tôi dễ tình ngay lý gian, bể tiếng tắm mấy hồi.

Năm đó quân Mỹ kéo sang khá đông, kéo theo một bầy dân sự túa đi thuê nhà trong đô thành, để ở (tất nhiên vì đâu có doanh trại như lính) và để hẹn hò, chứa “vợ for rent”... làm tôi phải vất vả ghê lắm mới thuê được một căn nhà làm thêm cuối dãy trong một cư xá. Hoàn toàn không biết gia đình chú Tú cô Tố cũng dọn nhà từ ngoài Huế, chú đã về hưu, vào thuê căn nhà gỗ hai tầng ở đầu dãy đằng kia. Hai nhà cách nối nhau bằng một hẻm nhỏ dài. Trong bữa ăn hàn huyên giữa hai gia đình, bây giờ là gia đình cô chú và gia đình nhỏ nhiều con nít của vợ chồng tôi, lần đầu tiên tôi biết mặt thật rõ ràng “cô Tố của Hoàng”, cô gái của huyền thoại thi ca, cô gái đã khởi hứng bao nhiêu câu thơ tuyệt vời của Vũ Hoàng Chương: *Ta đợi em từ ba mươi năm, Uổng hoa phong nhụy hoài trắng rằm... Ôi ta đã làm chi đời ta, Cho lòng tàn tạ, tình băng giá...*

Cô có đôi mắt đẹp, ứng thủy, màu nâu dịu dàng như vợ tôi nhưng khác ở chỗ trong mắt có một nốt ruồi. Hai cô cháu có mắt đẹp và da trắng như nhau nhưng cô mắt buồn và mệt mỏi, làm gái đẹp như thế trong bao nhiêu năm, lấy phải ông chồng hay ghen, lại có tí máu sa-đích nhập cảng từ Pháp về, hơi một chút là lời vợ ra đánh đòn, mắt vui sao được... Tôi mỉm cười thầm: lấy được vợ đẹp cũng thú nhưng cũng dễ sùng máu ghen khi có một tên thi sĩ lâu lâu lại mang vợ mình ra làm đối tượng than thở này nọ. Tức trào máu được nhưng làm gì được “nó”, chỉ có vợ ở gần tiện chân cho một đá cho hả! Sau đó mắt công đồ đành tán tỉnh nhưng làm tình với nhau đạt hơn. Chứng tỏ đã bao nhiêu năm trôi qua, vợ chồng vẫn bền vững, đi đâu về hơi trễ là cô đã lo lắng về bữa cơm của chồng.

Nhìn lên bàn thờ nhà cô chú, tôi nhận thấy có một vật bất thường, là một bức tượng bán thân bằng đồng đen hình một cô gái Thái hay Mường Mán chi đó. Hỏi lai lịch, không ai trả lời, chỉ biết chú có nó lâu lắm rồi, thuyên chuyển đi đâu cũng mang theo và tỏ vẻ quý một cách đặc biệt. Tự bức tượng đồng đen đã mang một vẻ bí mật, óc tưởng tượng của tôi thêm dẹt một sự tích ly kỳ, thân thể cô gái thiếu số trắng nõn nà bị treo lên xà nhà, miệng thốt ra những lời nguyện rửa không ai hiểu... chú đã từng làm tri châu một miền thượng du Bắc Việt lúc trẻ, cái gì cũng có thể xảy ra trong một lúc say rượu cần, cognac. Ông bố của Hồ Chí Minh, đang làm một chức quan tương đương, cũng có lần say rượu đánh chết tù nhân, bị cách chức lang thang đến chết vùng Hậu giang, bỏ bê gia đình nên cậu Nguyễn Tất Thành không được học nhiều, phải xin làm phụ bếp trên một tàu biển của Pháp để tìm đường tiến thân. Các nịnh thần sau này biến sự kiện phiêu lưu nhỏ của một thiếu niên thành “Bác đi tìm đường cứu nước”. Nhà viết sử Nguyễn Vũ đã công bố bản sao đơn xin học trường Thuộc Địa chính quyền Pháp nhưng bị bác của Nguyễn Tất Thành khi lệnh đênh đâu đó trên biển. Không cần giàu óc tưởng tượng cho lắm cũng thấy, nếu đơn được chấp nhận, Nguyễn Tất Thành ra làm quan như Ngô Đình Diệm, lịch sử Việt Nam cận đại đã không như hiện nay. Có thể ông quan Nguyễn Tất Thành vẫn sẽ làm cách mạng chống Pháp, nhưng chắc không nhập cảng chủ nghĩa Mác Lênin về Đông dương... Cuộc chiến tranh 30 vừa qua có thể tránh khỏi...

Kể những điều loanh quanh trên cho người vợ vui tính nghe, bà ngẫm nghĩ một chút rồi thêm thât: “Dám người đàn bà xoã tóc trong mơ đã hại bốn đứa con của cô Tố là cô gái trong tượng lắm...”

Đôi trẻ

Cô gái đầu lòng của cô Tố dĩ nhiên được ông bố cưng đặc biệt, sự kiện đó cũng là bình thường, nhưng bà chị S., sau này là một cô giáo, chê cái lối cưng con: “Bố gì mà bế bổng con gái lên mà cấn vào chỗ đó...” Tôi đã từng thấy các bà mẹ què đưa tay nghịch chim con hoặc để đỡ cho nó nín khóc, nhưng bố cấn lên mu con gái bé, tôi đồng ý với bà S. là ít thấy. Cô Tố về sau sinh nhiều con nữa nhưng ông chồng ngắm nghía đứa nhỏ, thỉnh thoảng nổi cơn ghen, bảo sao nó giống “thằng này thằng nọ” bạn của chú, và dĩ nhiên cô lại lãnh một trận đòn ghen mới.

Khi cô gái đầu lòng này, tạm gọi tên là Nhất, yêu một sinh viên “quyết tử” của phong trào Phật giáo đấu tranh miền Trung, lập tức sóng gió nổi lên trong gia đình, dĩ nhiên vì ông bố không chịu. Ông dọa: “Thằng đó còn chui rào vào gặp con Nhất nữa, sẽ bắn cho bết sọ...” Tôi hỏi Nhất khi cô nàng đến thăm vợ chồng tôi ở Sài Gòn: “Thế cô cậu tính sao?” Nhất cười ngỏn ngoèn: “...thì em chui hàng rào ra, chứ sao! Hai đứa bàn tính bắt chước anh chị ở Sài Gòn, cứ có bầu đại đi, là bố phải cho cưới.”

Mọi sự diễn ra đúng như vậy và đôi trẻ cũng vào Sài Gòn, thuê một căn nhà gỗ giản dị cuối cư xá để bà S. để trông cháu. Như đã kể, Nhất khoẻ mạnh và sexy, còn ông chồng Lực (không phải tên thực) đẹp trai như đa số con trai Huế, và cũng như không ít trai Huế, dưới khuôn mặt khôi ngô, thường chứa đựng một tiềm năng bạo động cam nín, khi bùng ra có thể giết người như không. Lực cũng đương có vấn đề bình thường thôi của lớp trẻ — đi lính hay không đi lính — mang ra bàn cùng tôi. Dĩ nhiên tôi khuyên nên đi lính, lính bộ binh, đỡ mất công chạy chọt về những binh chủng có chữ to tướng, yếu người đi... Tôi nói như đùa: “Chết cũng hơi khó vì đạn tránh người mà, như anh lặn lội ra tiền tuyến cho biết rồi lại trở về nguyên vẹn với vợ, có sao đâu...” Không biết hai vợ chồng Lực tính toán ra sao mà một buổi sáng tôi dẫn vợ đi chơi chợ Bến Thành, gặp Lực mặc đồ sinh viên sĩ quan Cảnh sát của một học viện mới mở, trông diêm dúa, có lẽ đẹp hơn đồ của sinh viên sĩ quan Thủ đức. Khi ngồi nhâm nhi cà phê đá, tôi bàn với vợ: “Đang là sinh viên quyết tử chống chính quyền, nay sắp biến thành ông cảnh sát đã chiến mang lựu đạn khói và dùi cui đi dẹp biểu tình, Lực sẽ còn khổ nhiều vì lương tâm mình.”

Tôi có lẽ cần ngừng một chút để tả cho rõ những nhân vật họ hàng sống cùng trong cư xá lọt thỏm giữa thành phố rộng lớn này. Vợ chồng Lực cuối cư xá, ở gần giữa là gia đình đông con của cậu K., dĩ nhiên là cậu của vợ tôi, một cấp tá quân đội miền Nam, rồi mới đến gia đình cô Tố, đối xứng đầu bên kia dãy nhà là gia đình tôi. Lộ trình di dạy học, đi chơi của bọn tôi hầu như băng qua nhà cô Tố cũng như cậu K., rất tiện cho việc qua lại khi tang lễ hiếu hỉ và chuyện gossip đủ loại của các bà. Một buổi đi dạy học về, đi xe gắn máy một mình qua nhà cô Tố, thấy cô vẫy tay gọi tôi đứng lại. Cô nói nhỏ nhỏ dù không ai có thể nghe ké: “Anh nhớ bảo cái Thi phải... ăn mặc kín đáo hơn, bớt suồng sã khi sang chơi cậu K. Mợ ấy vừa sang đây than phiền...” Tôi trả lời “Vâng ạ” một cách ngon lành, thấy chút gì ngộ nghĩnh đâu đây, một bà cô nổi tiếng đẹp một thời lại nhờ tôi “dạy bảo” thêm cho vợ tôi là cô cháu gái xinh đẹp của mình... Vậy thì ta “chấp hành tốt yêu cầu”, vì đôi khi chọc què cô vợ ngây thơ của mình cũng vui. Và lại, mới tuần trước đây thôi, mới dừng xe trước hiên nhà, cô người làm đã nhô đầu ra nói: “Cô dặn cậu sang đón cô bên nhà ông K.” Tôi rồ ga sang liền, tìm nhà dưới không thấy, lên lầu tìm phòng để giàn âm thanh Akai khá tốt, và kiếm thấy vợ liền: Nàng đang nằm tình tang trên chiếc nệm lớn để dưới sàn, mặc sẵn quần áo đi ăn tối, một cái mimi-robe màu rượu vang hồ cổ hơi rộng, mái tóc dài xoã trên gối. Nàng gác hai chân trắng tròn trịa không vết gợn lên vách tường, tai quàng ống nghe. Tôi quì xuống gỡ ra, dục: “Đi thôi em, chiều rồi.”

Chiều đó tôi đưa vợ tới ăn ở quán nàng thích và chọn những món nàng ưa, và đợi đến khi nàng no bụng (chẳng nên nói những điều khó nghe với đàn bà khi họ đói bụng), tôi kể những điều cô Tố đã nói buổi sáng, và đúng như dự đoán, nàng kêu lên: “Em với cậu K. thân nhau từ nhỏ... Ăn nhằm gì chút...” Nàng đỏ mặt, ngưng nói. Tôi nhắc lại cảnh nàng nằm ghéch chân lên tường nghe nhạc tôi đã thấy tuần trước: “Cậu với cháu lúc nhỏ thôi, bây giờ em lớn rồi”, và tôi dùng một thành ngữ Pháp (hồi nhỏ nàng học trường các soeur): “Le penis n’a pas de conscience” (Dương vật không có lương

tâm). Nàng nhăn nhó: “Sao anh nói giống mẹ em thế. Mẹ bảo đến bố mình cũng còn không tin được, nữa là...”

Dòng sông vẫn chảy đều đều ven quán, chiến tranh vẫn diễn tiến ngoài thành phố với nhiều máu và nước mắt, nhưng bọn tôi vẫn ngồi đây nhậu nhẹt trong buổi chiều tắt nắng, bàn đến những tác động cặp đùi trắng mịn có thể gây ra và những linh tinh lang tang về tình yêu và tình dục. Ai đổ máu gục xuống, cứ việc; ai gục đầu vào đùi đàn bà, cứ tự nhiên. Có một nhà văn phương Tây đã nói: “Một thời để yêu, một thời để chết.” Riêng tôi chẳng có chi để thức mắc đụng đậy lương tâm khi “đêm nằm nghe súng đại bác, nhìn ánh hoả châu xa” bởi vì cách đây chưa lâu gì tôi còn lang thang vùng chiến trận, tiếng đại bắn yểm trợ chiến trường cho bọn tôi, hoả châu tôi ra lệnh lính bắn để soi rừng rậm bãi hoang trước mặt... Một thời để yêu và một thời để chết hẳn hoi, dễ dàng.

“Một thời để chết”

Ngành Cảnh sát coi bộ lên lon hơn nhanh, chẳng mấy lúc Lực đã lên trung úy và thường tránh không giao thiệp với tôi. Nhưng tôi với hai tai lơ đãng nghe biết là về gia cảnh của Lực không mấy vui: Lực không thuận hoà với gia đình bên vợ, nhất là bà mẹ vợ và đứa con trai đầu. Chuyện thường tình thôi. Bởi thế một buổi sáng tôi đang ngồi đánh máy bài văn bỗng nghe tiếng chân dồn dập ngoài đường, tiếng đàn ông vừa khóc vừa gào: “Thằng Lực bắn chết mẹ tôi rồi, bà con ơi...” Kế đó đứa con trai nước mắt nước mũi chan hoà cổ vùng vẫy khỏi tay một đàn ông thoảng trông cũng biết là công an thường phục. Tôi đưa mắt cho viên công an buông người con ra, đi theo đương sự đến nhà Lực và lên thẳng lầu.

Cô Tố nằm ngã ngửa sau chiếc ghế đầu bị đổ, hai mắt nhắm lại như ngủ, một viên đạn nhỏ xuyên gọn gàng qua cổ. Tôi biết là cô đã chết rồi, êm ái, nếu có thể dùng chữ này diễn tả. Không còn điều gì có thể làm cho cô được nữa, tôi tiến sang phía Lực nằm ngheo đầu tan hoang vào vách gỗ. Tôi cúi xuống Lực hai mắt đã khép nhưng còn ngáp vài cái cuối cùng. Khẩu súng colt roulean lăn lóc cạnh tay. Tôi quơ vài miếng vải lớn, phủ lên cô Tố, thế là xong điều cuối cùng có thể làm cho cô. Nghe tiếng gát gồng phía ngoài, tôi bước ra ngoài hiên gỗ: ngồi bệt xuống sàn ì ôi khóc là cô gái út, đứa con đầu, kẻ đã chạy đến nhà tôi báo tin, đang ôm lan can hờ mẹ như một phụ nữ; còn chú, ông chú của bọn tôi vẫn đứng thẳng, vững chãi như thường lệ, đang la đứa con trai đương khóc: “Sois un homme!” (Hãy cư xử như một người đàn ông coi nào!). Nhưng tôi biết đứa con trai không sao có thể nghe lời bố, vì tôi đã đọc đâu đó rằng những ông bố áp chế, đánh đập con nhiều, những đứa trẻ ít hi vọng lớn lên bình thường: hoặc sưng mắt, hoặc sưng mũi, hoặc lạnh lùng tàn nhẫn ít thương xót ai.

Tôi tiến lại phía ông chú già, đưa tay bắt theo kiểu chia buồn giữa đàn ông với nhau: một tay nắm chặt bàn tay, một tay vỗ nhẹ lên cánh tay chú. Không nói một lời nào bởi biết chú sẽ không thích, sois un homme, quoi!... Tôi vào nhà, bước qua xác Lực, chậm rãi xuống cầu thang gỗ khá dốc. Vợ tôi đang ngồi trên ghế cạnh một phụ nữ đứng tuổi, chắc bà con lối xóm đầu đây. Nàng đang nhìn đăm đăm chậu thau nhòm ai đã để ra để hứng những giọt máu từ cổ họng cô Tố trên sàn gác gỗ rõ xuống. Không cần nhìn tôi cũng biết nàng đang khóc theo lối của nàng, từng giọt nước mắt tròn lăn trên má xuống. Trong im lặng. Tôi vòng tay ôm kéo nàng đứng dậy ra về: “Về thôi em, trước khi mọi người kéo tới...” Nàng đang nuôi đứa con nhỏ, không nên ở lâu nơi máu me và chết chóc.

Đến hôm đưa đám cô, tôi mặc áo sơ mi trắng và cổ đeo chiếc cà vạt thắm màu nhất tìm ra được trong tủ áo và đầu cũng chít khăn trắng hàng cháu như Thi, vợ tôi, mặc dù tục lệ không đòi hỏi. Xong đám tang về đến nhà, nàng mới kể: “Vũ Hoàng Chương có đến...” Tôi ngạc nhiên: “Sao anh không thấy?” Nàng nói: “Ông đứng sau một mộ bia khá khuất. Im lặng một mình. Em không chỉ cho anh thấy vì không muốn anh tiến lại chào. Chú sẽ thấy...”

Một lần nữa cô vợ bé nhỏ tỏ ra khôn hơn, tế nhị hơn tôi. Chú mà biết “cái thằng Vũ Hoàng Chương” ám quẻ vợ chồng ông từ bao nhiêu năm, làm ông nghi oan tức giận đánh vợ nhiều lần hồi còn trẻ, bây giờ cũng đến đưa đám nàng Tố của ông sao, chịu gì nổi...

Ngày hôm sau vợ chồng tôi cũng đi đưa đám Lục ở một nghĩa trang khác, gọi là nghĩa tử nghĩa tận. Sau đó không lâu lắm, các biển cổ xưa bây giờ khá hỗn độn trong kho trí nhớ dài hạn của tôi, chú cũng mất vì một tai nạn, cố tình hay vô ý, làm chú bị nhiễm trùng đường máu. Tôi nhớ mang máng là tôi trùng giờ dạy học, không đưa đám được, nhưng nhớ rất rõ là sau khi chôn cất, con lớn của chú lại nhà và nói: “Bố dặn là tặng anh chị bức tượng đồng đen vẫn để trên bàn thờ...” Không cần phải hỏi ý kiến nhau, hai vợ chồng tôi cũng khiêm tốn từ chối. Tôi tuổi Hợi, bạn bè hay bảo tôi cảm tình con heo rừng bạ đâu cũng đến cũng húc, nhưng còn lâu mới thích rước về nhà một thứ đồ cổ như thế... Đôi khi ngồi quán cà phê uống bia với nhau, tôi bàn với vợ: “lời nguyện” đi kèm có ở trong bức tượng đồng đen, giả thử là như thế, có chắm dứt với cái chết của chú chăng. ...Tôi không biết vì sau 1975, cũng như nhiều gia đình ở miền Nam, các con cái cô chú phân tán khắp nước Mỹ rộng lớn và trái đất, nói gì thì nói, cũng còn bao la lắm cho con người. Dù họ ở đâu, tôi cũng thành thực chúc lành, bởi vì họ đã lãnh chịu một tuổi thơ thiếu hạnh phúc, nhiều áp bức bạo lực. Sau đó một thời gian không đo lường được, vợ tôi một chiều nào đó nói các con chú có kể là sau cùng có một ông cụ quần áo tươm tất râu tóc như một người đời xưa, đến xin lại bức tượng đồng đen “đã gửi đây lâu rồi”. Các con của chú đã trao liền.

Chàng Vũ Hoàng Chương

Cùng là những người viết sống cùng thời với nhau nhưng tôi ít thân với Vũ Hoàng Chương vì lý do, như nhà văn Song Thao đã tả rõ, sự chênh lệch giữa hai thế hệ, thế hệ làm thầy và thế hệ làm trò. Trong giới văn nghệ văn học miền Nam, có tục lệ trong giao thiệp hàng ngày không phân biệt tuổi tác, toàn anh với chị, dĩ nhiên khi dùng các nhân vật đại danh tự như thế vẫn có một sự, một âm sắc kính nể người trên tuổi, hoặc một chữ “thưa” mở đầu. Trong một phiên họp của hội Văn Bút miền Nam, Nhất Linh dặn người cháu Duy Lam: “Chúng ta bác cháu ở nhà thôi nghe...” Phần tôi, đang ngồi “anh anh tôi tôi” với nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh, người con lớn ký giả Duy Sinh chợt về, tôi giờ tay bắt “chào anh, dạo này khoẻ không?”, không một ai hiện diện thấy là chướng.

Vậy thì vào thời gian trước tháng 4, 1975 sự giao thiệp giữa “anh (hay chàng) Vũ Hoàng Chương”, nhà thơ trước lãng mạn sau cổ kính và một nhà văn trẻ (tôi), một viên “đá lăn trâm” (nói như T.C. Sơn) của thế hệ chiến tranh, chỉ có thể sơ sài thôi, không đến nổi nhạt như nước lã, nhưng cũng chẳng đậm đà hơn nước lèo. Mãi tới sau 1975, cơn gió đỡ chứa toàn nghèo và đói và kết tội phi lý từ phương Bắc thổi tới, mới làm chúng tôi gần nhau, sống chung khoảng khắc trong một trang giấy. Trong một chuyến lên thăm nuôi ở trại cải tạo tập trung trên rừng miền Nam, bà vợ Tú Xương của tôi mang lên một tờ tạp chí *Văn Nghệ* thành phố Hà Nội do thân nhân của nàng, hơi hốt hoảng, mang từ ngoài Bắc vào tặng, kèm câu nói: “Như thế này chắc anh ấy quét trại cải tạo quá...” Các bạn đồng cải tạo với tôi, sau khi đọc xong hai bài trong tạp chí đó, cũng đồng ý, nhất trí mọi sự dám là như vậy. Có ông bạn trẻ trước ở ngành truyền thông còn mở một cuộc phỏng vấn tượng tượng để cùng cười chơi cho đỡ bị thảm: “Xin cụ cho biết tại sao lại ở lại quét trại vậy?” Cụ vuốt bộ râu dài bằng râu “bác” Hồ, thều thào trả lời: “Anh em được tha về hết lâu rồi, lá rụng nhiều quá nên ‘trên’ bảo tôi quét cho quang vinh...”

Bài thứ nhất trong tạp chí ấy do công thần miền Bắc Chế Lan Viên viết (lâu lắm rồi nên tôi không nhớ tên bài) nhằm mục đích phê phán và hạ bệ văn học miền Nam. Sau phần nói chung, đến phần dẫn chứng, Chế Lan Viên đưa ra bốn người tiêu biểu: Vũ Hoàng Chương, Doãn Quốc Sĩ, Phan Nhật Nam và Thế Uyên. Đủ mặt tiền chiến, hậu chiến và đương chiến, già trẻ lớn bé đều bị kết án không phản động thì đòi truy, đôi khi cả hai, nên “Cách mạng” phải “giúp đỡ” cả nước bằng cách triệt tiêu ngay bệ đỡ tay sai CIA này: con người nhà văn bị tống giam, tác phẩm bị cấm tàng trữ lưu hành dưới bất cứ hình thức nào, kể cả trong các thư viện. Tất cả cái gì là sách đều bị đốt, xay thành bột giấy. Vụ “phần thư Khanh Nho” dưới thời Tần Thủy Hoàng không thấm vào đâu.

Doãn Quốc Sĩ. Sau 5 năm bị giam ở Pleiku, ông được tha về để bị bắt lại, tha ra bắt lại nhiều lần, sau cùng mới được tới Mỹ đoàn tụ với con trai ở Houston. Những người thích văn ông và con người

chất phác giản dị của ông mới tổ chức một buổi vinh danh sách/con người nhân dịp ông 84 tuổi. Trong bài văn của Chế Lan Viên có đoạn ghép Doãn Quốc Sĩ thêm tội bất hiếu vì bố vợ là Tú Mỡ chết mà Doãn Quốc Sĩ không chịu đến đưa đám. Khi gặp lại nhau ở Sài Gòn, tôi hỏi về kết án này, Doãn Quốc Sĩ cười hồn nhiên: “Tôi đang bị nhốt, ở đó mà đi đâu... Họ thế đấy.”

Phan Nhật Nam. Trong nhiều năm, tôi tưởng nhà văn gắn bó cuộc đời và văn nghiệp mình với binh chủng nhảy dù quân đội miền Nam là người sẽ quét trại cải tạo, nhưng không phải: sau 15 năm anh đã được tha về (người quét trại ở tới 18 năm). Gặp nhau ở Seattle, tôi hỏi: “Anh chỉ là một đại úy, đã làm gì để đến nổi đảng Cộng Sản hành hạ anh dữ vậy? Trong 15 năm cải tạo (đã dài ghê), anh đã bị kiên giam tới 8 năm, tức là bị nhốt một mình dưới hầm trong thùng Conex trong một nơi riêng biệt, tay chân đều bị còng...” Anh trả lời: “Tại tôi viết văn làm thơ. Bị nhốt cũng làm, nhốt nữa làm nữa.” Tôi thở một cái khá dài: phục tinh thần văn nghệ của ông bạn này quá...

Thế Uyên. Lâu rồi tôi không nhớ nổi Chế Lan Viên nhà thơ công thần của Đảng đã đàn hặc tôi ra sao, nhưng trong bài báo thứ hai hài tội văn học miền Nam, do Lữ Phương viết, chỉ viết về riêng Thế Uyên, coi như tội phạm tiêu biểu. Tôi còn nhớ được có câu chốt đại khái như sau: “Tiếc thay một nhà văn có tài như thế, chỉ vì lầm đường lạc lối nên bị bánh xe lịch sử xô xuống vực thẳm không một đồng đô la dính túi.” Với các bạn cải tạo, tôi thường đưa câu này ra để hi vọng Đảng Cộng Sản sẽ không cửi tôi vào chân quét bắt trại cải tạo nào từ Hoàng Liên Sơn đến Cà Mau.

Vũ Hoàng Chương là người đầu tiên được nhắc tới trong bài đàn hặc của Chế Lan Viên. Không biết khi hạ bút viết những lời kết án, Chế Lan Viên có biết Vũ Hoàng Chương đã bị bắt nhốt ở Chí Hoà, tuổi cao sức yếu chịu không nổi lao tù nên ban quản lý trại giam cho về chết ở nhà, hay không? Vợ tôi báo tin đó ở ven rừng Katum, tôi ngậm ngùi đôi chút, thế thôi. Phải đợi đến khi được tha về, tôi mới có dịp lên thăm mộ ông ở bên trái tượng Địa Tạng của nghĩa trang Giác Minh, và kể từ đó mỗi khi trở lại thăm thân nhân ở nghĩa trang này, tôi luôn luôn dành nén hương chót cắm lên mộ Vũ Hoàng Chương. Khi nghĩa trang bị giải toả, tro tàn của ông được vợ con mang gửi ở một ngôi chùa nào đó.

Đôi khi chợt thoáng nhớ tới vài câu thơ của ông, tôi thấy chút khôi hài đâu đây, bởi ông bị chết vì những người xuất phát từ Hà Nội, nơi mà trong một phim ảnh thời kỳ ấy xưng tụng là “đỉnh cao trí tuệ nhân loại, trung tâm phẩm giá của loài người”.

Mười hai tháng sáu

Trăng của ai trăng một phương
Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường
Ờ đêm tháng sáu mười hai nhĩ
Tổ của Hoàng ơi hơi nhớ thương!
Là thế là thôi là thế đó
Mười năm thôi thế mộng tan tành
Mười năm trăng cũ ai nguyện ước?
Tổ của Hoàng ơi, Tổ của anh !
Tháng sáu mười hai từ đây nhé
Chung đôi — Từ đây nhé lia đôi
Em xa lạ quá đâu còn phải
Tổ của Hoàng xưa, Tổ của tôi !

Men khói đêm nay sầu dựng mộ
Bia đề tháng sáu ghi mười hai

Tình ta, ta tiếc, cuồng ta khóc
Tổ của Hoàng, nay Tổ của ai?
Tay gõ vào bia mười ngón rập
Mười năm theo máu hận trào rơi
Học làm Trang tử thiêu cơ nghiệp
Khúc Cổ Bồn ca gõ hát chơi

Kiều Thu hề! Tổ em ơi
Ta đang lửa đốt tươi bờ mái Tây
Hàm ca nhịp gõ khói bay
Hồ xừ xang xế bàn tay điên cuồng.
Kiều Thu hề! Trọn kiếp thương
Sâu cao ngùn ngụt mây dường tơ khô.
Xừ xang xế xự xang hồ
Bàn tay nhịp gõ điên rồ khói lên.
Kiều Thu hề! Tổ hỡi em
Nghiên chân rón bể mà xem lửa bùng.
Xế hồ xang, khói mờ rung
Nhịp vượn sâu tỏa năm cung ngút ngàn.

Đi sâu vào tâm sự Vũ Hoàng Chương Vũ Bằng

Vũ Hoàng Chương và tôi là bạn với nhau từ thuở nhỏ. Cùng sinh trưởng một nơi (làng Phù Ủng, Hưng Yên), cùng học một trường, đến lúc ra đời lại cùng làm nghề văn bút một thời, chúng tôi lúc nào cũng e là nói đến nhau sẽ không được chiết trung.

Vì thế bài này không phải để khen hay chê Vũ Hoàng Chương. Khen thì các nhà văn, nhà báo trong nước và ngoại quốc (trong đó có hai cuốn UN DEMI SIECLE DE POÉSIE và INTRODUCTION À LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE) nói tới rồi, mà chê lúc nào nước ta cũng sẵn sàng có những tay ngụy sử trẻ tuổi điếm thơ văn của Chương một cách gắt gao, lẫm liệt, không kỳ thị.

Để góp phần vào số báo đặc biệt này, tôi gặp Vũ Hoàng Chương nói chuyện với tư cách bạn lâu ngày mới gặp nhau. Độc giả muốn liệt bài này vào loại gì cũng được, nhưng nếu cho là phỏng vấn thì tôi thiết nghĩ đây là một bài phỏng vấn tâm tình (interview sentimentale) chứ không phải là một bài phỏng vấn quảng cáo (interview publicitaire).

Tôi vừa ngồi xuống ghế thì Chương ngạc nhiên nheo mắt lại:

Chương. – Ô, sao mà anh khác hẳn đi! Trước “đăng ấy” mặt tròn, sao bây giờ lại dài?

Tôi. – Chúng ta ai chẳng thay đổi. Ngày tháng, bệnh tật, chiến tranh... bao nhiêu thứ tàn phá và làm mòn mỏi chúng ta.

Chương. – Chết, thế tôi cũng thay đổi rồi ư? Ở phải đấy nhỉ, ngót sáu mươi rồi... Năm nay tôi năm mươi năm, thế mà mình quên đi mất cứ tưởng là còn trẻ. Thôi chẳng nói đến già với trẻ làm gì. Có khá không?

Tôi. – Anh cứ nhìn anh, xem có thấy khá không thì biết tôi ra thế nào. Chúng ta cùng thuộc một giai cấp: anh là con nhà giàu ở Bến Thóc Nam Định, nhà rộng ngót tám trăm thước vuông, gạo chất như núi, lên học trường Albert Sarraut Hà Nội, tưởng cả đời ăn không hết của. Vì chiến tranh, chạy ra bưng hết sạch, đến lúc về Hà Nội, lần thứ nhất trong đời anh phải nghĩ đến chuyện làm ăn sinh sống. Tôi tự phụ hiểu nỗi buồn của anh hơn ai hết. Nhưng tôi hỏi thực, trong thâm tâm anh có lúc nào buồn không?

Chương. - Có chứ. Buồn vô cùng về cái chiến tranh này. Nếu không thì đâu cái thân mình phải ra thế này: lo từ cái rất nhỏ lo đi, tính từ cái rất ti tiểu mà tính lại. Bây giờ mỗi ngày phải dạy học ba tiếng đồng hồ để sinh sống. Vậy thôi, chứ sinh sống cái nỡm gì?

Tôi. – Nhà thơ vẫn dạy toán phải không?

Chương. – Tản cư ở Bắc Việt một năm, hết tiền tôi bắt đầu dạy toán ở Thái Bình trong khi Đình Hùng dạy Quốc văn và Pháp văn. Năm 1949, Mao Trạch Đông thành công ở lục địa. Bảo Đại và Bollaert ký một hiệp định ở vịnh Hạ Long, theo đó thì Pháp chịu trả độc lập cho nước Việt Nam. Thay vì trở về quê hương bản quán ở Nam Định, tôi lên Hà Nội. Nhà cửa ở Nam Định bị tàn phá, tôi phải tiếp tục dạy học – và vẫn dạy toán lý hóa – một thời gian rồi dạy Quốc văn cho trường Văn Lang của anh Ngô Duy Cầu. Hiện giờ, tôi chỉ còn dạy mười sáu giờ một tuần, buổi chiều tôi nghỉ. Tiền thù lao chẳng đi đến đâu hết, so với lúc trước tôi dạy bốn mươi tám tiếng mỗi tuần, nhưng mình cũng chẳng có cách gì làm khác được, vì mỗi tuổi mỗi yếu, dạy cả sáng cả chiều không có cách gì chịu nổi.

Lúc này anh có nói “ở bưng về, lần thứ nhất trong đời tôi phải nghĩ đến chuyện làm ăn”. Thực ra, không đúng. Trước khi tản cư, tôi có làm phụ tá kiểm soát viên tập sự (contrôleur adjoint à l'essai) cho công ty xe lửa Đông Dương. Theo lệ thì sau hai năm, người phụ tá được làm kiểm soát viên chính thức; nhưng được tin đậu chính thức rồi, tôi xin thôi việc.

Tôi. – Vì có gì?

Chương. – Tại vì tôi nhận làm contrôleur adjoint để có dịp đi “giang hồ vất”. Tôi không muốn làm một nhân viên chính thức. Những cuộc xê dịch trong hai năm tập sự này ảnh hưởng rất nhiều đến nhân quan và tâm tính tôi. Nhiều bài thơ “say” như Phương xa, Con tàu say... được tạo nên trong lúc này.

Tôi sống hoàn toàn theo ý thích của tôi vì lúc đó tôi không phải lo nghĩ gì về tiền nong. Ông thân tôi làm tri huyện nghèo, nhưng mẹ tôi buôn thóc gạo lúc nào cũng có đồng ra đồng vào nên mình chỉ ngao du ngày tháng, viết văn, làm thơ và hưởng lạc. Năm 1941, ông thân tôi mất. Năm 1946, Việt - Pháp đánh nhau, bà thân tôi, tôi và vợ tôi vào Nam. Và cũng từ đây tôi phải trực tiếp lo cho sự sống của gia đình, thêm một con trai nhỏ là Vũ Hoàng Tuấn (tôi đặt tên ấy vì tôi nhớ Nguyễn Tuấn). Sao mà lại không buồn, hở anh? Mình đâu có phải là thứ người lý tưởng trong thơ “If” của Rudyard Kipling(1) “nếu anh trông thấy cơ nghiệp tan tành, nếu anh thấy lâu đài mộng đẹp đổ vỡ...” cho nên mình không thể phớt tình được, mình cứ phải băn khoăn. Băn khoăn cho số kiếp mình rút lại chẳng làm tròn gì hết: không tròn bổn phận làm con, làm bố, làm chồng, làm dân, mà ngay đến cái nghiệp của mình theo là nghiệp văn bút cũng không ra gì.

Tôi. - Tính ra thì anh theo đuổi nghiệp thơ văn được bao nhiêu lâu rồi?

Chương. – Từ lúc mười sáu tuổi, lúc đó tôi còn đi học ở trường Saint Pierre. Bài thơ đầu tiên của tôi đăng trên tờ Ngọ Báo của Bùi Xuân Học mang tên Dòng suối.

Tôi. – Có nhiều người quả quyết với tôi rằng anh không có bút hiệu. Tôi không tin như thế. Nhân bây giờ chúng ta trò chuyện với nhau, anh có thể cho tôi biết thực hư không? Kéo không về sau này, anh có “tịch” đi rồi thì không ai dựa vào đâu mà biết.

Chương. – Anh có nói, tôi mới nhớ. Tôi vẫn ký là Vũ Hoàng Chương, nhưng vì anh hỏi, tôi nhớ ra rồi: dưới những bài thơ đầu của tôi, tôi có ký bút hiệu là HC, Hiễn Chi. Đó là bút hiệu ông thân tôi đặt cho tôi: Chương là văn chương, Chương là vẻ sáng, Hiễn Chi là vẻ sáng tỏ rõ với đời.

Sau đó, viết thơ trong thời loạn (1950, lúc ở hậu phương cũng như khi trở về Hà Nội) tôi ký là Loạn trung bút. Dưới những bài thơ ngâm vịnh, tôi ký là Phù Giang (người làng Phù Ủng, quê ông Phạm Ngũ Lão).

Bài thơ tràn thiên mà tôi bắc ghế lên trên bàn, đứng ngâm trên gác nhà hàng Anh Mỹ – anh có nói tới trong cuốn Bốn mươi năm nói láo – đã trước tác lúc tôi ký bút hiệu Loạn trung bút. Tôi nhớ hôm ấy là ngày 2 tháng 9 dương lịch. Chúng ta chờ đạo quân Việt Nam ở Lạng Sơn kéo về. Anh em uống rượu vui nhộn với nhau trong khi một rừng cờ bay phấp phới ở tám cửa ô Hà Nội.

Tôi. – Bài thơ anh ngâm lúc ấy có đăng tải đâu không?

Chương. – Không. Tôi còn nhớ mấy câu, xin đọc anh nghe:

Hai cuộc tang thương tử đạo đây,

Núi sông còn có buổi hôm nay.

Kinh kỳ tám mặt reo đoàn kết,

Sóng đỏ gầm quanh ngọn bút này!

Tôi. – Từ đó đến nay, anh em ít gặp nhau. Vào đây, tôi nhớ chỉ có một lần ngồi nói chuyện với anh ở vườn hoa Tao Đàn. Hai thằng cùng buồn, vào ngồi ở Tao Đàn một mình tình cờ gặp nhau. Sau đó lại cách nhau biệt. Anh có thể cho biết vào đây anh xuất bản thêm được mấy tập thơ nữa?

Chương. – Năm 1954, in tập Rừng phong – sự thực, tập này viết xong từ 1942. Năm 1962, in Trời một phương, cuốn này viết xong từ năm 1952. Gần đây, hồi năm ngoái (1968), một nhà xuất bản ở đây in tập Cành mai trắng mộng, in kiểu bình dân, bán ba, bốn chục đồng một cuốn.

Tôi. – Rút lại, thơ anh có biến đổi với thời cuộc hay không?

Chương. – Có chứ: tư tưởng biến đổi, thơ cũng đổi thay theo thời cuộc. Thoạt đầu, thơ tôi chỉ là thơ thương nhớ, đượm chút tình yêu, nghiêng về lục bát, song thất lục bát. Thơ và văn Tương Phố ảnh hưởng tới tôi trong thời gian này.

Từ 1936, tôi bắt đầu chuyển hướng. Trong thời gian này có mười thi tập ra đời, kịch thơ gồm bảy cuốn... Hầu hết là thơ mới.

Tôi. – Trong mười thi tập, anh thích riêng tập nào?

Chương. – Thích tập Mây, còn kịch thơ thì thích Vân Muội. Trong thời kỳ này, Baudelaire(1) ảnh hưởng đến tôi, nhưng dù sao cũng không sâu xa bằng Mallarmé(2), Baudelaire, ảnh hưởng đến Đinh Hùng. Là vì thế này: tôi học chữ Nho từ năm tuổi, thơ phú chữ Nho ảnh hưởng rất mạnh đến đầu óc tôi. Đến mười hai tuổi, tôi mới học chữ Pháp cho nên văn chương, văn hóa Pháp chỉ ảnh hưởng hời hợt ở trên, chứ không sâu xa như chữ Nho. Hiện giờ, tôi vẫn đọc và viết chữ Nho và tinh thần tiết ra trong những vần thơ vẫn bàng bạc triết học Đông phương nhiều hơn là Tây phương.

Tôi. – Tôi có một nhận xét, không biết đúng hay sai, nhưng anh em với nhau, cứ nói thực. Tôi thấy anh ưa nói về mây. Tập thơ mà anh thích là Mây. Kịch thơ anh ưa là Vân Muội. Mây có sức mạnh gì ám ảnh anh như thế?

Chương. – Hỏi vớ vẩn quá. Đây là chuyện riêng. Nhưng thôi, cánh mình đã nói thật với nhau thì phải nói cho hết câu nói thật. Đúng là tôi hay nói về mây. Là vì mây là cả một tâm sự của tôi.

Tôi. - Hình như tôi cũng hơi biết về tâm sự ấy, nhưng chưa biết kỹ. Hôm nay, nhân trời mưa gió cầm chân khách ngồi đây, anh có thể nói cho tôi biết điều gì kỹ hơn về “mây” không?

Chương. – (cười, cúi đầu xuống suy nghĩ một giây). Mây ấy tên là Tố Vân.

Tôi. – Đúng rồi. Đọc thơ anh, có nhiều bài tôi vẫn thấy anh viết: “Tố của Hoàng ơi, Tố của anh”, “Tố của Hoàng, nay Tố của Ai”. Có phải Tố đây là Tố Vân không!

Chương. – Đúng. Tố Vân. Tố Vân, Tố Vân, tự là Kiều Thu.

Tôi. – Phần nhiều các thi nhân, văn sĩ vẫn có một đối tượng để thương yêu. Đối tượng ấy là nhân loại thu hẹp lại. Tôi không lạ. Nhưng tôi tò mò muốn biết đối tượng thương yêu của anh là người thế nào? Nỗi vui buồn của cuộc tình duyên ấy ra sao?

Chương. – Tôi biết Tố Vân từ lúc nàng còn đi học ở trường Hàng Cót (Brieux). Nàng là con gái một nhà khá giả, đậu bằng Cơ thủy, hồng Tú tài phần nhất. Tình yêu giữa Tố Vân và tôi có ghi trong thơ Mười hai tháng sáu in trong cuốn *Mây*.

Tôi. – Đọc nhan đề thơ, tôi không hay 12 tháng 6 là gì. Anh có thể cho tôi biết rõ hơn không?

Chương. – Mười hai tháng Sáu âm lịch năm Tân Tỵ (tức là 1941 dương lịch) là ngày Tố Vân lấy chồng. Nói theo Vũ Trọng Phụng, đó là “bởi không duyên kiếp”. Tố Vân lấy chồng. Bài thơ đầu “khóc” nàng như sau:

*Trăng của nhà ai, trăng một phương,
Nơi đây rượu đắng, mưa đêm trường;
Ở đêm tháng sáu, mười hai nhĩ,
Tố của Hoàng ơi, hỡi nhớ thương.
Là thế, là thôi, là thế đó,
Một năm thôi thế mộng tan thành.
Mười năm trăng cũ ai nguyên ước,
Tố của Hoàng ơi, Tố của Anh.
Men khói đêm nay sầu dựng mộ,
Bìa đề tháng sáu ghi mười hai,
Tình ta ta tiếc, cuồng ta khóc,
Tố của Hoàng, nay Tố của Ai?*

...

Năm Nhâm Ngọ (1942) tôi lại viết một bài thơ khác, Bài ca hoài Tố, in trong tập *Rừng phong* đến 1954 mới xuất bản:

*Tuổi thiêng rung cánh thiên thần,
Ôi thôi! Còn chi? Em là ai?
Giọt lệ chiều nay dẫm máu,
Gọi hồn em ngày – chưa – tháng – sáu – mười – hai.
Ta đã mất em rồi Kiều Thu ngày xưa,
Hào quang đã phai rồi, tóc mun dòng thơ
Đã hết tìm em dù chỉ tìm trong mơ
Thuở trước tình anh, mà thế phách bây giờ.*

...

*Mười năm rụng ước phai thề
Ôi hoa đầu tiên, mộng đầu tiên,
Lòng ấy sông bồi núi lở,
Tháng sáu, mười hai rồi, em nhớ hay quên?*

Hình ảnh của Tố Vân đầy rẫy trong thơ tôi. Mười năm sau, tôi vẫn còn nhớ người em gái kiều diễm ấy và tôi có ghi trong *Giấc mơ tái tạo*, gồm hai mươi bài bát cú, trong đó có những câu như:

*Đôi lứa uyên ương một thuở nào,
Đi về say đắm biết là bao,
Tóc vương mùi lá xoan thơm phức,
Má sánh màu hoa phượng ửng đào.
Nhịp gót cuồng si hoa rún rẩy,
Ghẹo lòng trinh bạch lá xôn xao.*

*Cả hai cùng... thẹn ối là thẹn,
Mong mỗi thư mà chẳng dám trao.
Thư viết nào ai dám viết gì!
Xưng tên còn ngượng chết người đi,
Nở theo mỗi nét mùi hương lạ,
Cháy khắp từng trang ngọn lửa si.
Rằng: đã tin xuân vào lớp học
Rằng: chưa nằng hạ nhắc mùa thi
Nhớ thương chẳng nói mà thương nhớ
Trời hỏi, cần chi phải nói chi!*

Tôi. – Tôi có thể biết hiện giờ Tố Vân ra sao không?

Chương. – Ở Hà Nội. Trước khi vào Nam, tôi có gặp nàng lần chót. Bà cụ thân ra nàng sang Pháp, còn nàng và gia đình ở lại. Cũng như trong những truyện cổ tích Âu Tây, lúc tôi từ giã nàng, nàng sống sung sướng và có nhiều con. Nhưng mười lăm năm nay rồi, tuyệt mù tin tức, không biết còn sống hay đã mất.

Tôi. – Tôi cảm ơn anh. Nhờ câu chuyện hôm nay, tôi đã giải một điều hiểu lầm của một số người cho rằng Mây của anh hàm một ý đồ khác để nói lên một thế giới thần tiên khác. Vậy, coi việc này như xong rồi. Bây giờ ta lại quay trở lại chuyện của ta. Anh có cảm thấy mệt mỏi không?

Chương. - Có chứ! Mệt lắm. Ăn chẳng buồn ăn, nói cũng không buồn nói, kể gì làm thơ giải khuây cho đời. Vừa đây, tôi có nói với anh thâm tâm tôi buồn. Nói như thế là nói thật đấy, anh. Buồn quá vì mình thấy cái đời thật và cái đời mình tạo nên đều đổ vỡ. Bây giờ, những đêm không ngủ, tôi băn khoăn nhất một điều là mình cứ như thế này và héo hắt mãi đi, một ngày kia “quỵ” xuống thì rồi sẽ ra sao? Tôi cứ tự hỏi có thật có một ông Trời không và nếu thực có một ông Trời thì có phải cái luật của Trời là đày ải những văn nhân, thi sĩ lúc sống chưa đủ, lại còn đày ải cả khi chết nữa?

Tôi. – Hình như thế. Nay, có phải anh đã viết mấy vần sau đây trong một vở kịch thơ nào đó:

*Đấy, con xem, mọi việc ở trên đời,
Như vậy hết. Có chi là “tận mỹ”?
Đấng Tạo hóa chẳng bao giờ thiên vị,
Riêng một ai mà cho được hoàn toàn...*

Chương. – Đúng. Ông Tể tướng khuyên con trong kịch Trương Chi...

*Này con ạ, từ xưa nòi nghệ sĩ,
Trời trao cho riêng chỉ cái Tài thôi.
Càng tài cao như Nghệ Thuật tốt vời
Càng thua thiệt với đời, thua mọi thứ.
Giàu tài nghệ ắt lợi danh nghèo chứ
Đẹp linh hồn, nên dung mạo xấu xa,
Luật “Thừa Trừ” vẫn thế!*

Mưa bên ngoài đổ nặng hột. Tôi bắt tay Chương, đi trên ngõ hẹp sinh lầy. Chương quay vào căn nhà nhỏ âm u, đóng cửa, cài then lại.

Sài Gòn, 10-11-1969

Người thời xưa, thơ nay mới thấy Viên Linh

Kỳ trước trong mục Văn Học Nghệ Thuật của Người Việt, bài “Tài liệu văn học quý hiếm” nói về những bài thơ và tấm ảnh của thi hào Vũ Hoàng Chương (1915-1976) mới tìm thấy đã được bạn đọc từ Montréal Canada, Úc Châu, và California hồi âm sớm nhất. Tấm ảnh ủa vàng vì ầm thấp chụp thi hào hồi ở Hà Nội, lúc 24 tuổi, mái tóc rẽ hai đường ngôi, đã được bốn trong số các bạn đọc phục chế gửi lại cho chúng tôi, và vui thay, một nhịp cầu tự nhiên hiển hiện.



**Ảnh mới nhất của Quang Dũng.
(Hình: Tài liệu riêng của Viên Linh)**

Từ Úc Châu có hai bạn, trong đó một họa sĩ muốn có tấm hình chính, vì anh tốt nghiệp visual art ở xứ người, anh muốn phục chế để có được một tấm ảnh thật chính xác. Từ bài viết ấy, mấy câu chuyện văn nghệ thành hình.

“Kính chú Viên Linh, chú có biết hoặc nghe nói tới ông Trương G. trước đây là chánh sự vụ Nghiên cứu Kế hoạch và Pháp chế Phủ Quốc vụ Khanh đặc trách Văn hóa do cụ Mai Thọ Truyền phụ trách không? Nhà ông có nhiều thơ của cố thi sĩ Vũ Hồng Chương, hồi nhỏ (1974, 9 tuổi) cháu có đọc nhưng không hiểu lắm. Chỉ thích và nhớ một đoạn:

*... Cắm thuyền sông lạ một đêm thơ,
Trăng thượng tuần cao, sáng ngập bờ,
Đâu đấy Tầm Dương, sầu lắng động,
Nghe hồn ly phụng khóc trên tơ...*

“Nhưng cháu lại rất thích thơ của người em vợ của cố thi sĩ VHC là cố thi sĩ Đinh Hùng mà cháu cảm nhất là đoạn sau:

*... Hồn phiêu lưu trôi mộng đường sông núi,
Lữ khách buồn dừng gót trước thành xưa,
Và dòng sông tự lự dưới sương mờ
Ngày tàn hết, người về trên đất bạn...*

“Gia đình cháu mới qua định cư tại Mỹ được gần bốn năm. Nghề digital art này bà xã cháu học tại Mỹ (chứ ở Việt Nam bà làm bên ngành Y) hy vọng năm sau lấy được A.A degree.

“Nếu chú thấy tấm hình bà xã cháu phục chế đạt tiêu chuẩn thì cho cháu biết để cháu khen bà xã cháu.” (Trương K.)

Còn bạn đọc Trần H. ở Westminster cho biết tự học Photoshop qua sách vở, và cho biết: “Thi sĩ Vũ Hoàng Chương là một bậc danh nhân [mà tên tuổi] đã ghi vào lịch sử. Kể hậu sinh có bỏ ra

một giờ để làm cho tấm hình của ngài đỡ bị thời gian làm hoen ố thì đâu có đáng gì.”
Từ Úc, bạn đọc Vĩnh L. viết qua email cho biết, bạn đọc bài Vũ Hoàng Chương trên bán tuần báo Việt Luận, thư bạn có hai điều khiến một nhà văn nghèo phải ngậm ngùi, đoạn mở đầu thì mới đọc đã vui, đọc đến đoạn sau thì niềm vui thấy mặn chát. Giá đoạn sau cũng tốt như đoạn trước thì hay biết mấy. Bạn Vĩnh L. viết: “Thời còn trẻ ở miền Trung tôi rất thích thơ văn của ông, hay thuê và mượn truyện của ông viết về đọc.” Câu sau đó: “Khi định cư ở Úc, tôi cũng hay xem những bài viết của ông trong bán tuần báo Việt Luận...”

Tôi cho ông Vĩnh L. hay tôi không gửi bài Vũ Hoàng Chương, cũng như “những bài” ký tên tôi mà ông đọc trên Việt Luận, vì tôi không hề được báo Việt Luận mời viết bao giờ. Mà tôi thì chưa bao giờ viết văn bố thí. Nghe nói, trong giới báo chí Việt ngữ ở hải ngoại, giới làm báo Việt ngữ dư ăn dư mặc nhất là anh em làm báo ở Úc, vì chính quyền Úc yểm trợ báo chí của người tị nạn, chứ không khổ cực như anh em làm báo ở Mỹ. Khi còn trẻ ở Việt Nam, nhà văn nghèo chỉ vì tác phẩm vừa in ra, các nhà cho thuê truyện đã mua ngay một cuốn đem bọc bao nylon cẩn thận, không phải vì họ quý sách, mà vì họ đem sách ấy cho thuê, không bọc bao nylon, thì sờn bìa, ai đền cho? Không lẽ đến bắt đền các nhà văn khi in sách không bọc bao nylon sẵn? Rồi nếu không thuê thì đi mượn về đọc, như đọc thấy trong thư.

Đọc giả Vĩnh L. không có ý mỉa mai người viết, vì ông đi tìm tôi từ lâu, ông có làm thơ, muốn xin ý kiến tôi về thơ ông: “Lâu nay tôi cứ mong ước có được địa chỉ của ông là tôi liên lạc với ông liền, hôm nay mừng quá tôi vừa xem tờ báo thứ ba (?) của Việt Luận (số 2765) ngày 23 tháng 7, 2013 đọc bài ông viết về thi hào VHC có địa chỉ email của ông tôi vội vàng gửi thơ đến ông... Thơ tôi thì nhiều lắm, tôi viết được trường ca về hết các địa danh Quảng Nam, mới được 240 câu chỉ còn vòng quanh thành phố Đà Nẵng nữa là xong. Thưa ông như vậy có tốt không?”

Date: _____
Subject: *những độc giả biết và yêu thơ của bố cháu*
Một lần nữa cháu xin bày tỏ lòng biết ơn tới chú, qua chú tôi những độc giả, bạn bè có tâm lòng hảo tâm đã giúp đỡ mẹ cháu.
Kính chúc chú mạnh khỏe, luôn tìm được sự thanh thản trong cuộc sống và trẻ mãi.
Cháu: *Đàm Phương Thảo*
Địa chỉ: *Nhà phòng - tập thể*
dệt kim - *Quận Hai Bà - Hà Nội*


Thư của Phương Thảo, cô con gái út của Quang Dũng.
(Hình: Viên Linh cung cấp)

Bài này không có mục đích viết về sự việc đi thuê truyện hay mượn truyện về đọc là tốt hay không tốt, mục đích là viết về vài mẩu chuyện tác giả nhận được sau khi bài “Tài liệu văn học quý hiếm” về Vũ Hoàng Chương đăng trên Người Việt Thứ Năm, 18 tháng 7, 2013. Kỳ này là bài thứ hai: “Tài liệu văn học quý hiếm” viết về nhà thơ Quang Dũng.

“Thưa chú Viên Linh,

...

“Một trong những bài thơ Quang Dũng cho tới giờ 2013, chưa thấy in ra ở trong nước cũng như ở hải ngoại là bài Trưa Hè vì mấy bài có nhan đề Trưa Hè in trong sách Quang Dũng Tuyển Tập do Trần Lê Văn chủ biên, sách Thế Giới Văn Học Quang Dũng, Người và Thơ do Lại Nguyên Ân chủ biên, và Thơ Quang Dũng do Đặng Tiến đề tựa Lê Hữu Khóa chủ biên ở hải ngoại, cả ba cuốn đó in bài thơ đề Trưa Hè, mà thực ra là bài Mây Làng.

Bài ấy chỉ có hai chữ ‘trưa hè’ ở câu đầu, còn nguyên bài không nói gì về một buổi trưa mùa hè hết; đây là nguyên văn:

*Trưa hè bỗng nhớ sông quê
Nước xa không bóng thuyền đi đôi dòng
Thóc nhà ai có phơi không?
Chói chang lửa thóc sân trông bóng người
Vại mưa in dáng mây trời
Em soi bóng có nhớ người xa em?
Bờ tre gió đánh lả mềm
Thoảng say mùi nái bên thềm ai giăng
Xa quê dầu chẳng võ vàng
Trông mây núi nhớ mây làng về trưa.
(Mây Làng, Quang Dũng) 1947-50”*

Nó thực sự là bài Mây Làng, trong sưu tập Viên Linh mà con gái nhà thơ gửi cho. Dưới đây mới là bài Trưa Hè nguyên tác, chưa từng đăng báo in sách bao giờ, chỉ xuất hiện trên Tác Phẩm Khởi Hành chủ đề Quang Dũng và báo Người Việt hôm nay:

Trưa Hè

*Nắng nặng đè lên phổi ép ran
Gió Lào hun nắng đốt không gian
Hồn trưa tịch mịch im trong cỏ
Đường bốc hơi xa thẳm núi ngàn
Đôi quán nằm im trong bóng lá
Bộ hành thêm thiếp nhớ trung châu
Kèo kẹt võng đưa người xứ Bắc
Oán than Kiều lấy một vài câu
Người thấy tâm tư nặng trĩu buồn
Trưa hè hiu quạnh gọi cô đơn
Cánh vật đắm chìm trong trống rỗng
Gió Lào hun nắng đốt ran ran.
Quang Dũng*

(Trưa Hè, 1947-50. Khởi Hành số 201, 7.2013)

Chúng ta thấy thật rõ, như thế mới là trưa hè: sức ép đè nặng khiến phổi nóng ran, gió như hun nắng, trưa tịch mịch, đường bốc hơi, quán nằm im, bộ hành thiêm thiếp, vũng đũa kéo kẹt, cảnh vật đắm chìm trong trống rỗng nặng trĩu. Như thế mới thật sự là Trưa Hè.

Xin liên lạc với tác giả:
phamcongkh@yahoo.com

nếu quý bạn đọc biết có những gì là quý hiếm trong văn học.

Phụ đính I:

Vũ Hoàng Chương: "...Thơ ta chẳng viết cho đời..." Thế Phong

Năm sinh đúng của Vũ Hoàng Chương là 1915; nhưng trong khai sinh đề ngày 5/5/1916 tại Nam Định. Và tính theo âm lịch, ngày 4 tháng 11 năm Ất Mão. Chính quán làng Phù Ứng, tỉnh Hưng Yên. Đậu Tú tài Pháp xong ra làm Sếp ga. Tác phẩm xuất bản từ 1940 đến 1975 trên dưới 20 cuốn, có tác phẩm đã dịch ra Pháp, Anh, Đức ngữ. Về thơ : Thơ Say (1940), Mây (1943), Rừng Phong (Saigon 1954), Hoa Đăng (Saigon 1959), Tâm tình người đẹp (thơ viết lối "Nhị thập bát tú" (Saigon 1961)," Trời một phương" (Saigon 1962) ... kịch thơ : " Vân Muội" (1942)," Trương Chi", "Hồng Điệp" (1944), về văn xuôi: "Loạn trung bút "(Saigon 1970)," Ta đã làm chi đời ta" (hồi ký , 1974, tái bản , Nxb Hội Nhà văn / Chi nhánh phía Nam , Saigon 1993) , dịch sang Pháp, Anh, Đức.. : " Pòemes choisis "(Saigon 1963, tựa Simone Kuhnen d la Coeuillerie), "Nouveaux Poems "(Saigon 1970), "Communions Poems "(Anh-Mỹ ngữ)," Die achtundzwanzig Sterne " (Đức ngữ, Nxb Hamburg, 1966).

P.Mérimée, nhà văn Pháp của thế kỷ trước đã giống tiếng nói báo hiệu : " Sau đàn bà mới tới văn chương !". Với Vũ Hoàng Chương, (VHC) hẳn là một nàng Kiều Thu nào đó đã cùng nhà thơ chia sẻ hận tình, xảy ra vào 12 tháng 6 – hình ảnh lãng đãng nàng thơ thiếu phụ kia đã ám ảnh tâm linh Vũ Hoàng Chương trọn đời thi sĩ thật đậm nét, đến nỗi VHC phải bật thành thơ:

*" Tháng sáu mươi hai từ đây nhé
Chung đôi từ đấy nhé lia đôi
Em xa lạ quá còn đâu phải
Tố của Hoàng xưa Tố của tôi..."*

hoặc :

*"..Kiều Thu hề Tố em ơi
Ta dương lửa đốt toi bời mái Tây "*

"Mây" ra mắt vào 1943, chứng giám mối tình lỡ chàng thi nhân thất tình, khiến chàng muốn thiêu hủy tâm can, bật thành thơ, hồng mong được giải thoát - để rồi nào có thể quên dễ dàng ! Sau này, ở " Rừng Phong" sau mười mấy năm hình ảnh:

*" Tố của Hoàng ơi"
từ hư không lại trở về không hư",
" lẽ nào mộng cả thôi ư? "*

dẫn đến kết cục não lòng:

“ Người ơi giọt bể chưa dư tang điền “
Vậy nàng thơ có phương danh “ Tố ” là ai?

Theo Tạ Ty, kể lại trong một hồi ký” Mười khuôn mặt văn nghệ / Tạ Ty/ Nam Chi Tùng thư, Saigon 1970)- thì nàng Tố có hai chị em đều đẹp cả, nhan sắc dư thừa, và nhà ở trên đường Capitaine Bruisseau, gần Place Négrier. (Cửa Nam ,Hà Nội bây giờ) . Và nhà thơ chỉ yêu một nàng, yêu đơn tư một chiều - còn Tố có yêu lại không, chẳng ai tiết lộ điều bí ẩn này. Sau nàng Tố đi lấy chồng, chẳng ai có thể làm khác hơn !!

Từ tan vỡ một cách rất vô tình, lại rất hợp lý này, sau này VHC đành cưới nàng Đinh Thị Thục Oanh làm vợ. Thục Oanh là chị ruột Đinh Hùng, hơn Đinh Hùng 1 tuổi, sinh ở Manila (Phillipines) khi cha làm công chức cho Pháp đổi sang đây.

Trước 1975, tôi có gặp bà, ấy là vào một buổi ; đó là lần tôi đưa Vũ Hoàng Chương về nhà, một căn nhà nhỏ ở gần chợ Vườn Chuối (Saigon 3). Chẳng là lần ấy, nhà thơ Nhất Tuấn (Phạm Hậu, giám đốc Nha Vô tuyến Truyền thanh Saigon) mời chúng tôi làm giám khảo cuộc thi Thơ Tết của Đài có VHC hiện diện.

Sau 1975, gặp lại bà Thục Oanh nhiều lần, cũng nhờ nữ sĩ Thư Linh dẫn tới giới thiệu – từ đó, tôi cảm nhận được rằng người đàn bà làm vợ nhà thơ ấy thật phi thường , không chỉ có sức chịu đựng dẻo dai vô biên, cộng với tấm lòng hy sinh thật cao cả làm vợ một thi sĩ tài hoa , luôn luôn mặc complet bảnh bao, túi rỗng vì nghiện ngập. Hãy cùng nghe lời tán dương Thục Oanh , qua Tạ Ty:

“...Ôi thật tội nghiệp cho thân phận đàn bà, đúng là: “ Thân em như giọt mưa sa !” Nàng Oanh, một người đàn bà phi thường, có một sức chịu đựng vô biên và có tấm lòng hy sinh cao cả. Trong suốt cuộc đời làm vợ VHC, một người chồng, tuy nổi danh về thi ca nhưng lại nghiện hút, gia đình thường túng thiếu. Có buổi sáng, tôi đến thăm Chương tại căn nhà ở gần phố Hàng Da (Hà Nội- TP.chú thích) . Lúc tôi đến đã hơn 9 giờ sáng, Chương vẫn chưa tỉnh. Bà Oanh yên lặng như cái bóng, đứng chãi đầu bên chiếc cửa sổ nhỏ . (...)
–“ Ngồi chơi anh, đêm qua anh Chương thức khuya quá !”

Tôi(Tạ Ty) tìm không ra chỗ, đành ngồi xuống chiếu. Tôi nhìn Chương nằm trên tấm nệm cũ. Toàn thân Chương như dán xuống mặt nệm. Da mặt tái mét, đôi mắt mở hé trề xuống như còn muốn hút”

Người đàn bà mang tên Kiều Thu hoặc Tố- được nhắc nhở thật nhiều lần trong thơ VHC – với nàng thơ mang tên Tố- tác giả yêu đơn phương, vì vậy rất có thể chính nàng thơ cũng không thể hay biết VHC yêu mình ?!

Còn nàng Thục Oanh, vợ chính thức VHC- thì tác giả chỉ” nhắc nhở tên nàng Thục Oanh duy nhất một lần” - trong tập thơ” Hoa Đăng” mà thôi.

Trước 1950, chính xác hơn 1947- VHC rạt rào tình cảm, dễ rung động nhịp sống “ thời cách mạng” , tác giả viết bài” Nhớ về Hà Nội vàng son “- có những đoạn thơ thật mượt mà, rung động thật sự :

NHỚ VỀ HÀ NỘI VÀNG SON (*)

..” Ôi ngày mười chín ngày oanh liệt

Sóng đỏ hoa vàng khắp bốn phương
Hà Nội tiếng reo hò bất tuyệt
Vang vang bờ nọ Thái Bình Dương ?

Ba mươi sáu phố ngày hôm ấy
Là những giòng sông đỏ sóng cờ
Nền thắm nhụy vàng hoa vĩ đại
Năm cánh xòe trên năm cửa ô

(.....)

Ôi ngày mười chín ngày oanh liệt
Vạn ước mong dồn một ước mong
Ôi mùa thu ấy, mùa tin tưởng
Một tấm lòng mang vạn tấm lòng ...

Lưng chừng thế kỷ thứ hai mươi
Khoảng giữa mùa thu đẹp tuyệt vời
Như thoảng Mê Giang trào sóng thắm
Hoành Sơn tân lĩnh kết hoa tươi “.

-

(*) Trích lại từ “ Lược sử văn nghệ Việt Nam- Nhà văn tiến chiến 1930-1945/ Thế Phong . Bài thơ này trước đã in trong” Tập văn Cách mạng và Kháng chiến “(Nxb Sự thật 1947)- tôi trích đăng lại ,bị “Sở Phối hợp Nghệ thuật” (Ban Kiểm duyệt / Bộ Thông tin VNCH) cắt bỏ 2 đoạn. Tôi không còn nhớ đến nữa, tới đầu năm 1999, kịch tác gia Hoàng Như Mai (Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân bây giờ) đọc cho nghe 2 đoạn thơ thiếu trong bài - nên mới có cơ hội bổ sung. (2 đoạn 3 và 4 in chữ đậm).

-

Trở lại cùng người đàn bà mang tên Đinh Thị Thục Oanh - do chính phu quân mô tả , thì:
Khi lập gia đình, chú trẻ ở luôn bên nhà vợ cùng em vợ tọa lạc tại Ngõ Bò. Nhưng VHC “ chơi chữ” gọi” Ngõ Bò” thành “ Hoàng Ngưu hạng”, và tác giả giải nghĩa:

” .. nếu dịch chữ nào nghĩa nấy thì đó là” Ngõ Trâu Vàng “. Căn nhà 5 gian lợp ngói, cửa bức bàn, hiên rộng tới 3 thước, có thể trải chiếu ngồi, nhìn ra cây ổi và giàn hoa ngoài sân; nếu hội họp để uống rượu ngâm thơ thì 20 người ngồi vẫn còn thừa chỗ. Chỉ phải cái nhà hơi tối, vì chẳng có một cửa sổ nào, lại ở vào một ngõ không được hưởng tiện nghi điện lực (...) mà người nọ nhìn người kia vẫn mờ mờ nhàn nhàn như người đi đêm. Thục Oanh và Thứ Lang (Đinh Hùng- TP chú thích) bất chấp. Hoàng đến nhập tịch cũng bất chấp luôn “.

Bạn bè văn chương đến thăm VHC hoặc Đinh Hùng đều được Thục Oanh tiếp đãi khách thật chu đáo, nồng hậu, VHC tự kể :

“... Nào Chu Ngọc, Vũ Trọng Can, Lê Văn Trương, vv...Nguyễn Bính thì đi đâu một dạo, hình như vào Sài Gòn – lúc phản hồi” Kinh đô văn nghệ” là đóng đô ngay (tại đây), nằm lỳ (ở) Ngõ Trâu Vàng đến 1 tháng là ít ! Phải chịu Thục Oanh là một người thân nhiên có một. Bạn của Thứ Lang hay Hoàng đến, Oanh đối đãi rất thật tình. Có khi cơm gà cá gỏi, rượu thịt ê hề, có khi ăn khoai trừ bữa hay ăn cháo trắng thay cơm. Rất có thể một hôm nào đó mỗi người – chủ

cũng như khách – chỉ được thưởng thức một chén cơm rang, hay một củ khoai, hoặc vừa đúng 3 thìa cháo. (...) Hoàng ư nhắc lại (của VHC) :

- Ăn ít mới ngon ! (*)

(*) trích từ hồi ký "Ta đã làm chi đời ta"/ Vũ Hoàng Chương. Ở đây dùng bản in Nxb Hội Nhà văn/ Chi nhánh Phía Nam do Ý Nhi xuất bản, Sài Gòn 1993).

Cái thời' chữ nghĩa bán ra tiền" thời tiền chiến rất khác bây giờ - thơ in ra còn bán ra tiền. Có tiền mới có nhiều bữa ăn thịnh soạn do Thục Oanh đãi khách, có khi kéo dài tới ngày hôm sau. Cho tới lúc" bây giờ tiền hết gạo không" thì cả hai anh em VHC và Đinh Hùng phải " hạ sơn" đời tiền " mãi vẫn" từ các báo đã in bài của họ:

"...Thường thường chia quân 2 ngã. Hoàng không biết Thứ Lang đã" bán" những bài tùy bút nào, nhưng về phía Hoàng thì đã" đi đứt" vở kịch thơ" Trương Chi", rồi đến vở " Hồng Điệp" cũng đi luôn ,cả một phần tác quyền tập thơ" Mây". Kể ra văn chương lúc đó cũng còn có giá...."

Kể chuyện giai thoại nhà văn, nhà thơ nghèo- có khi thôi - có điều khi ngẫm về họ" như VHC tả lại- thì" vật được tặng trong ngày cưới, (kiểm lại) chỉ còn thấy đôi giấy cườm của Đỗ quân tặng, rồi tấm lụa mỡ gà óng ánh của Lê Trọng Quý cho, đến chiếc vòng huyền của Lê Thanh. Nhìn lại, chẳng thứ gì đáng giá, khi quy ra tiền. Còn chú rể (VHC) thì lại ngẫm nghĩa không chán mất một tập giấy của Nguyễn Tuân tặng để viết – lại cả bút máy cũ mềm từ tay Chu Ngọc tặng; mà tất cả quy ra tiền, thật mà nói chẳng có cái gì đáng giá cả. Bởi lẽ, họ có " sẵn cái gì thì tặng cái nấy " cốt ở tấm lòng quý mến nhau là chính "- đây chẳng phải chuyện bịa, mà chính chú rể, thi sĩ VHC tự kể :

"...Giấy của Nguyễn Tuân thì ai còn lạ gì ! Đó là thứ giấy báo in tầm thường, ở chỗ nó được cắt thành khổ vuông, mỗi bề hai gang tay, nghênh ngang ra mặt. Cách mép giấy chừng một đốt ngón tay, Nguyễn cho in 1 cái khung là những giòng kẻ lờ mờ. Bên phía dưới khung lại có in 2 chữ" Nguyễn Tuân" –thủ bút của đương sự. Tất cả đều dùng màu xanh lá mạ, rất hợp với nền vàng...."

Trở lại với tập thơ" Mây" của VHC- đó là 1942, có ghi lại chuyện kể vui vui thế này – anh chị em văn hữu rất sốt ruột đợi thi phẩm " Mây của VHC ra đời- kể cả một số văn hữu không mấy thân thiết với tác giả đi nữa - như " cặp bài trùng song sinh "Huy Cận và Xuân Diệu " Có một buổi, gã Huy Cận và Vũ Hoàng Chương rất tình cờ đụng mặt nhau ở Cổng Chéo- Hàng Lược. Chẳng biết ông Xuân Diệu đề tựa cho Huy Cận ra sao, tán ma tán mánh, bi thảm-hóa" nổi sào biển lớn, sông dài" bạn thơ Huy Cận có nổi khổ lớn lao ra sao, thì chỉ một " Dieu seul le sait" mà thôi ! (có Trời mới biết!) – còn ngoài đời – chàng kỹ sư nông nghiệp thời Tây nhiều bổng lộc, thì làm sao Huy Cận có nổi khổ' như biển rộng, sông dài" cho được!. Một lần, chàng Huy Cận và Vũ Hoàng Chương tình cờ gặp nhau ở Cổng Chéo (Hàng Lược) thì cả hai, ai nấy tay bắt mặt mừng. Riêng chàng Huy Cận lại cười típ mắt, nổi hứng ngâm luôn 2 câu thơ:

" Đã lâu lại gặp Chàng Say :

"Lửa Thiêng " xin đốt cho "Mây "xuống trần.

Cứ như ý diễn từ 2 câu thơ kia , thì "Lửa thiêng / Huy Cận" đã chẳng còn giá trị gì, cứ đốt ra tro để chào mừng một thi phẩm tuyệt tác của VHC sắp chào đời vậy.

Ngâm xong, thú quá, chàng Huy Cận lúi xềnh xệch Vũ Hoàng Chương vào một hiệu phở ở Hàng Đồng, khẳng khăng đòi đãi Hoàng một chầu kỳ no mới thôi ! (“ Ta đã làm chi đỏi ta/ Vũ Hoàng Chương”).

Bây giờ bàn đến “ thơ xuân VHC” sau 1954, từ khi chàng “ Say” lên tàu ‘ há mồm” của Hải quân Hoa Kỳ chở kìn kìn gần 1 triệu di dân vô Nam- từ vĩ tuyến 17 trở ra thuộc Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa- từ 17 vĩ tuyến trở vào thuộc quyền Quốc gia Việt Nam-(theo Hiệp định Genève 20/7/1954)- thì thơ xuân VHC vẫn chỉ hướng về” mùa xuân dĩ vãng” – khai bút thơ xuân hôm nay mà chỉ nhắc lại xuân qua.

Tôi cho trích lại toàn bài “Thơ xuân qua thi ca của vài thi nhân tiền chiến”(tạp chí” Văn hóa Á châu” (Saigon 1960, bài của Thế Phong) - trong đó có bàn đến thơ xuân VHC:

“...Tác giả “ Mây”, “ Say”, “ Rừng Phong”, “ Hoa đăng” vv... thơ vàng son, và kịch thơ “Vân Muội” lại “ ảo huyền”, than thở cùng mây , bay theo gió : “ Em ơi! lửa tắt bình khô rượu / Đời vắng em rồi say với ai !?” hoặc giải mộng yêu đương cũng chỉ mang sầu, thêm lụy, dầu muốn vượt qua hay từ chối- thì chẳng còn “ neo” thoát, dù quyết bỏ phương xa một dặm đường xưa, lối cũ – thì VHC vẫn” yêu một phút để mang sầu trọn kiếp / tình mười năm còn lại mấy tờ thư “ mà thôi ! . Thi sĩ đã từng nhìn lại khởi điểm con đường đã đi, trải qua bao năm, tháng, chao ôi, vẫn chỉ là ảo mộng có muốn trở về ngôi chính vị , chỉ khi nào đã từ bỏ trần giới mà ca lên : “Ta còn để lại gì không ?/ Kia nón đá lở, này sông cát bồi ! “.

Đã có lúc chán ngán đến đầu đốt tay, sầu tới đầu lười giai cấp mình- VHC thử bước sang địa hạt thơ đấu tranh- đi tìm một chân trời mới cho đỡ buồn nản, cũng là cách ủng hộ đường lối chính trị quốc gia. (sau này tác giả được giải thưởng thơ Tổng thống VNCH, qua tập” Hoa đăng”)- Những bài thơ viết theo kiểu” Nhớ về Hà Nội vàng son” (1945) đến “ Hoa đăng” (sau 1954) , nhưng dễ mấy khi từ bỏ được ngay bản chất, và thất bại ngay ở đầu sóng ngọn nước.(“ Xôn xao hành khúc xây đời mới / Trang khúc du dương ngọn quốc kỳ” vẫn là”làm dáng văn chương, và thật đúng:” Tóc bạc má hồng mê vận hội!” quả đã muộn màng !
Con đường dò, tìm hiểu khả năng thi phú tác giả, liệu còn; hoặc đã cạn mà không hay biết ?!
Dẫn chứng đôi câu trong bài “ Thoát hình”:

“... Kia mảnh da gà đang nứt rạn
Cho tròn một kiếp chẳng phân vân
Lòng cây mấy thuở ai người biết ?
Từng khóc từng reo đã mấy lần ?”

Tuy vậy vẫn có thể đo được:

“Lòng cây mấy thuở ai người biết ?
”- hoặc trong bài “ Công chúa Paris”:

“...Rời mỗi lần thu hội ý
Hoa đăng lại vượt Trùng Dương
Tháp lại truyền tin báo hỷ
Cưới nàng công chúa Tây Phương ...”

Ba năm trước, thi sĩ còn nhớ: “ bảy màu mây của Tháp Ngà vẫn vương”, hòa đồng biến chuyển đời riêng với cơn sóng chính trị vùn vù: đất nước chia đôi, rời “ kinh đô văn nghệ” , vào miền Nam tìm TỰ do :

*“...Thuyền thơ chở hứng lên cao
Sóng xuân lại có đêm nào nguyệt hoa
Bạc trôi từng lớp sao sa
Bầy màu mây của Tháp Ngà vấn vương ...”
(Xuân thanh bình)*

Thi sĩ còn đủ khả năng tìm Hội để kết “Hoa đăng”? đó là câu hỏi tác giả tự đặt cho bản thân từ 3 năm trước :

*“... Thời gian có mỗi cánh chim bằng ?
Vũ trụ sang mùa tận thế chẳng?
Anh vẫn còn thơ về dâng bút
Em có còn Hoa đủ kết Hoa đăng ?”
(Tuổi xanh)*

Thi sĩ còn đủ sức theo một đoàn thám hiểm để mơ tới đỉnh “ Himalaya-Cho-Oyu” - nhưng thi sĩ đã đạt được ước mộng của mười mấy năm xưa: mơ được viễn du theo người tình cùng về “ Kinh đô Ánh sáng”- thực tế tác giả mở mắt ra vẫn chỉ thấy mình – nên đành ở lại với thực tế :

*“...Quán rượu liền đêm chuốc đắng cay
Buồn mưa, trăng lạnh, nắng hoa gầy
Nắng mưa đã trải tình nhân thế
Lưu lạc sầu chung một hướng say*

*Gặp gỡ chùng như chuyện Liêu Trai
Ra đi chẳng hẹn một ngày mai
Em ơi ! lửa tắt bình khô rượu
Đời vắng em rồi say với ai ?*

*Phương Âu mờ mịt lối quê nàng
Trăng nước âm thầm vạn dặm tang
Ghé bến vào đây người hải ngoại
Chiều sương mặt bể có mơ màng ?*

*Tuyết xuống phương nào lạnh lắm không ?
Mà đáy lòng trắng một mùa đông
Tương tư đốt thuốc thêu canh đọi
Thoáng gió trà mi động mấy bông ?[]
(Đời vắng em rồi say với ai ?)*

Mộng Liêu Trai của Bồ Tùng Linh áp mộng lớn có mục đích “ cải tạo xã hội”, kết tinh từ đời sống nguyên hình để thể hiện ước vọng- còn Vũ Hoàng Chương thì “mộng Liêu Trai cá nhân chỉ thấp như ngọn cỏ,” như vậy sao? Nhưng VHC vẫn không nản lòng, nuôi mộng để có ngày toại nguyện, là gặp được giai nhân cùng dệt khúc “ cổ nhân kỳ ngộ”:

*“...Nàng mang vòng ngọc giai nhân
Tà áo vòng gai thi sĩ
Tìm nhau đã mấy trăm lần
Mới thỏa u hoài vạn kỷ ..”
(Công chúa Paris)*

Gọi là "đường thơ mới" của thi sĩ nổi tiếng VHC từ tiền chiến- bởi tôi nhận thấy rằng ít nhất "đường thơ có Công chúa Paris" làm khuây khỏa nhà thơ yêu mến phần nào ấn ức của bèo giạt bến mê - ít nhất hơn một lần:

"...Nhỏ neo rồi, thuyền ai xin mặc sóng
Xô về đông hay dạt tới phương Đoài
Xa mặt đất, giữa vô cùng cao rộng
Lòng cô đơn cay đắng họa dân voi!"
(Phương xa)

Chí tang bông ấy, đã:

"...Đây người thơ mộng Trang Chu
Nhẹ cánh tìm mai đỉnh tuyết
Đưa đường lên ngọn CHO-OYU
Đã sẵn mùi hương diễm tuyết!"
(Tuyết hận)

Mùa xuân trong đời thơ thi sĩ VHC, hoặc hầu hết các nhà thơ tiền chiến đều tìm nguồn dĩ vãng. Có nhà thơ nhớ tiếc kỷ niệm quá vãng của mình trong tuổi thanh xuân yêu đương , trẻ trung. Trường hợp này là VHC. Tác giả nhớ lại thuở "Tuổi vàng" hay "Tuổi đá" – một lối gọi "thời son trẻ", thời mái đầu xanh có giấc mộng đẹp thuở ban đầu. Mộng đẹp rồi qua đi theo năm tháng, bây giờ nhìn lại, dễ mấy ai không luyến tiếc! Chẳng thế mà nhà văn Pháp nổi danh như Marcel Proust chỉ rất tìm dĩ vãng đã mất , qua tác phẩm coi như tuyệt bút, đó là " À la recherche du temps perdu" đó sao

Sau 30/4/ 1975, V.H.C và vợ sống trong một phòng ở 326 Nguyễn Trọng Tuyển, quận Tân Bình, tp. HCM, do nữ sĩ Mộng Tuyết cho ở nhờ. Chẳng là trước đó, VHC được Giải thưởng thơ Quốc gia do Tổng thống Diệm trao tặng, vợ chồng nhà thơ dự định mua căn nhà nhỏ- thì Mộng Tuyết mời về ở cho tới ngày 30 tháng 4, 1975- VNCH không còn tên trên bản đồ- văn nghệ sĩ tiền chiến ngoài Hà Nội vào Nam, với tư thế kẻ thắng trận, đầu hát ngược, mắt héch, nhìn văn nghệ sĩ "Ngụy" miền Nam" bằng nửa con người "- thì VHC là " *thi sĩ tiền chiến di cư vào Nam chống Cộng điên cuồng, lại được giải thưởng thơ* " Tổng thống Ngô Đình Diệm, thời Đệ I Cộng hòa "- bị ghi vào " sổ đen phe đối nghịch ".

Nữ sĩ Mộng Tuyết - dù với tư cách "vợ hờ" Đông Hồ - mời các nhà thơ VNDCCH tiếp quản miền Nam (Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Huy Cận... thì phải ? vv..) đến dự tiệc, hẳn rằng sự có mặt vợ chồng thi sĩ VHC sẽ làm mất ngon bữa tiệc, còn là một chương ngại vật, khó coi , dầu bà chủ Mộng Tuyết không thể đuổi ngay VHC đi cho khuất mắt. Nên, bà chủ Mộng Tuyết bèn lấy một mảnh giấy nhỏ, viết hàng chữ "CẤM KHÔNG ĐƯỢC LÊN LẦU" dán ở cầu thang (phía dưới nơi trú ngụ của VHC) bởi ở lầu 1, nơi bữa đại tiệc đang diễn ra, tiếp đón các nhà văn miền Bắc" thắng trận". Hình như tôi viết ở đâu đó câu chuyện này, và đã in trong một cuốn sách đã xuất bản, khiến tác giả "Nàng Ái cơ trong chậu úp" bất bình . Sau khi tôi cho xuất bản" T.T.Kh., Nàng là ai?", bà ta có cơ hội trả lời phỏng vấn báo Thanh Niên, và mặt sát tôi thậm tệ- kể cả một cô bé đàn em của bà trong nhóm Quỳnh Dao - đó là nữ sĩ Cao My Nhân về "hùa" viết bài đòi "trảm" nhà văn cao bồi T.P. - T.T.KH, Nàng là ai?" trên báo Saigon Times (Thái Tú Hạp chủ nhiệm). Tôi được biết tin này, từ phóng viên văn học Trần Nhật Thu- báo "Văn nghệ tp. HCM" báo lại.

Tiếp theo, tướng tá, sĩ quan, cùng công chức cao cấp chính quyền VNCH bị đưa đi tập trung cải tạo dài hạn - ở các trại xa Saigon – thì VHC" được đưa vào Khám Chí Hòa ,cải tạo dài

hạn tại chỗ. Vì phạm nhân thiếu thuốc phiện, lâm bệnh, đau ốm quặt quẹo, tựa hồn ma thoi thóp sống vật vờ, nên ông được trả tự do rất sớm - về nhà được một thời gian ngắn và qua đời năm 1976.

Năm 1999, Nxb Đồng Nai cấp phép “*Chiêu niệm 4 nhà văn Sài Gòn*” : đề cập Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Tam Lang và Mai Lâm-Nguyễn Đắc Lộc” – tại “*Chương I*” Vũ Hoàng Chương (1915-1976), tôi viết:

“...Một trong 12 bài thơ di cảo của Vũ Hoàng Chương “thâu thập được từ Hoàng Tấn (tác giả” Nguyễn Bính, một vì sao sáng”- Nxb Đồng Nai 1999)cho chép lại. Cũng theo Hoàng Tấn, tác giả V.H.C làm bài thơ này còn có ý ngầm để tặng Quách Thị Hồ, người hát ca trù hay nhất Việt Nam (danh hiệu NSND), xưa từng là bạn cố tri VHC.

(tr. 13-16, sách đã dẫn).

Sài Gòn sau 1975.

Sau khi sách phát hành, tôi nhận được một bài báo từ Sacramento (thủ phủ California) gửi về- do Hoàng Hương Trang viết, đã kích người viết sách thậm tệ. Nào là, người viết không chịu đi sưu tập tài liệu, nhà ở quận I có xa gì, sao không tới Nhà Làng (ngã ba Nguyễn Văn Lạc + Xô Viết Nghệ Tĩnh) phường 19 , quận Bình Thạnh) để gặp vợ V.H.C là Thục Oanh lấy tài liệu có phải chính xác hơn là chép lại từ ” một Hồ Tăng Ấn Việt Cộng thì biết’ mô, tề “gì?” (Hồ Tăng Ấn là bút danh Hoàng Tấn - TP chú thích).

Sau đó, tôi lại được đọc một bài báo khá dài, đăng trên tập san “Tiếng vang” (cũng từ Sacto gửi về) tác giả là Đinh Nhật Thịnh, anh ta lên án tôi viết về VHC, nhất là trích dẫn bài thơ VHC sáng tác sau 1975 là sai lạc hoàn toàn, như H.H.T vạch ra. Và nếu anh ta chỉ dựa vào tư liệu duy nhất của H.H. Trang thôi- thì hẳn phiến diện là điều khó tránh – và bài báo sẽ chẳng còn gì là giá trị! (xem ở cuối bài - mục “*Đính chính*”).

*Riêng H.H. Trang, lại viết bài thứ hai tiếp theo lên án “Thế Phong vô hạnh, ngủ với” đàn bà đàn chị” để có “com no bò cưỡi” - và sau được Cao My Nhân tin là “ sự thật Panurge” - nữ sĩ bèn khai thác rĩ sất từ “ chiếc kiếm bản H. Hương Trang “ - để viết “*Bảo trong tách nước*” - hòng “*chọc tiết Thế Phong “ một lần nữa . (*):**

(...).. sau đó, tôi (Cao My Nhân) thấy tờ báo của hội văn nghệ sĩ Việt Mỹ ở Sacramento đăng 2 bài liên tiếp: một của thi sĩ Hoàng Hương Trang mạt sát Thế Phong là nhà văn vô hạnh, một của nhà văn trẻ sau này ở hải ngoại, Nhật Nguyệt, đã nêu những điều phản phé của Thế Phong, vì 2 lý do mâu thuẫn: ông ta nghĩ thế nào ,khi cứ mà ca tụng cố nhân vừa tôn sùng vợ, là điều không thể chấp nhận được, với người đàn ông tự mãn, cho là hay hơn ai..(..)

Kể lại sự việc Thế Phong đã dựng nên một câu chuyện có tính cách thương mại hơn là văn chương sưu tập.” Vụ án văn chương 57 năm mới kết thúc, T.T.Kh. là ai?”.

Cùng với tên văn sĩ Bắc Việt Trần Nhật Thu, Thế Phong đề tên tác giả tập bài báo trên là Thế Nhật, tức Thế Phong và Trần Nhật Thu cách đây 15 năm làm xôn xao dư luận trong và ngoài nước. Khiến năm đó, 1995, tôi với tình cảm em út trong đại gia đình Quỳnh Dao, một hội thơ danh tiếng ở Saigon xưa, phải viết bài bênh vực T.T.Kh. hậu chiến vì nhân vật trong tập vụ án văn chương nêu trên, là một bậc nữ lưu, tài tử vượt bực, và cũng là trang quốc sắc ở Thanh hóa ta xưa. Bà còn là phu nhân tiết hạnh của vị luật sư Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng thời đệ I Cộng hòa (.....) Với bản tánh Thế Phong háo thắng, ngiệt ngã như vậy, thì trong giới văn nghệ, báo chí đã mặc nhiên, bởi ông ta có hay, hay không hay,(hoặc) không đúng(đi nữa) ;, thì ông ta (vẫn phải) chịu trách nhiệm với dư luận.

Đề này, căn cứ vào bài ký giả Thanh Hải (nguyên nữ phóng viên văn học báo Pháp Luật tp. HCM – TP chú thích)- (có) một nhà thơ cũng nghĩ quàng, tung lên “Phổ Mưa “, cái tin tác giả “ Chón Bụi Hồng” : mỗi năm mỗi về VN để rủ Thế Phong đi chơi, làm vợ Thế Phong đau khổ quá !

(...) Có thể là người tung tin trên, căn cứ vào bài phỏng vấn nhà văn Thế Phong của ký giả Thanh Hải báo “ Pháp Luật” cách đây 3 năm, để tự khoe cái tài mẫn tiệp của mình; nhưng nghĩ cho cùng, vẫn là cái lỗi của nhà văn hoang tưởng Thế Phong; mà lâu nay tôi vẫn tự nhủ là một cái Bướu trong cuộc đời viết lách của tôi, không mạnh tay cắt bỏ, như qui vị cắt bỏ một nốt ruồi, một cục chai ở bàn tay cầm bút.

Từ sau 30-4-1975, tôi hoàn toàn vô sản, có lúc phải chạy gạo hàng ngày, ở VN cũng như ở hải ngoại này, tiền đâu mà mỗi năm về VN để gặp Thế Phong một lần, và Thế Phong cũng vậy, ông ta và gia đình ông sống thế nào, tôi cũng chẳng quan tâm. (...)

Vị hòa thượng mỉm cười :(người mà CMN xin gặp - để tư vấn cho tác giả CMN có sự quân bình trạng thái tâm hồn, sau lần nữ sĩ bị hoảng loạn, và giao động cùng cực, vì những hỉ, nộ, ái ố...-TP chú thích)

- Cô cứ an tâm (...) và như Tây Phương khẳng định;” đó chỉ là trận bão trong tách nước trà !”)
CAO MỸ NHÂN

(trích lại từ : <Google / search / nhà văn thế phong >

(Translate this page).

SG 1 ...Cả nước xưa, trước 1975, đã biết Thế Phong là nhà văn cao bồi.. Cách đây 3 năm tôi đã đọc loạt bài phỏng vấn nhà văn Thế Phong từ phụ bản tờ báo Pháp.....)

Câu chuyện Hoàng Hương Trang mặt sát Thế Phong có thật vậy không? một người hỏi.

- Không, chỉ là chuyện” phịa” - ,cô ta ưa vênh tai trâu ,” nghe hơi nòi trõ, nghe mỡ sư ông ” ra cái điều biết nhiều, lại biết cả cái không biết- mục đích hạ đo ván đối thủ, bất chấp phương tiện tốt , xấu, bối cảnh đúng, hay không đúng ?

Sở dĩ nói vậy, vì tôi có thể kể cho cô ta nghe một chuyện sắp kể ra đây, chuyện thực ” cơm no bò cưỡi” – của tôi vào năm 1957 – lại chưa hề viết ra – chỉ vì tôi không dám thò mặt về nhà trọ (ở xóm đạo, nằm phía sau Nhà thờ Bắc Hà trên đường Lý Thái Tổ -nơi này họa sĩ Đinh Cường đã từng leo lên căn gác gỗ để giúp tôi đóng sách “ Lược sử văn nghệ Việt Nam- Nhà văn hậu chiến 1950-1956, sách in rô nê ô). Giờ này, tôi vẫn còn lang thang, đạp xe trên phố , đầu óc rối tung, nghĩ xem nhà thằng bạn nào quen, để xin ngủ nhờ. Tôi nhớ đã ngủ 3 đêm liền ở gác nhà bạn Hưng, em ruột luật sư Thống - gần cây xăng Ngã 3 Nguyễn Thiện Thuật- Saigon 3 - mà lại tới xin ngủ nhờ đêm thứ tư thì” chui” quá! Tôi như ngỏ lời với bạn đường, chiếc xe đạp cộc cạch đang cùng tôi lang thang trong đêm, nghĩ xem có cách gì qua đêm? Chủ và tớ kéo kẹt hết đường này sang đường kia, vòng qua Lý Thái Tổ, phố này còn đèn sáng từ quán cà phê hắt ra.

Bỗng nhìn thấy một quán cà phê nhỏ đó, rất vắng khách, nằm cùng dãy, gần Phòng khám mạch của bác sĩ N.Tuấn Phát. Ghéch xe đạp bên đường, vào quán, gọi ly đen nhỏ. Chính cô chủ quán bung ra, trò chuyện vui vẻ :

-“ đi một mình, không có bạn sao? “

-Lắc đầu.

Vắng khách, cô ngồi xuống ghé bên cạnh hỏi han.

Trời đã khuya, ngồi lâu, uống cạn, tôi đành gọi trả tiền, nhưng như vẫn vẫn còn muốn ngồi nán lại.

Thấy vẻ mặt khách buồn buồn, kiệm lời bắt chuyện, cô bảo :

-“có chuyện buồn thì nói ra cho vợ !”.

Tôi” tả oán”:

- đêm nay không biết ngủ ở đâu, giá hàng hiên phòng mạch bác sĩ Phát rộng rãi, thì ngủ nhờ sẽ tốt biết mấy?

và sau đành khai thật- không dám về nhà trọ, vì thiếu tiền nhà.

-” chuyện ấy là thường tình, đêm nay hãy cứ ngủ cho ngon, mai dậy tìm cách trả tiền thuê nhà xong, là được chứ gì?, cô chủ an ủi.

Thấy nét mặt khách vẫn buồn so, lại kiệm lời, cô bắt chuyện:

- vậy không thể về nhà trọ ngủ đêm nay, thật vậy sao ?

- Tôi lắc đầu , buột miệng:

- giá hàng hiên phòng mạch bác sĩ rộng, thì ngủ đại một đêm rồi mai tính.

- Không ngủ được đâu, cảnh sát đi tuần đêm giờ giới nghiêm, sẽ bị hốt lên xe cây đậy ?.

- Vậy phải làm sao thì chính tôi cũng không biết nữa? Giá mà có một chỗ ngủ nhờ, chỉ mấy tiếng đồng hồ nữa là hết giờ giới nghiêm rồi ?”

- Thế có người cho ngủ nhờ đêm nay, thì sao? ”

- Cô chủ ơi, cô nói thật hay đùa vậy ?

Bỗng nhiên cô ra lời trước:

- Tôi bằng lòng cho ngủ nhờ, liệu khách có đồng ý không, nếu đồng ý, thì phải chịu một điều kiện .?

- Vậy đó là điều kiện gì, cô chủ ?

- Điều kiện nho nhỏ thôi, nghĩa là anh phải chờ.....

..... chờ quán đóng cửa sau 11 giờ đêm

.....được không ông khách?

Tôi còn nói gì được bằng lời nữa, chỉ còn biết cảm ơn ân nhân, vợ vã gạt đầu- vì cô chủ quán có lòng nhân từ thương xót tôi ...

- Kê tội đồ kê khốn cùng trong đêm khuya vắng !

Khi người khách cuối cùng ra về, cô chủ đưa chiếu, chiếc chăn mỏng , hai cái gối, bảo tôi hãy, trải chiếu trên sàn nhà và chỉ cách buông mùng.

Tôi làm xong, cô chủ chỉ tôi hãy nằm xuống đó mà ngủ. .

Tôi thực hiện đúng lời cô chủ, đầu tôi đặt trên 2 gối chòng, nằm nghiêng. Giấc ngủ tới sớm khiến tôi thiu thiu lúc nào không hay, cả không biết đèn tắt từ lúc nào ? !

Bỗng nhiên,

có người giăng một chiếc gối ra khỏi đầu tôi,

tiếng động nhẹ làm tôi thức giấc.

Tôi mở mắt.

- Và lại không thể ngờ-

- Cô chủ cột lại mái tóc dài rồi nằm cạnh.

Cảm ơn Thượng đế quá chừng chừng ! - mặc dù khi ấy, tôi đâu đã là tín hữu đáng Christ !

Cô có dáng người dong cao, dài cẳng, bây giờ gọi ” người nữ chân dài”, rất tử tế đối xử với tôi- hệt Natacha, nhân vật nữ trong một truyện viết về mùa thu của Maxime Gorki. Tôi vẫn thầm đội ơn cô chủ quán cả phê ấy, đến nay , tính ra đã trên 50 năm và không bao giờ còn gặp lại , dầu chỉ một lần! Hệt Gorki ân hận suốt đời, vì ông ta cũng không một lần gặp lại nữ ân nhân Natacha ! Có một lần, nhà thơ Ý Nhi, Trưởng Chi nhánh Nxb Hội Nhà văn tại Phía Nam, nhờ tôi chở đến nhà bà Thục Oanh, để trả bản quyền” Ta đã làm chi đời ta” của Vũ Hoàng Chương mà Ý Nhi in - sẵn dịp, tôi bèn phỏng vấn bà Thục Oanh về bài thơ “ Chúng ta mất hết cả rồi sao?” của chồng bà. Bà đồng ý ngay, đọc cho chép câu sai .(xem bài đính chính.) Rồi tôi in thêm tờ rơi , lồng vào sách” Chiêu niệm 4 nhà văn Sài Gòn” trước khi đưa phát hành.

ĐÍNH CHÍNH

Trong sách “ *Chiêu niệm bốn nhà văn Sài Gòn*” có một số chữ sai, ở bài” Một trong 12 bài di cảo của Vũ Hoàng Chương (tr. 17) đã được ĐinhThị Thục Oanh (vợ VHC) đính chính vào ngày 17 tháng 7 năm 1999. Buổi ấy, tôi cùng nhà thơ nữ Ý Nhi đem sách tặng và thăm vợ nhà thơ quá cố Vũ Hoàng Chương. Chữ **in đậm** là đúng nguyên tác của tác giả.

Sáng chưa sáng hẳn tối chưa đành
Gà lợn om sòm **cả** bức tranh
Rằng **vách** có tai thơ có họa
Biết lòng ai đỏ mắt ai xanh

Dấu hỏi xoay quanh **trợn kiếp người**
Sên bò **nát** óc máu thấm rơi
Chiều nay một dấu than buồng dứt
Đanh đóng vào xăng tiếng **trả** lời

Chúng ta mất hết cả rồi sao ?
Cả đến âm thanh một thuở nào !
Da trống tơ đàn ôi trúc phách
Đều khổ như khúc hát gầy hao

Đàn mang tiếng **đáy** mà không đáy
Mất hết rồi sao sợi nhớ thương
Tay phách từ lâu nay lạc phách
Không còn đựng mãi bến Tầm Dương.

Vũ Hoàng Chương: Tiếng thở dài của phương Đông trầm mặc Tạ Ty

“Ôi, Lý Bạch, Trang Chu đường chim nẻo Nguyệt
Đời họa còn ta là theo vết người xưa...”
(Vũ Hoàng Chương)

Nói đến Vũ Hoàng Chương là nói đến dòng thời gian xa thẳm trước tầm mắt, là nhắc nhở đến vùng bao la như lớp khí quyển vây quanh trái đất tạo nên ứ đọng với từng ngón hoài nghi, với niềm dẫn vật khôn nguôi giữa sự bứt rứt và níu kéo trong một thể xác nửa mệt mỏi vì yêu thương, nửa giận hờn nổi thất bại của tâm linh trước sự chia lìa của Thơ với Thực tại.

Sinh ra đời dưới một ngôi sao tốt, từ nhỏ, Vũ được bọc đùm trong nhung lụa, được dạy dỗ ở cả hai phía, Tây học và Hán học. Vũ đã hấp thụ văn học Tây phương đồng thời do sự giáo huấn của bà mẹ, Vũ cũng say mê Đông phương và sớm suy tư triết thuyết Lão, Trang với cổ thư Trung Quốc.

Sự ám ảnh của thời đại hoàng kim chìm khuất với vóc dáng chàng Tư Mã áo xanh trên bờ sông Dương Tử, hay khuôn mặt nàng ca kỹ bến Tầm Dương “*tay ôm đàn che nửa mặt hoa*”... đã làm phai mờ tất cả kích thích các nhà thơ lớn Tây phương: Hugo, Lamartine, Musset, Baudelaire, Verlaine, Rimbaud đang chiếu sáng trên vòm trời thi ca Việt Nam khoảng 1935-43 với từng người thơ chịu ảnh hưởng sâu đậm kỹ thuật, nhất là tư tưởng vay mượn của nền thi

ca miền tóc vàng, tuyết trắng.

Vũ là tượng hình đứng cô liêu trong vòm trời quá khứ. Ánh sáng của ngọn hải đăng le lói giữa đêm khuya mịt mù sóng vỗ, Vũ lắng nghe hồn mình trải rộng trên mỗi con nước đại dương và thầm ước sẽ tìm được trong sự luân lưu đó, chút hơi thở của người xưa vọng đến. Nhưng ánh sáng của ngọn hải đăng vẫn le lói hằng đêm và đại dương cứ luân lưu theo chu kỳ miên viễn, hơi thở của quá khứ trôi đi biệt không để lại vết tích gì trong vũ trụ bao la, có chăng chỉ còn lại niềm tưởng vọng giữa sự-sống-hôm-nay gửi về cõi-chết-hôm-qua bằng môi trường suy cảm. Vũ đã suy cảm và lựa chọn khổ đau, với đam mê huỷ diệt. Vũ khước từ cái công danh phú quý mà đời đã trao tặng sau những năm đèn sách, để tự dán thân vào thế giới thi ca, tức là mang lấy nghiệp. Sự “*đầu thai làm thế kỷ*” mà Vũ đã viết ra, hét to lên trong cơn mê loạn của thể xác, trong nỗi vò xé của tâm linh trước cuộc sống nghẽn lối, trước cơn bi phẫn của con chim bị trúng tên rã cánh, nhìn trời cao mà không vút lên được, nhìn trái ngọt mà không vừa ăn hưởng, nhìn thân phận trôi đi, trôi đi như ảo ảnh để nuôi tiếc giấc mơ thành bướm thuở nào.

Thế đó, dòng sông với ngàn ấy tê liệt, ngàn ấy giận hờn trong một xã hội đốn mạt, trong một quốc gia nô vong, Vũ cảm thấy mình đã nhiễm độc và để giải độc, Vũ tìm quên trong chiều sâu của ảo giá, của men khói. Ở đó, Vũ đón nhận về phần mình tất cả đau thương, qua từng sợi khói lung linh, qua lời hò hẹn chênh vênh, qua tình yêu gục mặt, qua niềm tin đổ vỡ để thoát vào cảm thông với hơi thở mỗi mòn. Vũ tiếp thu những giá trị bị thương ấy, những nghẹn ngào cảm tiếng ấy bằng niềm sáng khoái vỡ bờ. Vũ từ bỏ thực tại như từ bỏ chính bản thân. Vũ lững thững đi vào xứ Mộng. Trong cõi mộng lung của tiềm thức, từng hình ảnh xa lìa, khắc khoải bám riết lấy suy tư, xiết chặt thân phận Vũ vào chiếc nôi bằng tơ có móc đầy gai nhọn. Sự lìa bỏ bản thân, lìa bỏ thực tại phải được coi như những chứng tích, mỗi ngày mỗi nói hẳn như vết roi định mệnh.

Hành trình vào thế giới thi ca của Vũ, người ta không thể không xuyên qua bản chất thực thể của Vũ với tấm lòng rộng mở, với ý hướng chói loà chiếu rọi vào mỗi dòng, mỗi chữ để cùng đau, niềm đau tâm sự! Vũ, mẫu người thơ đặc biệt, không giống với bất cứ thi nhân nào đã và đang có mặt. Vũ làm thơ để cất lên lời chào, tiếng khóc. Vũ làm thơ để trời trăng ý tình, để tiếp nối hơi thở gửi từ kiếp trước. Cái đau, Vũ khóc ngất trong thơ không phải cái đau của Huy Cận với “*Chàng là con một người mẹ hay sầu. Nên trọn kiếp mắt chàng thường đắm lệ*”. Không, không, cái đau của Vũ cao rộng và siêu thoát. Nó có đấy, nhưng nó cũng vô vàn xa vời như chiếc bóng hồ ly, như tiếng nhạc lênh đênh dội từ cung Hằng thăm thẳm. Phong độ trong thơ Vũ là phong độ của cánh chim hồng hộc bay suốt vạn dặm dài, qua bao nhiêu không gian ước định. Thơ Vũ hiện diện như loài hoa quý, ngạo nghễ rung rung từng cánh mỏng cho phần hương tan vào thính không gửi đến mọi phương trời, mọi góc cạnh tâm tư đang chơi với trong mê muội, trong dục vọng thấp hèn giữa cuộc sống buông trôi.

Hành trình vào thơ Vũ, mỗi con người tự cảm thấy lâng lâng như lạc vào giấc mơ kỳ thú. Thời gian, không gian xáo trộn, quý với người là tình nhân, gỗ đá cũng mặc áo linh hồn. Nhưng muốn hiểu thơ Vũ đến cùng, người ta phải tìm hiểu cả cái dòng sông phức tạp xuyên qua từng khía cạnh ngọt ngào và cay đắng, đã làm Vũ chết đuối sâu đau, tê rời cảm xúc.

Tình yêu và đam mê

Đi vào tình yêu là đi vào nguồn vui đau khổ. Từ khung trời hy vọng đổ sang vùng địa ngục tối tăm. Từ ánh mắt sáng ngời do lửa yêu đương thấp sáng đến nắm mộ u uất dựng lên giữa cõi sống như một sĩ nhục. Khuôn mặt người đàn bà mang tên Kiều Thu mà Vũ đã ôm ấp mười năm, mười năm nhen nhúm với ước vọng, với chờ đợi náo nê, với dặm dài mệt mỏi. Kiều Thu, Kiều Thu hỡi! Người đàn bà may mắn đã được Vũ khóc trong thơ, đã được Vũ vượt ve với vãn

điều gấm nhung, đã được Vũ tôn lên ngay thờ Nữ Sắc, nàng có biết chăng, dung nhan đó đã trở thành bất tử. Người đàn bà ấy giờ đây đang có mặt ở phương nào, đang ẩn mình trong góc cạnh nào của cuộc sống, sung sướng hay khổ đau, đã già hay còn trẻ, hãy ngẩng mặt lên đón nhận nơi đây lời chúc tụng.

Tình yêu mà Vũ đã gửi tặng làm nơi không phải thứ tình yêu qua nhanh như gió thổi, như làn chớp ngang trời. Nó day dứt sượng sùng. Nó tái tê cuồng dại đến nỗi Vũ phải kêu la:

*“Yêu sai lỗi để mang sầu trọn kiếp
Tình mười năm còn lại mấy tờ thư!”*

Biết rằng thất bại và biết được giá trị khổ đau, Vũ muốn tìm quên bằng cách đắm chìm thân phận vào trời say, nhưng không được:

*“Say đã gắng để khuấy sầu lẻ gỏi
Mưa, mưa hoài rượu chẳng ấm lòng đau
Gấm thế nào từ buổi lạnh lòng nhau
Vàng son có thay màu đôi mắt biếc?
Tình đã rời đi riêng mình tưởng tiếc
Thôi rồi đây chiều xuống giấc mơ xưa
Lá, lá rơi nằm bệnh mấy tuần mưa
Say chẳng ngắn những đêm dằng dặc nhớ...”*
(Lá thư ngày trước, *Mây*)

Như thế đó, tình yêu đối với Vũ là hình phạt nặng nề hơn ân thưởng. Những khuôn mặt đàn bà đi qua đời Vũ, được Vũ nhắc đến trong tác phẩm, đều chấp chờn như những bóng ma. Cô gái tóc vàng đến từ miền tuyết trắng hay ả ca kỹ nổi danh phòng Dạ-lạc cũng chỉ là hư ảnh. Vết thương tình ái làm Vũ nhức nhối đến bây giờ, trong buổi xế chiều của cuộc đời, vẫn là Kiều Thu. Nó là ung thư đục khoét ở chiều sâu cơ thể. Nó làm cho con người chết mỗi mòn vì ám ảnh, sầu đau. Vũ mang vết thương đó đi lang thang trên mọi nẻo đường đời như mang một số kiếp phụ thuộc.

*“Trăng của nhà ai Trăng một phương
Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường
Ở đêm tháng sáu mười hai nhĩ
Tổ của Hoàng ơi hồi nhớ thương...”*

Ngày 12 tháng 6 là ngày người yêu sang ngang. Sự dứt bỏ này làm tổn thương đến danh dự người trai ngoài hai mươi tuổi. Nhưng nàng bỏ ta không phải là hết. Ta vẫn mê nàng. Ta là gã si tình ngàn kiếp:

*“Tháng sáu mười hai từ đây nhé
Chung đôi từ đây nhé lìa đôi
Em xa lạ quá đâu còn phải
Tổ của Hoàng xưa Tổ của tôi...”*

Rồi Vũ thét ngất:

*“Kiều Thu hè Tổ em ơi
Ta đương lửa đốt toi bờ mái Tây
Hàm ca nhíp gõ khói bay*

*Hò Xương Xế bàn tay điên cuồng
Kiều Thu hề trọn kiếp thương
Sầu cao ngùn ngụt mấy đường tơ khô
Xương Xế Xương Xế Hò
Bàn tay nhịp gõ điên rồ khói lên...”*
(Mười hai tháng sáu, *Mây*)

Niềm bi thảm của tình yêu cứ kéo lê trong tâm linh Vũ như vết hằn khổ nhục. Khuôn mặt và vóc dáng người đàn bà đó đã gây nên ấn tượng khốc liệt làm Vũ choáng váng đến run sợ. Chính vì không đủ can đảm, Vũ chạy trốn thất vọng đi tìm đam mê để giết nỗi buồn đắng dặc. Vũ chìm đời mình vào dòng sông Mê khoái cảm. Vẫn điệu trong thơ Vũ ngắt ngư như ủ say men khói, lãng đãng lạc vào cõi u huyền mộng mị.

Thi phẩm *Mây* chào đời năm 1943 là thi phẩm sáng chói nhất của Vũ, vì ở giai đoạn này, Vũ đã sống trọn vẹn với hơi thở thi ca, với quê Nâu lửa đóm bằng máu và hồn. Vũ thiêu dần thân xác chẳng những với ngọn dạ đăng chập chờn hoa bác mà còn đắm say tiếng cầm ca, sênh phách rộn ràng trong từng đêm dài cửa Ô đau khổ. Vũ muốn xé tan thân phận mình và tiêu huỷ cái số kiếp bi đát để tìm về giải thoát, sự giải thoát nào đó có màu nhiệm hay không, Vũ chẳng cần biết. Vũ nhìn chòng chọc vào cõi Hư Vô mong soi tỏ bản chất mình qua đóm lửa lung linh mờ ảo.

Ngày rồi đêm, khúc vui, cung buồn cứ đuổi theo nhau chạy luôn trong huyết quản Vũ để biến Vũ thành một tù nhân của đam mê vọng tưởng. Niềm thương nhớ chắt chắt bao giờ nguôi, từng nỗi khắc khoải, phân vân hiện hình trong thơ Vũ như chứng minh sự buông thả lênh đênh của một tâm hồn đã quá no đầy oan nghiệt:

*“Phơi phới linh hồn lỏng khóa then
Say nghe giọt nhựa khóc bên đèn
Mê ly cả một trời Đông Á
Sực tỉnh trong lòng nắm mộ đen...”*
(Hơi tàn Đông Á, *Mây*)

Ảnh hưởng và đối thoại

Tâm hồn Vũ là những sợi dây tơ được căng thẳng trên vòm trời ảo mộng. Một hơi gió, một chớp mắt, một va chạm con con cũng đủ làm cho đường dây rung lên nức nở. Vũ treo cuộc sống của mình trên những sợi dây mong manh đó và để mặc cho âm hưởng reo vang tự đáy lòng cô độc. Vũ không nhìn vào cuộc đời có đây để tìm vị trí thực thể của mình. Vũ xoay mặt đối diện với quá khứ, đối diện với những ước mơ tự ngàn xưa xa vút. Sự đối diện này tạo cho Vũ niềm tin tưởng vì Vũ cho rằng đã tìm thấy ở vóc dáng dĩ vãng, cái-qua-rời, hình ảnh bản thân hiện rõ trong lăng kính tâm tư. Vũ vẽ lại tiền thân bằng vản điệu. Cả một vòm trời nặng trĩu mây mù, Vũ dùng tâm linh chiếu sáng để nối lại đường dây giao cảm, để khoả lấp sai biệt của khoảng cách vô cùng rộng lớn. Vũ mơ giấc mơ thành bướm của Trang Chu và đổi theo từng bước chân khoáng khoáng của Lý Bạch, Đỗ Phủ, Thôi Hiệu, Bạch Cư Dị. Vũ say mê bờ liễu Hàng Châu lá lướt, hoặc sóng nước xanh rờn vỗ bên Tầm Dương, hoặc nét nguy nga, cao trọng của lầu Hoàng Hạc ngàn năm sững bóng. Vũ chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền thi ca Trung Quốc thừa thịnh Đường và mê triết thuyết Vô Vi của Lão Tử. Cái “Có” cái “Không” phải chăng là màu nhiệm? Đêm đêm Vũ thường đốt đèn lên trang sách hỏi người xưa về Ý Thức Huyền Vi để mong tìm ra lối thoát cho bản ngã, tài năng:

“Phải chăng muôn kiếp nặng nề

*Từ Hư Không lại trở về Không Hư
Lẽ nào mộng cả thôi ư?
Người ơi! Giọt bể chứa dư tang điền...”
(Bài ca siêu thoát, Rừng phong)*

Không tin vào giá trị của cuộc sống, Vũ nghiêng về hoài cảm. Từ hoài cảm tiến tới hờn giận sự hiện diện của thực tại nhứt nhối, nhớ bản. Vũ vượt lên, thoát mình vào ảo giác, trộn lẫn cái “Còn”, cái “Mất”, cái “Có”, cái “Không” để đi vào quan niệm bi thương, giận dữ. Vũ vẫy vùng trong mớ hư ảnh, kêu gọi từng hình thể xa vời trở về đối thoại.

Vũ cho rằng, cuộc đời hiện hữu không phải là chỗ đứng của mình nên thay vì đối thoại với người sống, Vũ trò chuyện với những vóc dáng mơ hồ chạy lờn vờn trong tiềm thức, hay ẩn hiện sau mỗi cơn say dài men khói. Từng chấm sáng lân tinh xoay quanh đóm lửa hắt hiu toả hương mê hoặc. Vũ gọi về tâm sự! Vũ diu nhẹ thời gian trở ngược vòng vận chuyển. Vũ mơ về thời đại hoàng kim xênh xang nhạc ngựa, gõ, đá giao duyên. Vũ đối thoại với linh hồn, ma quỷ bằng lời thơ tiếc nuối:

*“Khí thiêng chừng sớm lia nhân thế
Dương thịnh rồi chẳng Âm đã suy
Quạnh quẽ thu phân thơ bật tiếng
Lầu hoang chìm dấu cỏ hồ ly*

*Còn đâu thuở ấy niềm khăng khít
Quỷ với người chung một mái nhà
Trắng bạn, hoa em trảm mối lái
Đèn khuya diu dặt bóng yêu ma...”
(Cảm thông, Máy)*

Ma quỷ, Hồ ly đối với Vũ như những người bạn chí thiết. Vũ trao đổi tâm sự với chúng như trò chuyện với các danh nhân, cao sĩ. Vũ mặc áo linh hồn cho gỗ, đá, cỏ, cây.

*“Ai đó – Phải chăng hồn cỏ cây
Bắc thơm dầu quánh nhựa hây hây
Dầu vơi bắc mỏng manh gầy
Bước chân vào bợ nợ
Hoa đèn lung lay...”
(Nửa truyện Hồ ly, Máy)*

Nhưng niềm cảm khái của Vũ không nhất thiết phải đứng nguyên ở vị trí tiếc thương quá khứ với giấc mộng đẹp qua đi không bao giờ trở lại, đôi khi, nó vùng lên hào khí. Sự vùng lên để chứng tỏ một thái độ và cũng để tìm không khí mới cho cuộc đối thoại, vì đối thoại không hẳn là phải chung thủy với một lập luận, chính thực để hiểu thêm những điểm khác biệt với chính mình. Từ truyện người tráng sĩ Kinh Kha với đường gươm lờ dờ không thành việc lớn, với tiếng sáo u buồn của Cao Tiệm Ly tiếc thương người bạn đời, đến vị anh hùng ái vải đất Quy Nhơn đã làm đẹp lòng Vũ bằng vần điệu gieo vàng, chuốt ngọc.

*“Hãy dừng lại thời gian
Trả lời ta! Có phải,
Dưới vầng nguyệt lạnh lũng quan ải
Dưới vầng dương thiêu đốt quan san
Lớp hưng phế xô nghiêng triều đại...”*

*Mà chí lớn dọc ngang
Mà nghiệp lớn huy hoàng
Vẫn ngàn thu còn mãi
Vẫn ngàn thu người áo vải đất Quy Nhơn...”*
(Bài ca Bình Bắc, Hoa Đăng)

Đó, tâm hồn Vũ rung lên từng cung bậc uyển chuyển, nhịp nhàng. Tình yêu, hoài tưởng, đam mê, đau khổ, hờn giận đã bủa vây dòng sông nội tâm Vũ, biến Vũ thành một biểu tượng đặc biệt trong thế giới thi ca hiện đại.

Niềm cô đơn và dung nhan

Mỗi con người là một hoang đảo, nếu không có sự liên hệ do cuộc sống tạo nên để ràng buộc nhau trở thành xã hội, quốc gia hay nhân loại. Từ thuở sơ sinh, thanh âm thứ nhất chào đời là tiếng khóc chứ không phải nụ cười. Cái vòng sinh, lão, bệnh, tử như mỗi dây oan nghiệt thắt chặt mỗi cá nhân vào nghiệp chướng không để ai thoát khỏi. Vũ vào đời với từng bước nhỏ nhẹ, với thân phận tiền oan. Màu áo xanh Tư Mã, Vũ khoác lên vai mỏng manh như một biểu hiệu cố định, đồng thời Vũ cũng mang luôn niềm cô đơn giữa đời sống – một đời sống nô vong – đang đuổi theo sự an hưởng vật chất trước mặt, hay gục đầu trong vũng lầy hoàn cảnh. Vũ ngẩn ngơ giữa cõi đời với túi hành trang chất đầy hoài vọng lẫn bi thương. Vũ hoài vọng đến một khung trời bỏ ngõ có bướm vàng, lá thắm tình tự suốt bốn mùa giao hưởng, ở đây, con người được tự do trút bỏ mọi câu thúc hình hài, nhõm nhợ giữa muôn tiếng đàn ca, với thiên tiên vui múa Nghê Thường. Vũ có thể tâm sự trực tiếp với “gỗ danh sĩ”, “đá thuyền quyền” như thuở nào trái đất mới hình thành mầm sống. Nhưng Vũ đã sinh ra giữa thời đại cơ khí, giữa hoàn cảnh phức tạp của xã hội Việt Nam nô lệ, nên hoài vọng và niềm bi thương ấy bị dồn nén vào trong để kết tụ thành khối đau buồn dằng dặc. Vũ nhìn lên vòm cao rồi cúi mặt xuống đất. Vũ không tìm thấy lối thoát ngoài thi ca. Vũ cô đơn. Mọi cánh cửa đều khép chặt trước mặt. Ba chiều không gian đã đóng kín, Vũ đành đốt tâm tư để mở một chiều riêng cho mình. Ấy đó, niềm cô đơn mà Vũ đã mang trọn kiếp người bật khóc trong thơ:

*“Ai biết gì đâu một cuộc đời
Nhớ thương hờn hận chẳng hề nguôi
Chẳng thương xuân sớm phai màu tóc
Chẳng nhớ mình đang sống kiếp người
Chẳng đắp non cao hờn chót vót
Chẳng thương mà biển hận đầy vơi
Hỏi chi sự nghiệp cùng thân thể
Sông núi – kia xem – đã lở bồi...”*
(Giấc mơ tái tạo, Trời một phương)

Từ hờn, hận Vũ đi vào bi phần:

*“Ai đó mách giùm ta với
Quần gót thể nhân như đàn quạ kia chẳng
Hay như mây cao đơn chiếc cánh chim bằng
Áp úng cân đai hề trôi giam tài năng
Vỡ mộng buông câu hề kho trời gió trắng...”*
(Tuý hậu cuồng ngâm, Mây)

Chính vì cô đơn quá đỗi nên Vũ bi quan, muốn rẫy bỏ nguồn sống đi tìm dung nhan cõi chết. Vũ phác họa cõi chết như một đồ vỡ toàn diện. Con người, sự vật mất hẳn. Ý thức về cõi chết là ý

thức thực tế: mỗi người đều muốn có được cái chết yên lành cho riêng mình. Vũ không nghĩ thế. Vũ hình dung cõi chết như huỷ diệt, một tai nạn hải hùng khủng khiếp với phi thuyền gãy lái, với trận lụt Hồng Thủy do cơn mưa đổ tự trời cao không bao giờ tạnh, hoặc cái chết do chính tim óc mình đòi ly khai với thể xác. Cõi chết mà Vũ tin rằng không ai được cứu rỗi dù Ma Vương hay Phật Như Lai, dù quỷ Sa-tăng hay Chúa Trời! Các vị thần linh đều bất lực vì cái chết này do chính con người tạo ra, con người phải chấp nhận hậu quả. Nói đến cái chết là nói đến niềm hoài nghi cuộc sống. Vũ nói về nó cũng tha thiết, cũng chìm đắm như nói chuyện yêu thương. Một đôi khi sự giả tưởng đưa suy nghĩ đi quá trớn, phóng đại ý nghĩa thực tế, mặc dầu trong thực tế có đôi lúc ngẫu hợp, nhưng nó không mang giá trị tuyệt đối. Nó cần thời gian và chứng nghiệm.

Vậy cõi chết Vũ hình dung thấy, phác hoạ ra, chỉ là ảo tưởng, nếu vạn nhất có thật, chắc chắn không phải là cõi chết con người thèm khát hay tình nguyện. Có chăng, nó chỉ liên hệ đến một mình Vũ với ưu tư thầm kín:

*“Cả trái tim tôi
Cũng đòi biệt thế
Nó quyết đi tìm Thượng Đế
Trên con đường không giới hạn bằng tiếng khóc trong nô
Và điệu vãn trước mồ
Nó hy vọng sẽ đích thân làm nhạc trưởng
Đánh nhịp tung bùng cho nước lửa hoà âm trắng đen hợp xướng
Cho bản đồng ca ảo tưởng
Hiện hữu vang lừng sân khấu Hư Vô...”*
(Thần nhiên, Trời một phương)

Và cơn mưa không bao giờ tạnh:

*“Còn mưa rồi sẽ đến vô cùng
Khối nước đè lên bẹp Thủy cung
Ngũ đại dương thành tên gọi hão
Năm châu vùi xuống đáy mồ chung”.*
(Kiềm toả, Trời một phương)

Sự bùng tình và ý thức khổ đau

Sau mấy chục năm dằng dẳng, Vũ ngụp lặn trong hoài vọng và ước mơ thảng thốt mong tìm siêu thoát. Hình ảnh quá khứ trôi lều bều với dư âm buồn thương lãnh đãng ở cuối trời mộng tưởng. Vũ khóc đã khô cong nguồn lệ. Vũ ôm bên lòng một mối hận cùng thán năm cách trở. Màu áo xanh năm trước đã tàn phai ý mùa Tư Mã. Bến Tầm Dương nào đó, lênh đênh dăm bảy con thuyền nát, vài nàng ca kỹ già của Bồ Tùng Linh trôi về dưới mái Liêu-Trai. Cảm thông ngàn xưa vướng mắc, Vũ bùng tình và nhận thức cuộc sống với giá trị thực thể của nó đi theo nhịp tiến hóa. Vũ không phải sống, phải ăn, phải thở, phải chịu nhiều phiền muộn về vật chất như mọi người. Vũ đau đớn tháo gỡ từng mảnh xiêm tằm vãn vương tâm tưởng. Vũ nhìn thẳng vào cuộc sống ở mỗi góc cạnh suy tư. Vũ chấp nhận thực tại tức là Vũ đã nhìn rõ vị trí kiếp người. Do đấy, lời và ý trong thơ Vũ đã chuyển hướng. Nó trình bày những hình ảnh mới với thể thơ Nhị thập bát tú.

*“Cánh tay đô thị vươn dài
Báo hoa cọp gấm tàn phai mộng rừng
Một thời hương sắc trên lưng*

Đổ theo dòng suối rừng rừng bóng tà”
(Rừng hết mùa thiêng, *Nhị thập bát tú*, Tập 2)

Hoặc:

*“Dấu mũ trên chữ A
Là chim bay lộn ngược
Trên nền giấy trắng bao la
Trùng dương dịu dàng in lấy bóng
Chim bay diu mây bay...”*

.....
*Hoả sơn cười sặc sụa
Rung chuyển vòng đai biển Thái Bình
Một lần nữa uốn cong lưỡi lửa
Ngùn ngụt thi nhau tập đánh vằn
Một phụ âm và hai nguyên âm...”*
(Khai sinh, *Trời một phương*)

Vần và ý thơ rất mới chẳng những đối với Vũ mà còn làm ngỡ người quen đọc Vũ với hàng thơ đẹp, reo vang như tiếng vó ngựa đập lưng đèo. Nhưng không phải cứ đổi mới, cứ thoát xác là xong nhiệm vụ, là tước bỏ được mặc cảm. Vũ càng đi sâu vào cái mới bao nhiêu thì niềm khổ đau lại dâng lên bấy nhiêu. Ý thức khổ đau không buông tha con người đã quá chiều ước vọng. Trong cõi mông lung của Vô Cùng, Vũ lại mập mờ nhìn thấy hình ảnh mình thất thủ trên tấm màn vân cầu. Thời gian cứ trôi bình thản theo nhịp chuyển dịch của Vũ Trụ. Con người cứ mòn mỏi theo tháng năm vô nghĩa. Sự góp mặt tạm bợ này Vũ đã biết, đã suy luận về nó rất nhiều. Bởi vậy, Vũ vẫn coi nguồn khổ não như ân sủng thiêng liêng và giá trị cõi sống không sao thoát được vùng kiềm tỏa của bấy dây tình oan nghiệt. Vũ đối diện với lửa bắc hằng đêm để soi tỏ bản thân trước số phận con người lê thê bào ảnh. Vũ uống từng giọt mật đắng chảy qua tâm trí, ngấm vào huyết quản làm khô dần ý sống. Vũ giận dữ, vùng lên nắm chặt lấy khổ đau mà nguyên rửa. Nhưng tiếng thơ oán hờn vẫn vang lên nhịp điệu thể thiết ngàn kiếp không phai:

*“Đo màu mây sớm nét mưa chiều
Đo cả hơi đàn cả tiếng tiêu
Con số ra tay đề nén mãi
Con người phận mỏng đến bao nhiêu”.*
(Phương trình số phận, *Nhị thập bát tú*, Tập 2)

Con người phận mỏng lắm nếu đem so với phương trình vũ trụ. Con người chỉ là *“hạt cát bên sông Hằng”*, cái chớp mắt, cái vi-ti-sinh-vật đối với thế giới bên ngoài. Khoa học đã chứng nghiệm sự thực bằng phát minh, bằng con số bắt mọi người chấp nhận. Vũ tức giận sự lũng đoạn của khoa học trong địa hạt tâm linh, chính vì vậy, Vũ phải mang ý thức khổ đau, có lẽ, tới khi vắng mặt!

Tiếng thở dài và ý niệm giải thoát

*“Từ khi trái đất ra đi
Lệ chia phôi đã xanh rì trùng dương...”*

Thơ Vũ là tiếng thở dài của phương Đông trầm mặc. Tiếng thở dài đó cất lên giữa vòm trời rất đổi buồn thương, ray rứt trong mỗi vần điệu. Sau những cố gắng đi tìm cho chính mình luồng

sinh khí mới, nếp suy cảm mới, rớt cuộc, tiếng nói của Vũ vẫn nguyên vẹn là niềm u uất, mệt mỏi, chán chường! Vũ muốn chìm chết dĩ vãng trong Trời-Quên-Lửa-Khói, nhưng sau mỗi cơn say tự dưới đáy vực, Vũ cảm thấy tâm hồn mình càng lún sâu xuống Địa-Ngục-Quá-Khứ. Nó quật ngã Vũ lúc nào nó muốn. Nó là định mệnh. Nó bám riết lấy Vũ với dằn vặt trường miên, với hờn thương vô độ. Nó nhập vào thơ Vũ. Nó chứng minh sự phai tàn của một thế hệ. Nó ghi dấu thời gian như vết xe lướt qua mặt đường lầy lội. Thật vô ích và xiết bao đau đớn, đêm đêm nhìn nhớ thương toả dài theo lửa khói rồi chìm lắng vào Hư-Vô câm tiếng.

Thơ Vũ là cơn đau đứt nối với số phận riêng lẻ. Thơ Vũ không chuyên chở những món hàng hợp thời trang cùng chân dung thâm trầm của chiến tranh có đây, hoặc tỏ bày thái độ trước cuộc đời hôm nay. Thơ Vũ đơn côi giữa nguồn sống đang dâng trùng trùng lớp lớp. Chính vì thế thơ Vũ tồn tại.

Niềm chia ly cách trở do núi sông, nhân thế cộng với tháng năm tủi nhục, Vũ đi tìm vùng an nghỉ cho tâm linh. Vũ muốn được giải thoát bằng ý niệm siêu hình, bằng cách phóng hồn vào *hư-không-tuyệt-đối*. Vũ đi tìm Đạo. Vũ muốn dứt bỏ cái xác phàm hệ lụy bởi cơn áo, yêu thương, hờn giận này đi. Cõi sống làm Vũ chán ngán. Vũ đã uống nó đau khổ, hút say phiền muộn! Cuộc đời nào đó có gì cho ta mong đợi?

*“Bụi đỏ phai màu nhân sự
Trang đạo lý thơ tho từng nét chữ
Mười ngón tay đan díu cõi Vô hình
Xác tục lằng lằng chờ cơn gió hiển linh
Ai xưa quên ngày tháng hát vong tình
Kìa phương Nam, hoa nở ngát lời kinh
Dằng dặc trăm luân mấy độ
Thuyền ta trôi hề ý ta bay
Sương in bóng nguyệt không mà có
Hay có mà không nhĩ gã say?”...*
(Bài ca siêu thoát, *Rừng phong*)

Ngọn lửa Từ Bi cháy ngùn ngụt giữa đường nhân thế làm sáng ngời cửa Phật, soi đường cho Vũ tìm thấy chân lý cuộc đời. Vũ dâng hiến linh hồn mình cho đấng Thích Ca, cho cõi Vô-Cùng-Siêu-Thoát. Từ lâu, Vũ nghe được tiếng cá thở than, hôm nay, Vũ đã sôi tiếng rừng cây, Vũ chỉ chờ ngày hiểu được bề sâu của lòng đất là thoả nguyện ước mơ cuối đường.

*“Nghe được từ lâu cá thở than
Hôm nay mới sôi tiếng cây ngàn
Bao giờ tôi hiểu sâu lòng đất
Là thấy đường lên cõi Niết Bàn”.*
(*Nhị thập bát tú, Tập 2*)

Là đây, niềm hoài vọng của con người Thơ qua bao nhiêu hệ lụy giờ đây còn lại người gì? Cuộc đời có, không, không, có, nào ai biết được, hay cũng chỉ như:

*“Ca trùng lửa đóm
Cũng hoàn phần hư không dù lẳng ngà cỏ khô...”*
(Tụng kinh kha)

*

Cách đây 27 năm, vào buổi tối đầu thu, thành phố Hà Nội vừa lên đèn. Gió từ bờ Hồng Hà thổi nghe thấm lạnh. Những chiếc lá đầu mùa đã thả xuống lề đường làm duyên cho thành phố. Nguyễn Đức Nùng, người bạn cùng trường đưa tôi đến gặp Vũ Hoàng Chương tại một căn nhà cổ, sau đến Bà Kiệu. Đến nơi tôi gặp thêm Đinh Hùng, Lê Trọng Quý cùng vài ba bạn khác. Căn nhà thấp, rất thấp, tối om om. Đó đây từng ngọn dạ đăng cháy lập lòe không soi tỏ mỗi khuôn mặt. Tôi được giới thiệu với Vũ và các bạn. Hình ảnh đầu tiên ghi nhận ở Vũ, đến hôm nay còn in rõ trong tôi như vết tích không phai với thời gian, đó là một thanh niên mảnh mai chìm khuất dưới bộ bà ba trắng đã ngả màu, nằm nghiêng bên ngọn dạ đăng ma quái. Vũ đưa mắt nhìn tôi mà tôi tưởng như Vũ nhìn vào khoảng trống. Đôi mắt ấy toát ra ánh sáng kỳ lạ. Nó lóe lên giống tia chớp rồi vụt tắt giữa màu mây nặng trĩu hơi mưa. Vũ nằm bất động như thiếp vào cơn mơ bỏ dở. Hương nha phiến chập chờn quẩn rũ. Lát sau nghe chừng đã hả cơn say, Vũ mời tôi vào thăm quê Nâu. Tôi từ chối. Vũ nhếch môi cười – *“Toa” không chịu vui với anh em thì đến đây làm gì?* Tôi định trả lời, tôi đến vì mê thơ chứ không vì mê khói. Nhưng Nùng đã vội nói – *“Moa” biết, nó chỉ thích thể thao và con gái thôi. Mặc nó!* Tôi bẽn lẽn ngồi như cậu bé bị kể tội. Lê Trọng Quý nằm gần đây, cất tiếng ngâm thơ. Giọng ngâm của Quý sang sảng, ấm lạ thường. Tiếng thơ diu theo khói thuốc gây cho tôi ấn tượng là lạ vì chưa một lần được biết. Quý ngâm bài “Mười hai tháng sáu” trong tập *Mây* của Vũ, do nhà Đời Nay vừa xuất bản. Chính thi phẩm này đã đưa Vũ lên tột đỉnh của trời Thơ thuở ấy. Vũ gõ que sắt vào thành chén giữ nhịp, đôi mắt nhắm lại như không muốn thấy sự vật xung quanh. Tôi biết Vũ đang trở vào giấc ngủ mười năm lỡ dở. Tiếng ngâm của Quý vút lên nhưng bị ngăn trở bởi kích thước không gian nhỏ hẹp nơi đây nó dội lại, trở thành chua chát, náo nề. Tôi choáng váng rồi thoát mình nhập vào không khí cuồng say lúc nào chẳng biết.

Từ buổi ấy, chúng tôi là bạn. Chúng tôi thường gặp nhau, nhưng không một lần, Vũ mời tôi chung say nữa. Tôi mê thơ Vũ đến nỗi thuộc hết tập *Mây* lúc nào không hay. Tôi còn thích Vũ ở lối ăn mặc đặc biệt. Vũ thường mặc áo gấm màu lam, đi giày ta, mang khăn xếp, tay cầm quạt và luôn luôn có đem theo cuốn *Liêu trai chí dị* của Bồ Tùng Linh bằng chữ Hán. Vũ đi thất thểu, chậm rãi với phong độ nho gia. Sau đó ít lâu Vũ về quê nhà ở Nam Định.

Băng đi một dạo, cho tới năm kháng chiến thứ ba, tôi mới gặp Vũ tại Đống Năm thuộc tỉnh Thái Bình, nhân buổi họp mặt Văn Nghệ. Vũ vẫn thế, chiến tranh không làm Vũ đổi thay từ bản thân tới suy nghĩ. Chiếc áo gấm năm xưa đã phai màu gió bụi trường chinh, nhưng phong cách Vũ vẫn y nguyên. Trong thời gian ấy, Vũ làm thơ một phần để tỏ bày thái độ, một phần để nguôi ngoai tâm sự.

*“Mới hôm nào gác Di Năm
Lời thơ ai đẹp tiếng cầm ai say
Tang thương một cuộc ai bày
Giấc Thiên Thai để trắng tay Lưu Thần
Xa Cổ đô vắng cổ nhân
Trái tim mềm trĩu hai lần nhớ thương...”*

Lần này chính Vũ ngâm cho tôi nghe trong một quán nước bên bờ đê. Giọng ngâm của Vũ ấm đục, thê thiết như vương nghẹn bởi sương khói quê Nâu. Vũ ngâm thơ như khóc, như hờn tủi, như cơn đau xé ruột.

Qua những giờ giao cảm ngắn ngủi đó, chúng tôi lại chia tay với bụi ngùi cách trở, kháng chiến vẫn kéo dài bước chân tuổi trẻ.

Đến năm 1951, chúng tôi lại thấy nhau ở Hà Nội. Vũ cho biết đang viết vở kịch thơ *Tâm sự kẻ sang Tần*. Trong vở kịch thơ này Vũ đã gửi gắm tâm sự mình không ít xuyên qua nhân vật Cao

Tiệm Ly. Vũ đã viết 6 vở kịch thơ, mới in 4 và 14 thi tập. Trong số có tập *Cảm thông* do Nguyễn Khang dịch sang Anh ngữ và *Nhị thập bát tú* được Simone Kuhnen de la Coeuillerie dịch sang Pháp ngữ với lời tựa của thi hào Ý Lionello Fiumi, cùng một tuyển tập cũng do S.K. de la Coeuillerie dịch với minh họa của Suzanne Bomhals và phụ bản của Ysabel Beas. Cuốn *Tuyển tập* được giáo sư André Guimbretière đề tựa. Thơ Vũ đã vượt biên giới để hoà mình với thi ca thế giới.

Nhưng viết về Vũ mà bỏ quên hình ảnh người đàn bà mang tên Oanh – người bạn đời của Vũ – kể như thiếu sót. Người đàn bà ấy nổi danh tài sắc một thời – đã cùng lên đèn, chìm nổi theo số phận Vũ. Người đàn bà ấy có tình thương yêu vô lượng, có sức chịu đựng phi thường. Sự nghiệp của Vũ hôm nay được thành quả, một phần cũng bởi lòng hy sinh cao cả và ý chí sắt son của tâm hồn khả kính ấy. Trong suốt mười mấy năm thi phẩm, Vũ chỉ nhắc đến tên Oanh có một lần, trong tập *Hoa đặng*. Nhưng thật ra, bóng dáng ấy phảng phất có mặt trên mọi trang thơ vì nó đã dính liền vào thịt da, vào huyết mạch Vũ từ lâu rồi. Vũ rất nhạy cảm nên dễ giận hờn. Thực phẩm trần gian quá đắng cay, Vũ phải ẩn nấp vào trời *Mây* để tìm hương vị ngọt ngào cho cuộc sống riêng tư.

Việc nhận diện Vũ Hoàng Chương không mấy khó. Cái khó là viết về người bạn thân. Tôi băn khoăn, phân vân trước khi viết vì tự nghĩ mình không đủ sáng suốt để tìm hiểu Vũ với cái nhìn vô tư chẳng?

Nhưng đến lúc này, tôi cảm thấy vui nhẹ đôi vai.

Đình Hùng, Vũ Hoàng Chương, những nhà thơ không... nhà ! Tô Kiều Ngân

Lịch sử văn học Việt Nam đã ghi nhận tên tuổi họ, nhưng trong biến thiên của lịch sử dân tộc không ít văn thi sĩ tên tuổi phải chìm nổi cùng vận mệnh đất nước.... Đình Hùng và Vũ Hoàng Chương là những nhà thơ nổi tiếng từ hồi "phong trào thơ mới". Họ đều là những "đại gia" trong làng thơ nhưng cả hai, không ai tự tạo được cho mình một mái nhà mà suốt đời toàn đi ở nhà thuê. Năm 1954, khi vào Sài Gòn, hai người thuê một căn nhà lợp tôn, vách ván tại xóm Hòa Hưng. Vũ Hoàng Chương cùng vợ ở trên gác, dưới nhà là tổ ấm của gia đình Đình Hùng.

Nhị vị này là anh em: Vũ Hoàng Chương lấy chị ruột Đình Hùng là bà Đình Thị Thục Oanh nên hai nhà sống chung với nhau trong bước đầu nơi xứ lạ, quê người là điều dễ hiểu. Tuy nhiên thực tế lại rất... khó sống. Quen với cảnh "miếu nguyệt, vườn sương", "cách tường hoa ảnh động" nay phải giam mình trong căn gác gỗ nóng hầm hập, hơi nóng từ mái tôn phả xuống như muốn luộc chín người, Vũ Hoàng Chương cảm thấy nguồn thơ đang bị nắng Sài Gòn làm cho khô cạn. Dưới nhà, Đình Hùng cũng chẳng hơn gì, anh cũng đánh trần ra, vừa quạt, vừa nắm viết "Kỳ Nữ gò Ôn Khâu", "Đao phủ thành Đại La" cho các nhật báo Sài Gòn thời đó. Ngoài viết tiểu thuyết dài từng kỳ, anh còn vẽ tranh vui và giữ luôn mục "Đàn ngang cung" là mục thơ trào phúng ký tên Thần Đấng.

Vũ Hoàng Chương dạy học tại trường Văn Lang. Đình Hùng viết báo và bình thơ tại Đài phát thanh. Cả hai kiếm tiền không đến nỗi chật vật nhưng cả hai đều không tựu được cho mình một mái ấm là vì họ trót dính đến nàng tiên nâu nên kiếm tiền bao nhiêu đều tan thành mây khói. Để kiếm một chỗ ở thoải mái hơn họ Đình và họ Vũ tạm chia tay nhau, mỗi gia đình đi thuê một nơi ở khác. Tác giả "Thơ Say" dọn về chợ Vườn Chuối (đường Nguyễn Đình Chiểu bây giờ). Họ

Đình thì mượn một căn gác hẹp ở xóm lao động gần đường Frères Louis (trước 1975 là đường Võ Tánh, nay là Nguyễn Trãi). Xóm lao động này có ngõ dẫn ra đường Lê Lai. Con đường nằm bên cạnh ga xe lửa Sài Gòn, hồi đó chưa lập thành công viên như bây giờ, quang cảnh còn rất vắng. Chỗ ở mới cũng không hơn gì căn nhà ở xóm Hòa Hưng, chật hẹp, tối tăm, nóng bức. Mỗi lần xong việc ở đài phát thanh, Đình Hùng thường rủ chúng tôi về nơi anh ở, không phải ở nhà anh mà là họp nhau tại một quán rượu ở gần nhà, đường Lê Lai. Đường này thường đêm vắng ngắt, có lần uống say, Đình Hùng cao hứng mở cuộc thi... bò ra đường xem ai bò nhanh. Thế là Thanh Nam, Tô Kiều Ngân, Đình Hùng, Thái Thủy, Hoàng Thư, Quách Đàm... hăng hái tham gia môn vận động chưa từng diễn ra ở bất cứ vận động trường nào! Bò xong rồi nằm lăn ra đường, vừa đọc thơ, vừa cười.

Ít lâu sau, Đình Hùng lại đổi nhà. Lần này anh thuê được một căn gác, nhà tường hần hoi, tại đường Trần Văn Thạch, gần chợ Tân Định, nay đổi tên là Nguyễn Hữu Cầu. Nhà lợp ngói lại ở mặt tiền nhưng vào nhà chẳng thấy bàn ghế gì, chỉ thấy một chiếc giường nằm chính ỳnh ngay giữa nhà. Trên giường chất chồng đủ thứ: mền gối, sách vở, ấm chén và có một thứ không thể thiếu đó là chiếc bàn đèn thuốc phiện. Đình Hùng nằm lọt thỏm vào giữa "giang sơn" của anh, vừa "diu hồn theo cánh khói" vừa tìm ý thơ. Tác giả "Đường vào tình sử" có thói quen nằm mà viết. Anh nằm vắt chân chữ ngũ, đặt tập giấy lên đùi. Có lẽ lâu ngày nên quen, trong tư thế đó, chữ viết anh vẫn bay bướm, rõ ràng, không dập xóa, trang bản thảo nào cũng sạch sẽ, xinh đẹp. Khi cần đi đâu, họ Đình lại vớ lấy chiếc sơ mi đã mặc bốn, năm hôm trước, quàng bên ngoài chiếc áo vét cũ, cà vạt đàng hoàng. Tắm ư, chỉ cần vào "toa-let" mở nước ở "la-va-bô", nhúng đầu vào bồn nước rồi hắt lên, chảy xơ qua là xong. Trông Đình Hùng lúc nào cũng ăn mặc chỉnh tề nhưng đừng ai ngòì quá gần anh, vì anh ít khi... tắm.

Vũ Hoàng Chương lại đổi nhà một lần nữa. Lần này anh mượn nhà ở đường Nguyễn Khắc Nhu, ở gần nhà Bình Nguyên Lộc. Tuy được đi dự Hội nghị Thi Ca quốc tế ở nước ngoài, có thơ dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp, tiền kiếm được có thể mua một căn nhà bực trung nhưng họ Vũ vẫn đi ở nhà thuê. Vào các năm 1973 - 1975, vợ chồng anh được nữ sĩ Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội mời về cho ở một căn gác tại toà biệt thự đồ sộ của bà ở đường Nguyễn Trọng Tuyển. Nói là cho ở nhưng họ Vũ phải trả tiền điện, tiền nước và tiền điện thoại. Anh đặt tên chỗ ở mới này là "Gác Mây". Nơi đây, tôi và bạn bè đã có lần uống rượu với Vũ Hoàng Chương, nghe anh đọc thơ Tuy Lý Vương và phát hiện ra cái thôn Vỹ Dạ ở Huế đã đi vào thơ Hàn Mặc Tử không phải là Vỹ Dạ mà là Vỹ Dã (cánh đồng lau). Nhưng rồi Vũ Hoàng Chương cũng không an trú lại "Gác Mây" được bao lâu. Sài Gòn giải phóng, bạn bè cách mạng của chủ nhân Mộng Tuyết vào ra thăm bà tấp nập; có lẽ thấy sự hiện diện của Vũ Hoàng Chương ở tại nhà mình có sự không tiện nên bà đánh tiếng để họ Vũ dọn đi. Phải đi thôi nhưng phải đi đâu? Thời buổi khó khăn, tiền đâu để đặt cọc, thuê nhà? Anh đành dắt díu vợ con về tá túc tại căn nhà bé bằng bàn tay của bà quả phụ Đình Hùng bên khu Khánh Hội.

Đình Hùng ra đi trước Vũ Hoàng Chương. Anh mất vì bệnh ung thư tại bệnh viện Bình Dân, an táng tại nghĩa trang Mạc Đình Chi. Đám tang trọng thể. Thuở sinh thời, Đình Hùng từng viết trong thơ:

*Khi tôi chết các em về đấy nhé
Cầm tấm lòng tri ngộ với nhau xưa
Tay cầm hoa, xoắn tóc đến bên mồ...*

Điều mong ước đó, kỳ diệu thay lại biến thành hiện thực: trong đám tang của anh người ta thấy có hai chục cô thiếu nữ mặc áo trắng, xoắn tóc, tay cầm hoa lặng lẽ sắp hàng đi theo linh cữu. Họ đến bên mồ và lặng lẽ thả những bó hoa xuống lòng huyệt, ngậm ngùi tiễn đưa người thi sĩ. Hiện tượng này không do một sự sắp đặt mà do một cảm ứng tự nhiên. Đình Hùng mất rồi, vợ

anh phải trả căn nhà ở gần chợ Tân Định lại cho chủ. Đang chưa biết ở đâu thì may thay, một vị tướng quân hồi đó, rất yêu thơ mà lại có chức quyền nên đã vận động cấp cho bà quả phụ Đinh Hùng một căn nhà ở khu Khánh Hội. Bà Đinh Hùng với con trai là Đinh Hoài Ngọc không thể ôm một căn nhà lớn để mà nhịn đói nên đã bán căn nhà đó đi rồi rút lui vào vùng sâu, vùng xa của bến Phạm Thế Hiển lúc đó còn đìu hiu lau lách, dựng một mái chòi để sống qua ngày. Chính nơi đây, Vũ Hoàng Chương đã cùng vợ con sống chui rúc những ngày cuối đời của anh trước khi "được" đưa đến ở một toà nhà to lớn, kiên cố, có lính gác ngày đêm, đó là... khám Chí Hoà! Vũ Hoàng Chương bệnh hoạn, suy sụp rất nhanh nên ít lâu sau khi được thả ra, anh lặng lẽ ra đi. Đám tang anh cũng cử hành trong lặng lẽ, nghèo nàn, hiu hắt. Năm 76, vừa giải phóng Sài Gòn xong, mọi người còn bận rộn với những vấn đề to lớn, đa số bạn bè và người hâm mộ anh kẻ đi tập trung cải tạo, kẻ đi nước ngoài, người còn lại thì do không biết tin anh chết nên đám tang anh chỉ thừa thớt dăm người đi đưa, trong đó có nhà thơ Bằng Bá Lân và Tôn Nữ Hỷ Khương.

Mười năm sau, 1986 mộ Vũ Hoàng Chương được cải táng về chôn tại nghĩa địa của chùa Giác Minh tại Gò Vấp. Suốt một đời lận đận vì nỗi không nhà, giờ đây hai con người tài hoa kia đã có một chỗ ở trang trọng, miên viễn đó là chỗ ngồi lâu bền trong văn học sử và điều an ủi lớn nhất là họ còn sống mãi trong tâm hồn những khách yêu thơ.

Vũ Hoàng Chương không nhà Nhật Tiến

(trích *Trung tâm Văn Bút Việt Nam 1957-1975*
của nhà văn Nhật Tiến)



Thi sĩ Vũ Hoàng Chương
(1916-1978)

Người giữ chức vụ Chủ Tịch Văn Bút sau nhà văn Đỗ Đức Thu và nhà văn Nhất Linh là nhà thơ Vũ Hoàng Chương. Ông luôn luôn mặc chiếc áo dài ta màu đen, hoặc áo choàng kiểu tu sĩ màu nâu. Vào mùa Hạ, khi đi họp ông còn phe phẩy cái quạt giấy nom rất là... đạo sĩ. Thân hình ông éo lả, nước da xanh xao, ít khi thấy hồng hào. Ông có một cử chỉ rất duyên dáng là khi ngồi trước cử tọa để diễn thuyết, mỗi khi mở một trang giấy ở trước mặt thì ông lại thè lưỡi liếm bàn tay trước khi mở giấy, y như thể mỗi khi đếm tiền, lúc khô nước người ta phải nhấm lưỡi lên ngón tay cho ướt. Riêng nhà thi sĩ thì chơi nguyên cả bàn tay khiến khán giả vừa thích thú vừa cười bò. Sau này, trong vai trò Cố vấn Văn Bút, Thi sĩ cũng vẫn rất siêng năng đi họp. Ông ngồi đấy nhìn những đàn em với cặp mắt hiền từ, bao dung như sẵn sàng chia sẻ với mọi người trong các vấn đề đang bàn thảo.

Trong dịp thi sĩ đi dự Hội Nghị Quốc Tế Văn Bút lần thứ 33 ở Bled, Nam Tư tháng 7-1965, ông có thuật lại cuộc phỏng vấn do các nhà báo ở Áo và Đức thực hiện.

Xin trích đoạn bài phỏng vấn của Lê Phương Chi như sau:

“Tôi tìm đến nhà ông Vũ Hoàng Chương vào một buổi tối. Sau khi ghi chép những tài liệu về cuộc Hội Nghị Quốc Tế Văn Bút lần thứ 33 (33è Congrès de L’International P.E.N.), tôi hỏi:

- *Xin ông cho biết cuộc phỏng vấn của các nhà báo bên ấy, ông đã trả lời với họ những gì? Ông còn nhớ tên những nhà báo ấy không?*

- Có chứ! SALZBURG, VIENNE, GRAZ (các nhà báo này đều ở Áo và ở Đức). Họ vây tôi có trên 20 người. Họ phỏng vấn và thu trực tiếp vào máy ghi âm (magnétophone). Họ hỏi nhiều vấn đề linh tinh xoay quanh thời cuộc Việt Nam. Nhưng tôi khước từ bằng câu nói: “Tôi sang đây với nhiệm vụ về văn hóa, xin được phép trả lời các ông ở phạm vi ấy.” Bấy giờ họ mới chịu hỏi:

- *Tình hình sáng tác ở Việt Nam ra sao? Có được tự do tư tưởng không?*

- Ở nước chúng tôi sáng tác hoàn toàn tự do nhưng vấn đề phổ biến tác phẩm thì chật vật vì tình trạng chiến tranh.

- *Nước ông có nhiều văn sĩ nổi tiếng không?*

- Ở nước chúng tôi đã có rất nhiều văn tài. Nhưng sự nổi tiếng còn lệ thuộc vào vấn đề ngôn ngữ. Ngôn ngữ của các nhà văn ấy có phải là thứ ngôn ngữ được truyền bá rộng khắp hay không. Do đó tiếng Việt chúng tôi không thể phổ biến bằng các thứ tiếng Anh, Pháp, Mỹ, thì lẽ dĩ nhiên các nhà văn trong nước chúng tôi cũng không thể sánh được với các nhà văn Anh, Pháp, Mỹ về vấn đề nổi tiếng.

- *Tác phẩm trong nước ông có được dịch ngoại ngữ nhiều không?*

- Trước đã có, như truyện Kiều của cố văn hào Nguyễn-Du; nhưng gần đây thì phát triển mạnh. Về tiểu-thuyết thì đã có tác phẩm của cố văn-hào Nhất-Linh là nguyên Chủ-tịch của Trung-tâm Văn-bút chúng tôi; về thi ca cũng có cả tập thơ của tôi đã được dịch sang Anh, Pháp ngữ nữa.

- *Các ông có dịch tác phẩm của Tây phương không?*

- Có chứ! Chúng tôi đã dịch thơ của thi-hào LAMARTINE, truyện của Honoré de BALZAC, kịch của SHAKESPEARE, CORNEILLE; và gần đây là các tác phẩm của Ernest HÉMINGWAY, William FAULKNER, Albert CAMUS v.v.

- *Thử đọc một đoạn đã dịch ra tiếng nước ông xem thế nào?*

- Đáp: Đây là mấy câu trong bài Le Lac của Lamartine:

Trôi đi mãi con thuyền phiêu mạn

Khoảng đêm dài vô hạn bờ vờ

Mênh mông xa bến lạ bờ

Bỏ neo đừng lại một giờ được chăng?

Nguyên văn là: *Ainsi toujours pousses de la nouveaux rivages. Dans la nuit éternelle emportées sans retour, Ne pourrions-nous jamais sur l’océan des âges, Jeter l’ancre un seul jours?* (bài này tôi dịch đã lâu lắm rồi, may sao bây giờ tôi lại nhớ ra).

- *Còn về thi ca cổ điển, ai nổi tiếng nhất trong nước ông?*

- Đáp: Cố văn-hào Nguyễn-Du với tác-phẩm Truyện Kiều làm bằng văn vần; đã có nhiều bản dịch sang Anh và Pháp ngữ, từ thời tiền chiến.

- *Xin tóm tắt tác phẩm ấy và đọc cho nghe thử mấy câu bằng tiếng của nước ông.*

- Đáp: Đây là câu truyện kể về cuộc đời luân lạc của một thiếu nữ tài hoa bạc mệnh v. v.

Trăm năm trong cõi người ta

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

(tôi ngâm 6 câu tắt cả)

(...)

Suốt thời gian ở Văn Bút trước 1975, nghĩ đến ông bao giờ chúng tôi cũng có những hình ảnh thân thương, êm đềm, tốt đẹp nhưng chỉ đến khi có biến cố 30-4-1975 thì mới thêm những ý nghĩ chua xót ngậm ngùi qua lời kể về ông của nhà văn Mai Thảo như sau:

(trích)

“... – Khi nhóm nhà văn nhà thơ tiền chiến theo Đảng đã đủ mặt ở Sài Gòn, họ đến gặp Lê Tràng Kiều, Bằng Bá Lân, Quách Tấn, cả Vũ Bằng nữa, mà không một ai chịu tới thăm nữ sĩ Mộng Tuyết ở Úc Viên biệt thự. Là phụ nữ, lại thiếu cao ngạo, thiếu bản lĩnh, sự “tẩy chay” này khiến Mộng Tuyết rất đổi lo sợ. Nữ sĩ hốt hoảng đi tìm hai người viết nằm vùng là Sơn Nam và Vũ Hạnh để tìm hiểu lý do.

Bà than:

– Năm 1934, tôi đã được giải thưởng thơ của Tự Lực Văn Đoàn. Các anh Xuân Diệu, Thế Lữ bao nhiêu năm vẫn giao du với tôi và Đông Hồ rất thân thiết. Tôi lại chỉ làm thơ vịnh hoa, vịnh trăng, không chống cộng, chống cách mạng. Nay các anh ấy vào, đi thăm hết cả mà không một ai đến tôi là làm sao? Tôi có tội phải cho tôi biết chứ!

Vũ Hạnh lắc đầu:

– Chị được coi là không có tội. Các đồng chí không tới thăm chị chỉ vì Vũ Hoàng Chương hiện đang ở nhà chị đó!

Lần chót tôi (Mai Thảo) tới Gác Mây, nhà của Mộng Tuyết, Vũ Hoàng Chương thuật lại nguyên nhân trường hợp Mộng Tuyết bị tẩy chay cho tôi nghe. Ông nói:

– Tao không trách Mộng Tuyết. Chẳng thể bình tĩnh thản nhiên như mình được. Vợ Đinh Hùng lên nhiều lần, lần nào cũng khẩn khoản mời vợ chồng tao về ở cùng, nói sống chết thế nào còn có nhau. Chính tao cũng đã định về phường Cây Bàng từ lâu. Chỉ ngại dọn nhà. Gặp Vũ Hạnh xong, Mộng Tuyết không dám nói rõ sợ tao giận, nhưng tao đã hiểu. Mà nghĩ tao có nên rời khỏi Gác Mây của Mộng Tuyết không?

Đó là một tòa biệt thự lạnh lẽo. Hai cánh cổng sáng chiều đóng chặt. Một nữ chủ nhân hoang mang lo sợ trước đổi đời. Thời thế tối tăm, hung dữ đã giết chết cái không khí thanh lịch, đài các của hoa Lan, hoa Quỳnh. Gác Mây đâu còn là Gác Mây nữa. Úc Viên biệt thự tầm thường đâu còn xứng đáng là chỗ ở của thi bá. Từ ngày Vũ Hoàng Chương bị làm khó ở căn nhà vách ván lụp xụp ở khu Bàn Cờ, rồi Mộng Tuyết hết lời mời mọc, thi sĩ đành tới nhờ Úc Viên, có Gác Mây. Trong truyền thống những thi sĩ lớn của dòng thơ Việt mọi thời, hoàn cảnh đời sống hàng ngày của Vũ Hoàng Chương phải được trải mãi trên tấm thảm gấm của Bàn Bách và Đạm Bạc như trên tấm thảm ấy đã Tú Xương, đã Tản Đà, đã Nguyễn Bính, đã Đinh Hùng, đã Hàn Mặc Tử. Tôi mừng rỡ:

– Bọn nó khởi sự làm khó mày rồi đấy. Làm khó từ chỗ ở trước. Ở đây ra vào kiểu cách, khó chịu lắm. Về phường Cây Bàng đi. Ngại dọn nhà sẽ có bạn bè đến dọn.

Vũ Hoàng Chương thật sự có vẻ vui thích trước ý nghĩ ông về sống trên căn gác xép ngày trước của Đinh Hùng. Ông đã gần Đinh Hùng một đời. Bây giờ gần thêm nữa. Và tôi chia sẻ với ông niềm sung sướng đó. Ông nói:

– Một tuần lễ nữa, tao đi.

Năm ngày sau tôi trở lại Úc Viên, để thấy Vũ Hoàng Chương đã đi sớm hơn ông đã hẹn. Hai ngày trước, một nhóm sinh viên Luật yêu thơ ông, trước là học trò ông, tới thăm thầy đã đi mượn xe, khuôn đồ đạc dùm thầy xuống khỏi Gác Mây, hộ tống thầy dọn đi rồi. Lần trở lại Úc Viên này, tôi không vào. Chỉ đứng lại với Mộng Tuyết ít phút ở cổng. Mộng Tuyết có vẻ ngượng:

– Anh Chương đi rồi. Giữ ảnh ở thêm ít ngày thế nào cũng không chịu.

Tôi không giấu được buồn bã:

– Từ phút anh Chương rời khỏi đây, Hà Nội đã chấm dứt tầy chay chị rồi chứ? Nhưng ai đã tới thăm chị rồi? Chúng mình cùng một cảnh ngộ, đã sống thân thiết với nhau mấy chục năm trời, bây giờ chết cũng phải tình nghĩa cố kết hơn lúc nào hết. Cho họ khỏi coi thường. Không ai đến thăm thì thôi. Chị đã bảy mươi tuổi, còn sợ gì nữa?

Về sau tôi được biết Vũ Hoàng Chương về phường Cây Bàng buổi chiều thì ngay buổi tối ngày hôm đó, Vũ Hạnh chở Vespa Xuân Diệu tới thăm Mộng Tuyết. Rồi hôm sau, Huy Cận, Chế Lan Viên tới. Khi Mộng Tuyết nói thi sĩ đã rời khỏi Gác Mây, đám nhà thơ miền Bắc đặc biệt đổ kỵ với riêng ông chỉ vì trời thơ hai miền hào quang ông át lấn mọi hào quang khác, đã giả vờ tỏ vẻ hối tiếc là không biết trước để tới thăm thi sĩ sớm hơn...”
(ngưng trích)

Ngày 13 tháng 4 năm 1976, Nhà Nước CS bắt giam Ông đưa vào khám Chí Hòa. Rồi vì bệnh nặng, ông được thả về, nhưng chỉ 5 ngày sau tức ngày 6 tháng 9 năm 1976 thì ông từ trần, để lại mấy bài thơ làm trong tù như sau:

Văn tự Hà Tăng vi ngã dụng
Cơ hàn bất giác thụ nhân liên -
Nguyễn Du
Chẳng dùng chi được văn tài
Thân này lụy áo cơm ai bất ngờ.
Phút giây chết điếng hồn thơ
Nét đau mặt chữ đến giờ còn đau
Chắc gì ba trăm năm sau
Đã ai vào nỗi cơn sâu trăm dẫy
Nếu không cơn cơn áo dẫy
Như thóc nào thối rỗng rỗng dẫy
Chết theo vào cõi lũng chung
Sống từng mảnh rớt mề tằm khúc ruột
Kìa chửa say ngọt mề tôi.
Khúc đũa lờ lờ mảnh đời Thi Vương
Chí Hòa - 1976.
V.H.C.

Văn tự hà tăng vi ngã dụng
Cơ hàn bất giác thụ nhân liên.
Nguyễn Du

Chẳng dùng chi được văn tài
Thân này lụy áo cơm ai bất ngờ
Phút giây chết điếng hồn thơ
Nét đau mặt chữ đến giờ còn đau.
Chắc gì ba trăm năm sau

Đã ai vào nổi cơn sầu nằm đây
Nếu không cơn đọa áo đầy
Như thân nào thịt xương này bỗng dưng.
Chết theo vào đến lưng chừng
Say từng mảnh rớt mê từng khúc rơi
Nửa chiều say ngất mê tơi
Khúc đầu lơ lảo mảnh đời Thi Vương.
Chí Hòa 1976
V.H.C

Trong khám Chí Hòa

Thấm thoát vào đây tháng đã tròn,
Lông hồng gieo xuống nhẹ như non,
Một manh chiếu nát, thân tơi tả,
Nửa bát cơm hôi, xác mỗi mòn.
Ngày đến bữa ăn thường nhớ vợ,
Đêm về giấc ngủ lại thương con.
Dẫu bao nước chảy qua cầu nữa,
Hồ dễ gì phai được tác son.
1976 – Vũ Hoàng Chương



Bà Đinh Thục Oanh – Vũ Hoàng Chương, phu nhân trước ban thờ của cố Thi sĩ.

Tưởng niệm Vũ Hoàng Chương Mai Thảo

LTS. Những dòng dưới đây của Mai Thảo kể lại một buổi họp mặt văn nghệ tại nhà Vũ Hoàng Chương, có lẽ là lần cuối cùng, mà chúng ta còn biết được trước khi miền Nam sụp đổ.

25.1.75

Cùng trở lại Út Viên biệt thự với Cung Tiến, Phan Lạc Phúc, Thái Tuấn, Hoài Bắc, Thanh Nam. Trao tận tay Vũ số tiền 600 ngàn đã trừ mọi phí khoản thu được về đêm thơ ở Khánh Ly trà

thất. Tóc Vũ như tóc thẳng bờm, bờm hết mọi sợi. Chân cẳng Vũ, hai cái ống trúc, làm khảng khiu cả một vùng cầu thang. Bàn ghế đẹp, theo yêu cầu. Chiều trải trên nền phòng. Cảnh tượng tháo giầy cùng dăm thế ngồi dân tộc tính gọi không khí một hộp mặt tiền chiến của đám thi sĩ Tiểu Thuyết Thứ Bảy đầu bù tóc rối.

Vũ nhận gói bạc, hơi ngỡ ngàng. Nhiều thế này. Cho cảm ơn cả nhé. Đoạn, chia mấy tờ giấy: đây, cảm đề ít hàng đêm thơ tao. Chúng tôi truyền tay nhau hai cái tử tuyết. Cửa chị Mộng Tuyết, giấy vàng ngà quý phái, nét chữ nhi nữ thanh nhã:
*Thế kỷ lắm hay đã chẳng lắm
Mà nghe bốn bể vọng thanh âm
Duyên thơ gợn sóng trên tơ nhạc
Đồng điệu hòa lên khúc cảm tâm*

Cửa Vũ:
*Thế kỷ đang còn một góc thôi
Mà duyên nhiều thế ư hai mươi?
Đêm thơ quán nhạc tình tri kỷ
Tận thế rồi men cũng chẳng vơi.*

Rồi, trong hoàng hôn Tây Bắc Sài Gòn, sự quây quần chung quanh một bữa nhậu thanh đạm dọn trên mâm đồng. Chuyện mở vào thơ, tất nhiên. Gọi về Thâm Tâm. Rủ Nguyễn Bính tới. Cho Xuân Diệu, Huy Cận, ngồi ghé một mép chiếu. Nhấp một ngụm rượu của thời bây giờ, thả ngược cái ngà ngà hậu sinh nơi mình, tới những xứ thơ, những cõi thơ đã tịch lặng, tôi vỡ lẽ được một điều thơ này là phải ở thật sâu và xa trong mịt mù tịch mịch, những bài thơ bất hủ mới sáng chói tới cùng độ ánh sáng, trong suốt tới cùng độ trong suốt. Như cái hiện tượng một vật thể có phản chiếu, khi đã ở thật cao trên thượng tầng không khí, không còn bị khí quyển độc vẫn che lấp, vật thể đó mới cực điểm hào quang. Nghe Vũ vừa đọc vừa dẫn giải một số hạt ngọc của thơ nghìn cũ, tôi theo chân bạn, đẩy nhẹ cánh cửa Tịch Mịch, lọt được vào một cõi thơ Đường nguy nga những hạt vàng. Đứng lại, kính thành, trước từng bài thơ Đường nâng đầy tình, nghĩa, tri kỷ, bằng hữu lên thành khí phách trí thức và hoài bão một đời, thần giao cách cảm trong khoảnh khắc với những Giang Nam trắng nước, Tô Châu núi non, Động Đình dương liễu, bỗng thấy được, dầu rất đổi mơ hồ, thế nào là trạng thái linh hiển của ngôn ngữ trác tuyết. Phi phàm, hiển thánh, siêu việt. Chỉ có thơ, ở những thăng hoa tột đỉnh, tất nhiên xứng đáng những danh xưng này. Và tài năng. Bất chấp mọi phán đoán, tài năng, một giá trị tương đối, hàm hồ, lại là cái đích thực, hiển nhiên nhất của mọi giá trị mặt đất. Lặn ra khỏi những lớp lớp từng từng giá trị hư ngụy và đầy ngờ vực khác, tài năng sáng chói, dù dưới nghìn thước sâu. *Như lân tinh trong búi cỏ về đêm.* Tô Thùy Yên.

(Văn, 14.2.1975)

Thơ Xuân Vũ Hoàng Chương

Đặng Tiên

Gửi chị Thục Oanh

Xuân đã đem mong nhớ trở về

Câu thơ Nguyễn Bính, ý thường thôi. Lời e cũng thường thôi. Nhưng dư vang vô tận, xoáy sâu vào tâm tư khách xa quê, nhất là những kẻ không có ngày về. *Xuân đã ...* đau lòng một chữ **đã**. Xuân đã. Người chưa. Những lối làng và những bề bàng.

Lần này, ở đây, *Xuân đã đem mong nhớ trở* về Vũ Hoàng Chương, người bạn thơ, bạn kịch cũ càng với Nguyễn Bình *Lỡ Bước Sang Ngang*.

Mùa xuân thương nhớ mùa Xuân.

Nói đến thơ xuân Vũ Hoàng Chương, cái bồi hồi lẫn chút buồn. Có hay không có, mùa xuân trong thơ đáng trích tiên, đã tự giam thơ giam đời trong mười chữ :

*Xuân đời chưa kịp hưởng
Mây mùa thu đã sang ?*

Nhà thơ đã tự tình như thế, ở tuổi chưa đến ba mươi, trong tập thơ **Mây**. Người còn giảng to tâm sự

*Xuân có sang mà hoa không tươi
ý ngát hoài chẳng hề tuổi chóng ba mươi
Nằm say ngủ lạnh
Buồn nghe mưa rơi
Tuôn châu oà bật lên cười
Ta có là ta chẳng hề Ai chớ là Người
Chậu sành tiếng đập ngàn năm cũ
Hoạ điệu chiều nay xác rã rời*

Và từ đó, hay trước đó, với Vũ Hoàng Chương, tất cả những mùa Xuân đều là :

Hương mùa-xuân-mắt ngắm ngùi bay

Đã có nhiều người nói, và nói có cơ sở là men rượu và khói thuốc đưa thơ Vũ Hoàng Chương ra khỏi không gian ; và thơ Đường, thơ Tống, người đẹp Liêu Trai đưa thơ ông ra khỏi thời gian. Điều đó có thật, nhưng con người dù là người thơ, vẫn còn xương còn thịt chuyển động theo bốn mùa mưa nắng. Và cả bốn mùa đều in nét trong thơ Vũ Hoàng Chương.

Tác phẩm đầu lòng **Thơ Say** in năm 1940 gồm những sáng tác buổi hoa niên, nhưng hoạ hoãn lắm mới ánh lên một nét tươi xuân.

*Thuyền nhỏ sông lam yếu điệu về
Cỏ chen màu liễu biếc chân đề
Tình Xuân ai chớ đầy khoang ấy
Hương sắc thanh bình ngập lối quê.*

*Nắng nhẹ mây hờ sương hơi hơi
Sương thưa nắng mỏng nhạc khoan lời
Dây đàn chầm chậm hôn lên phím
Muôn vạn cung Hồ là lướt rơi*

Thơ Say gồm có nhiều phần : *Say, Mùa, Yêu, Lỡ Làng ...* Phần **Mùa** chỉ có hai bài thơ ngắn, bài *Dịu Nhẹ* tả cảnh mùa xuân trên đây, bài sau là *Mùa Thu Đã Về*. Thơ **Mùa** đề tặng 'em Vân', người yêu trong mộng. Chủ đề **Mùa** chứng tỏ nhà thơ coi trọng thời gian, nhưng loại thơ tứ thời bát tiết không nhiều, vì không nằm trong thi hứng Vũ Hoàng Chương. Bài thơ xuân *Dịu Nhẹ* hiếm hoi, nhưng vẫn mang phong cách đặc biệt Vũ Hoàng Chương. Dường như mãi đến 1952 ông mới có trọn vẹn một bài thơ Xuân khác, nhưng cỏ cây đã nhuộm màu Thiên.

Bài *Thoát Hình* gồm 7 đoạn, một vần :

*Rào rạt trong cây nhựa trắng ngần
Đã nghe dồn cả tới đài xuân
Đã nghe rào rạt từng cơn gió
Về mách tin hương với cõi trần
Muôn vạn tế bào đang huỷ thể
Vâng theo ý lớn nhịp xoay vần ...*

*... Ta mở trang lòng nguyên vẹn mãi,
Chưa từng hoen ố vết trầm luân
Đêm nay xuống một bài thơ trắng
Cầu nguyện cho đời nở ái Ân*

Sau này, nhất là từ 1963, Vũ Hoàng Chương sẽ sáng tác nhiều thơ về Đạo Pháp, tuy nhiên nguồn thơ Đạo đã róc rách từ trước đó. Ngoài ra, bài *Thoát Hình* còn mang thêm dấu ấn của khoa học và triết học, hai nguồn thi hứng sẽ phát triển sâu rộng hơn trong thơ Vũ Hoàng Chương về sau.

Hương mùa-xuân-mắt ngậm ngùi bay ...

là một câu tiên tri. Di cư vào Nam, nhà thơ xem như thất lạc mùa xuân.

Bài *Nửa đêm Trừ Tịch* làm 1955 ; mùa xuân đầu tiên xa xứ :

*Mười năm qua, đến bây giờ
Nhìn nhau thấy cả giấc mơ thưở nào ..
(...)
Xuân về nhớ thưở ngát chiêm bao
Giòng nước trôi xuôi chợt nghẹn ngào
Lạc lững vàng son màu lữ thứ
Cành mai gượng ánh mặt hoa đào
Mười phần xuân có gầy hao
Tám lòng xuân vẫn dạt dào như xưa
Mấy phen biếc đón hồng đưa
Dẫu rằng xong, vẫn là chưa thoả nguyện*

Đây là một bài thơ hay, giàu cảm xúc, chịu nặng ưu hoài. Không mang nội dung, dụng tâm chính trị nào, nhưng đã bị Chế Lan Viên chiếu cố và mạt sát thậm tệ (1960) cho rằng "*cái điều Vũ Hoàng Chương đáng hổ thẹn nhất và chúng ta đau xót căm giận nhất là bốn câu này :*

*Có nghĩa gì đâu một chữ " về "
Nếu không ngàn dặm ngược sơn khê
Nếu không ngược cả mười năm ấy
Về tận kinh đô của ước thể*

Theo Chế Lan Viên, chữ " Về " là "*cái việc về thành, cái việc dinh tề về Hà Nội (mà) chẳng có nghĩa gì cả, thì trong tâm hồn nhà thơ này không còn ranh giới giữa cái tốt, cái xấu, cái đúng, cái sai, cái có nghĩa và cái không có nghĩa "*

Đây là lối viết vu oan giáng họa, vì chữ " về ", trong bài thơ, không có ngụ ý chính trị, chỉ là một ước vọng tình cảm, hay xa hơn nữa là một xu hướng tâm linh. Từ xưa thơ Vũ Hoàng Chương đã là một lối tìm về :

*Lang thang từ độ luân hồi
U minh nẻo trước, xa xôi dặm về
Nguyện Cầu, 1950*

Còn mấy chữ "*có nghĩa gì đâu*", là phỏng theo Xuân Diệu :

*Làm sao cắt nghĩa được tình yêu
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều*

Nếu nhất định gán cho câu thơ một dụng ý thời sự thì nên hiểu : việc hồi cư năm 1950, với Vũ Hoàng Chương không mang ý nghĩa một chọn lựa chính trị, mà chỉ do một nhu cầu một tình cảm riêng tư - phần nào đó hoang tưởng - "*có nghĩa gì đâu*". Còn về thời gian mười năm, từ thời *Mây* (1943) thi nhân đã nhiều lần nói đến : "*Mười năm thôi nhé mộng tan tành*" ... ,

" *Tình mười năm còn lại mấy tờ thư* ".... Thận trọng, chúng tôi đã hỏi lại bà Vũ Hoàng Chương và được chị trả lời là đúng như thế, và còn cho biết thêm : 'ước thề' ở đây không phải là chị ấy.

Ngoài ra, giai đoạn này, Vũ Hoàng Chương còn có *Bài Ca Bình Bắc*, kể chuyện xuân chiến thắng của Quang Trung :

*Nhớ trận Đống Đa hễ thương mùa xuân tới
Sầu xuân với vội
Xuân tứ nao nao
Nghe đêm trừ tịch hễ máu nở hoa đào
Ngập giấc xuân tiêu hễ lửa trùm quan tái
Trời đất vô cùng hễ một khúc hát ngao*

Bài thơ là một thiên sử thi, ngợi ca hào quang dân tộc, nhưng hay ở những âm vang *vội vội nao nao, vô cùng quan tái*. Nó là một khúc " hát ngao " hơn là một anh hùng ca.

Cùng trong nỗi u hoài *mùa-xuân-mắt*, tết năm 1963, nhà thơ mơ tưởng một *Cành Mai Trắng Mộng*

*Chín giao thừa, tám năm dư
Cành Mai trắng mộng đêm trừ tịch sông
(...)
Khói đầu mờ tím căn buồng
Thời gian ai đốt trên luồng thần giao
Cổ đô lửa cháy gan nào
Sài đô son sắt như bào, như nung*

Mậu Thân, 1968, Vũ Hoàng Chương làm nhiều thơ Xuân giọng hài hùng cay đắng. Bài *Đục Trong*, làm theo lối cổ phong, toàn vần đục, khổ độc, gân guốc, gay gắt :

*Chợ Tết mai lan cúc
Đắm mình trong bụi đục
Từng phiến nép mặt hoa
Thẹn không bằng khóm trúc
(...)
Liên miên khói lửa này,
Dám đầu mơ hạnh phúc
Lần lượt tre rồi măng
Đã tơi bời cốt nhục*

Đoạn cuối, ê chề, xót xa thân phận :

*Thân càng xót cho thân
Uổng gầy hình ngọc đúc*

Bài thơ có lẽ làm vào những ngày áp Tết Mậu Thân, sức khoẻ không tốt, cũng như bài *Bật Khoá Buồng Xuân*, cùng một âm hao não nuốt :

*Miếng héo dần theo lòng khắc khoải
Năm nay rồi sắp thành năm ngoái
E khi chiều xế, tuyết thay tờ
Không cả chút tình thương nắng quái
Kẻ vô-hạn-hận không là gió
Xuân đến trà mi đời tự bỏ
Ngồi chín từng cao, thắm đáy hang
Cùng ai gửi chút hương vô võ ?*

Toàn bài vần bằng, xen hai đoạn vần trắc nói trên, là u uất nhất. Và kết thúc với hình ảnh của Tết Mậu Thân : *thiếu quang ngập máu đỏ quyên hồng...*

Bài *Vỡ Mộng Liêu Trai* làm giữa ngày Tết tang thương :

*Ma sợ cung vôi chạy vọt lên
Người thơ giữa lúc mở bầu men,
Khai xuân chưa kịp vui cùng khách
Đạn rót trời cao đã nổ rền*

Nhưng Tết Mậu Thân 1968, tang tóc nhất là Cố đô Huế. Vũ Hoàng Chương làm một loạt tám bài đường luật theo thể liên hoàn liên vận dưới đề tài : " *loạn trung Huế cảm bệnh trung nhân* " (trên giường bệnh, cảm thương Huế loạn lạc) :

*Lãng miếu gån kê lưng chó sói
Thịt xương phó mặc vuốt điều hâu
(...)*

*Đạn réo vang vang lửa bốn bề
Như thiêu giường bệnh cháy cơ mê
Sốt dâng mạch loạn càng u uất
Máu chảy ruồi bâu thật náo nề*

Trước cảnh trúc chẻ ngói tan ấy, nhà thơ đau yếu, bất lực chỉ gửi lời cầu nguyện :

*Mong người một nước soi gương cũ
Nguyện đấng ngàn tay độ nhiều điều ...
(Huế Cảm)*

Tết năm sau, Kỷ Dậu – 1969, sức khỏe khá hơn, tình hình chiến trận, bên ngoài, có vẻ yên ắng, hoà hội Paris đang tiến triển và hứa hẹn, Vũ Hoàng Chương chợt nghe hồn thơ phấn khởi :

*Tin Xuân gà gáy rách trời đêm
Tuổi nửa trăm vừa nửa chục thêm
Đủ thấy điềm lành hai nửa nước
Một nhà trong ấm với ngoài êm
(Mở Bút ghi Điềm)*

Thi nhân ngất ngưỡng, lạc quan như chưa bao giờ lạc quan ở tuổi hoa niên :

*Chữ lựa vẫn gieo đắc ý rồi
Đèn khêu vừa tỏ nước vừa sôi
Nhựa say trà ngát thơ cao giọng
Hỏi chúa xuân rằng : ai có ngôi ?
(Hạnh phúc nào hơn)*

Vũ Hoàng Chương thi sĩ còn là một Vũ Hoàng Chương kẻ sĩ, tâm hồn luôn luôn gắn bó với vận hưng suy của đất nước – cho dù ông có là nạn nhân của nhiều ngộ nhận và xuyên tạc. Mùa xuân Kỷ Dậu 1969 đưa hồn thơ về một năm Kỷ Dậu khác, 120 năm trước, mùa xuân Quang Trung, 1789, qua bài thơ chữ Hán :

Kỷ Dậu hồi thanh

*Kê minh nhật thưởng cựa sơn xuyên
Hồi ức Quang Trung vũ hịch truyền
Sơn vĩ sơn đầu hoa giải ngữ
Hoà âm xuân thảo nhiều bình nguyên*

Ông tự dịch :

Tiếng vang lịch sử

*Đất xưa gà gáy mặt trời lên
Giục nhớ Quang Trung hịch sấm rền
Hoa mở cánh chào ngang dọc núi*

Hoà âm cỏ ngát xuống bình nguyên

Đăng Tiến dịch ké :

*Gà thúc bình minh sông núi xưa
Quang Trung thuở nọ, hịch truyền đưa
Sườn non lưng núi lời hoa mở
Nội cỏ hoà xuân, nhạc tấu mùa*

Vũ Hoàng Chương sinh năm ất Mão-1915 – giấy tờ thường ghi 1916 – tính đến năm 1969 là 55 tuổi ta. Ông tự hào thọ hơn ... Khổng Minh một tuổi, có bài thơ thu gọn đời mình, giữa những dư luận thị phi, và trầm luân thế cuộc :

*Chữ thọ vừa ăn đứt Ngôạ Long
Bến nằm dư biết đục hay trong
(...)*

*Chỉ thương kiếp đá ai bày trận
Để ngán vàng gieo chột rối vòng*

Nhưng phần khởi, dường như chỉ được một mùa xuân ấy. Tết năm sau, 1970, bài "*Xúc Động Cuối Năm*" thật buồn :

*Chơi xuân đất này không cỏ non
Thơ không vàng nữa, ấn không son
Hỡi ơi lòng chột đau như cắt
Một nụ cười xuân cũng chẳng còn*

Bài thơ tưởng niệm bạn tâm giao là thi sĩ Đông Hồ (1906-1969) vừa mới quy tiên trong năm. Người sành thơ nhận ra bóng dáng Đông Hồ : câu đầu lấy từ một câu tập cổ của tác giả Bội Lan Hành : " xuân du thử địa vô phương thảo ", câu sau lấy ý từ bài Vàng Sơn hoa nở hai mùa :

*Mùa vàng hoa mai hoa cúc
Mùa son hoa phượng hoa hồng
(...)*

*Mùa vàng giàu thật giàu
Mùa son sang rất sang
(Đông Hồ)*

" *Một nụ cười xuân cũng chẳng còn* ", là nhắc tên tập thơ "*Cô Gái Xuân*" (1935) của Đông Hồ.

Xuân Tân Hợi – 1971, lại thêm một mùa tang tóc :

*Theo nắng trôi vàng, bạc nổi mây
Thương xuân lìa cõi, Tết sa lầy
Sông Rông bến Nghệ đêm Trừ tịch
Phá vỡ vòng sao tự giải vây*

*Mách cho Lã Vọng về đây
Tha hồ câu, bến sông đây tử thi*

*Tuý Ông ngồi rũ cánh Lan buồn
Nơi ấy đây xương chất máu tuôn
Thà đọi một mùa Xuân Địch Thực
Âm thanh Cuồng sát tự dim luôn
(Xuân Đối Diện)*

Năm sau, 1972, khói lửa vẫn ngập trời :

*Giác mộng trường chinh lửa ngút mây
Tĩnh ra ngựa đày với thuyền đây
Nhìn nhau chuột nhỏ tung tăng dạo*

*Vừa uống sông xuân một bụng đầy
(Nhâm Tý khai bút)*

Tác giả tự dịch ra Hán Văn :
*Trường chinh mộng hậu tức phong yên
Thiên lý long câu vạn lý thuyền
Hốt ngộ tiền thân nhất yển thử
âm hà mãn phúc tuý xuân thiên*

Lời thơ thanh thoát, dí dỏm. Nhưng tâm sự tác giả, thời điểm ấy còn u ám lắm qua bài " *Xuân Quạnh* " :

*Hỡi ơi trăm ngát mùa cung điện
Ngõ hẹp ... Thôi rồi vẫn tịch liêu
Lầu Vọng-giai-nhân mãi quạnh nằm
Ngày xưa Kim ốc chỉ mười năm
Đắng cay thế vị lòng vương giả
Ôi nguyệt tiền thân ngọt đoá rằm*

Cuối năm 1972, hoà hội Paris bế tắc, chiến trường miền Nam ác liệt và Mỹ dùng pháo đài bay B 52 oanh tạc Hà Nội suốt 12 ngày đêm cuối năm. Phải nhớ rõ bối cảnh đó, mới hiểu tâm trạng Vũ Hoàng Chương qua bài " *Đón Xuân Mười Chín* " làm trước Tết Quý Sửu (nhằm ngày 3.2.1973) :

*Bấm đốt từ di cư đến nay
Đón xuân vừa vắn hết bàn tay,
Sang sông Ngựa đã hai lần hí
Vạch đất Trâu thêm một luống cày
Lửa ném tràn lan đầu gió Bắc
Vàng rung thăm thẳm đáy hồ Tây
Bút toan chạy ngược đau lòng chữ
Núi vẫn nằm ngang bạc tóc mây
Dăm kẻ tri giao toàn kiết xác
Nửa đêm trừ tịch cũng vờ say
Hàng nga bỏ địa cầu đi mãi
Tết đến buồn không chịu vẽ mây
Xưa rồi lửa phóng tên bay
Giờ chơi nhạc sống nào đây hỡi giàn
Bóng ai trên đá ngồi gan
Có nghe rung một giây đàn lẻ loi
Trời xuân chẳng én đưa thoi
Mà như gấm đáy bức Hồi Văn qua
Nghé kêu đầy bến vàng hoa*

(dẫn trọn bài)

Bài này đăng trên Giai Phẩm Văn Xuân Quý Sửu, phát hành ngày 15.1.1973, trước khi ký hoà ước Paris. Vậy Vũ Hoàng Chương phải làm trước đó, vào thời điểm :

*Lửa ném tràn lan đầu gió Bắc
Vàng rung thăm thẳm đáy hồ Tây*

Câu thơ ngụ ý : lửa thử vàng, Vàng Mười không sợ lửa, chế độ miền Bắc không khuất phục trước vũ lực thô bạo. Đây là một câu thơ nặng tình dân tộc, nhưng không mấy người để ý, như

một thứ *cung đàn lẻ loi*. Ngược lại, người ta bới móc những câu thơ " chống cộng " để lên án và hạ ngục Vũ Hoàng Chương khi có cơ hội.

Người đọc vẫn tưởng nhà thơ sống trong mây khói, quên rằng Vũ Hoàng Chương gốc gác là một bộ óc khoa học, toán học, nên đã có những tính toán chi ly, chính xác : bàn tay, tổng cộng có 19 đốt, ứng vào con số 19 năm di cư *sang sông*(1954-1973). *Ngựa đã hai lần hí* là hai năm Giáp Ngọ (1954) và Bính Ngọ (1966). *Trâu thêm một luống cày* là hai năm Tân Sửu (1961) và Quý Sửu (1973). Hai vần *mây* và *say* nhắc tên hai tập thơ đầu tay ; *Nửa đêm trừ tịch* là tên một bài thơ. *Nghé kêu đầy Bến* ngụ ý bài thơ làm tại Sài Gòn, tên cũ là Bến Nghé.

Sau đó, hiệp định Paris ký ngày 27.1.1973, chấm dứt chiến tranh Việt Nam trên giấy tờ. Ngay ngày Tết Quý Sửu, Vũ Hoàng Chương có thơ kịp thời ghi dấu :

*Ma là Người ... kiếp khác
Người là Trời ... đêm nay
Nghe chừng lửa đã tắt
Hai bờ Con-Sông này
Ờ nhĩ ! đâu còn Vết Cắt
Sao lòng ai vẫn chưa hay ?
Nằm kia, người nín bật
Vòng luân hồi đã ngược chiều quay
Ma thôi vất vương, trời thôi lưu đầy
(Tin Xuân)*

Vũ Hoàng Chương là người thiết tha với vận mệnh dân tộc và đất nước, gắn bó với kỷ niệm *Hàng Khay Hàng Trống* hoa nào rụng, nhất định phải kỳ vọng vào hiệp định 27.1.1973 sẽ mang lại thanh bình cho đất nước, và ngày thống nhất sẽ không xa. Dù rằng kỳ vọng ấy chỉ *rung một giây đàn lẻ loi*, và sau này sẽ không đúng với thực tế : đất nước sẽ thanh bình và thống nhất, nhưng trong những điều kiện khác – mà Vũ Hoàng Chương sẽ là nạn nhân.

Năm 1974, Tết Giáp Dần, thi nhân có bài *Thúy Vũ Đoản Từ*, trích toàn văn, vì ít người còn lưu giữ :

*Cỏ Bỏ ôm đá ngủ
Trong tranh từ bao giờ
Cho đến bây giờ
Còn say trong thơ
Vườn bông hát vang chim Thuý Vũ
Đèn xanh nến biếc đêm giao thừa
Nét bút gầy theo mực úa
Bao năm rồi tiêu sơ
Có phải xuân đang từ đáy lụa
Một chiều sâu không ai ngờ
Truyền tin về giấc mơ

ánh nguyệt mung lung cảnh lãng đăng
Nghe lòng trời đất ươm tơ
Nguyệt vẽ mây cong dĩ vãng
Cảnh đơn hoa trắng tương tư
Ôi thôi áo vải đã màu nâu thuyền đã hư
Mỏi manh gì nữa còn ai nữa
Đành kết vào hương Thuý vũ từ*

Tác giả giải thích : Thuý Vũ nguyên là tên một loài chim, sau thành tên một loài hoa : hoa mai trắng, nhiều cánh và nhỏ hơn Bạch Mai . Nói là thơ xuân, kỳ thực bài này nằm giữa mộng và

thực. Nó quý ở chỗ phản ánh tâm trạng của tác giả thời đó, ông sẽ viết " *ta đành mất hết để còn nhau* " (Huyền Lan Trường Từ, cuối xuân Giáp Dần 1974).

* * *

Thơ xuân thơ Tết cuối cùng của Vũ Hoàng Chương là bài *Vịnh Tranh Gà Lợn*, làm vào ngày Tết Bính Thìn, 1976. Bài thơ được truyền tụng nhờ được truyền khẩu. Nhưng cũng vì truyền khẩu, nên nhiều dị bản khác nhau, nhiều bản sai lạc, vô nghĩa. Bà Vũ Hoàng Chương đã than phiền và ghi lại cho chúng tôi chính văn :

Vịnh tranh Gà Lợn

*Sáng chưa sáng hẳn, tối không đành
Gà lợn, om sòm rồi bức tranh
Rằng vách có tai, thơ có hoạ
Biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh
Mắt gà huỳnh đệ bao lần quáng
Lòng lợn âm dương một tác thành
Cục tác nữa chi, ngừng ủn ỉn
Nghe rỗng ngâm váng khúc tân thanh*

Bà Vũ Hoàng Chương ghi chú : Thơ có hoạ có ba nghĩa : thơ có xướng thì phải có hoạ, gọi là thơ xướng hoạ : thơ phản nghịch là tai hoạ ; và thơ hoạ (vẽ) ra tranh. Vũ Hoàng Chương nổi tiếng là uyên bác : thơ ông thường sử dụng nhiều điển cố. Đặc biệt bài này ông sử dụng tục ngữ, theo truyền thống Nguyễn Trãi, Nguyễn Du. Bà Vũ Hoàng Chương lưu ý đến những tục ngữ : " đừng có mạch, vách có tai " ; " xanh vỏ đỏ lòng ". Nhưng còn nhiều thành ngữ, tục ngữ khác như : " tranh tối tranh sáng ", " mắt xanh ", " mắt quáng gà ", " gà cùng một mẹ ", " lợn âm dương ", " con gà cục tác lá chanh, con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi ". " Khúc tân thanh " ngụ ý " đoạn trường " . Còn ý nghĩa, ngụ ý dí dỏm nhưng thâm trầm của từng câu, từng chữ thì chúng tôi xin miễn giải thích, sợ làm mất cái duyên ngầm của bài thơ.

Chỉ mong văn giới ghi nhận : đây là văn bản chính thức của bài *Vịnh tranh Gà Lợn* của Vũ Hoàng Chương làm vào dịp Tết Bính Thìn 1976. Bà Vũ Hoàng Chương và chúng tôi chịu trách nhiệm về 56 chữ trong văn bản. Những dị bản khác nên xem như là truyền khẩu, " tam sao ", được phổ biến trong nghịch cảnh. Sau đó nhà thơ Vũ Hoàng Chương bị bắt, giam ở ngục Chí Hoà, bị bệnh nặng, đưa về nhà mấy hôm thì mất, ngày 6.9.1976, nhằm ngày 13 tháng 8 năm Bình Thìn, lúc 23 giờ.

Tóm lại, ở thời trai trẻ Vũ Hoàng Chương ít có thơ Xuân trong các tập *Thơ Say, Mây, Rừng Phong*. Sau ngày di cư vào Nam, thơ xuân của ông thường là hoài niệm *hương mùa-xuân-mắt ngậm ngùi bay*. Khoảng mười năm về sau, ông có nhiều thơ xuân mỗi năm vì yêu cầu của báo giới ; vả lại, ông thường dùng thể thơ ngắn, gọi là nhị thập bát tú, để sử dụng để ký hoạ một tâm trạng, một biến cố lịch sử. Do đó, những bài thơ hoàn cảnh lại là những bài thơ thời thế và thân thế giàu sử liệu và tư liệu.

Chúng tôi sưu tầm và giới thiệu thơ xuân của Vũ Hoàng Chương qua nhiều giai đoạn, để bạn đọc và văn giới có một chuỗi tư liệu. Nhưng nhất định là thiếu sót, nhất là những bài thơ đăng rải rác trên báo, hay rất nhiều thơ xuân thù tạc gửi bằng hữu. Quý vị nào biết xin vui lòng mách, hoặc công bố, để đóng góp vào việc hoàn thành Toàn Tập Thơ Văn Vũ Hoàng Chương sau này.

Dùng từ cho chính xác, có thể nói là Vũ Hoàng Chương làm nhiều thơ Tết và ít thơ xuân. Và nói chung, thơ xuân Vũ Hoàng Chương, ở cái phần đọng lại trong lòng người đọc thường là :

Hương mùa-xuân-mắt ngậm ngùi bay.

Người đời vẫn mơ ước những thành đạt làm nên sự nghiệp. Nhưng có những sự nghiệp lớn lao hình thành trên mắt mát.

Cao quý và thiêng liêng thay, một sự nghiệp làm bằng mắt mát.

Paris, Tết dương lịch, 1/1/2001

Phụ đính II

Vũ Hoàng Chương vào tù khám lớn Phạm Công Bạch, CVA 57

Đã là cựu học sinh Chu-văn-An, ai không biết thi sĩ Vũ-hoàng-Chương là một vị giáo-sư Việt Văn rất đáng mến. Quả thật vậy, trong cuộc đời thi sĩ, Ông đã từng xuất bản cả chục tập thơ và kịch thơ, cũng như trong nghề dạy học, ai đã từng là học trò Ông thầy đều thương kính, coi Ông như một vị giáo sư có đầy đủ tác phong về đạo đức và sự phạm. Hơn thế nữa, hãy xem nhà văn Song-Thao (cũng là một cựu học sinh Chu-văn-An) mô tả Ông trong tập truyện “Chốn cũ” vừa xuất bản:

“Thầy đi quanh lớp bằng những bước chân nhẹ nhàng, đầu nghễnh cao, mắt xa vắng, giảng bài bằng cái giọng nhừa nhựa thanh thanh. Có những lúc mắt thầy như nhắm hẳn lại, đầu lắc lắc từng chập. Những lúc đó thầy như thoát hồn bay về một trời thơ nào đó. Thầy say thơ. Thầy ngâm thơ như một người đồng thiếp. Như không còn thầy. Như không có trò. Như không phải là một lớp học. Chỉ có một cõi thơ lỏng lẻo bát ngát. Chúng tôi cũng đắm thơ. Vô cùng nồng nàn là những dòng thơ đất Việt. Chỉ có tiếng chuông báo hết giờ học mới có thể kéo thầy trò ra khỏi cơn mê văn chương...”

Làm thơ đã hay, dạy học thì say mê như thế, Vũ-hoàng-Chương không hề làm chính trị. Hồi toàn quốc kháng chiến năm 1946, Ông cũng chỉ tản cư khỏi thành phố một thời gian rồi lại hồi cư, chứ không ra bưng. Từ năm 1954 khi di cư vào Saigon, Ông cũng không tham gia một đảng phái nào. Thế nhưng cuộc đổi đời “tháng tư đen” đã đưa Ông vào tù và chỉ được tha về khi kiệt lực gần chết. Chúng ta thử tìm hiểu nguyên do nào đã đưa Ông vào vòng lao lý gần một năm trời. Với thân hình gầy còm và “ả phù dung” dần vật làm sao Ông sống nổi. Kể ra cũng có nhiều lý do xa gần.

Bài thơ hoạt cảnh Tết Con Rồng.

Miền nam Việt Nam bị mất về tay cộng sản tháng tư năm 75 thuộc năm Mão. Cuộc đổi đời đã gây ra nhiều cảnh éo le cả về hoàn cảnh xã hội lẫn nhân tình thế thái. Vũ-hoàng-Chương bị kẹt lại và Ông đã mất thính giác và ngay cả chính Ông cũng là nạn nhân của sự thế. Cuối năm bước sang năm Thìn là tết con rồng, Ông đã làm một bài thơ tức cảnh như sau:

Vịnh tranh gà lợn

Sáng chưa sáng hẳn, tối không đành,
Gà lợn om sòm rồi bức tranh.
Rằng vách có tai, thơ có họa
Biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh.
Mắt gà huỳnh đệ bao lần quáng
Lòng lợn âm dương một tác thành.
Cục tác nửa chi, ngừng ừn ừn
Nghe rỗng ngâm vánh khúc tân thanh.

Đây đích thực là hoạt cảnh của miền Nam sau mấy tháng về tay chủ mới: Chính quyền tiếp thu vào tay cộng sản chưa hoàn toàn kiểm soát được xã hội vốn vẫn thoải mái trong nếp sống từ bao năm qua. Dân chúng vẫn hoài nghi cách mạng cho nên tình thế chưa thấy gì làm sáng sửa. Mặt khác đa số người thuộc chế độ cũ không tin miền Nam có thể dễ dàng rơi vào tay cộng sản như vậy nên thầm kín trong lòng vẫn ước mong lật ngược thế cờ khỏi cảnh tối tăm hiện tại. Với bối cảnh xã hội như vậy, kẻ hồ hởi, người âm thầm cho nên nảy sinh ra lắm vẻ, biết ai là ai bây giờ. Bức tranh xã hội thật là rắm rối. Cộng sản đi đến đâu thì mạng lưới công an rình rập nhòm ngó tới đó. Kẻ thân trong nhà cũng còn nghe lén để báo cáo lập công thì còn biết tin ai bây giờ. Cho nên nhìn bề ngoài đồ biết lòng dạ ai thế nào.

Ngay như chính tác giả cũng đã là nạn nhân của lòng người đổi trắng thay đen. Số là Vũ-hoàng-Chương và gia đình đã từ lâu vẫn ở nhờ trên căn gác nhỏ trong biệt thự của bà Mộng-Tuyết (phu-nhân thi sĩ Đông-Hồ), Ông đã từng đặt tên đây là “gác mây” để Ông bạn với “nàng thơ” và “nàng tiên nâu”. Thế nhưng từ khi có cán bộ từ ngoài bắc vào, Bà Mộng-Tuyết thì hồ hởi tiếp đón, còn Vũ-hoàng-Chương thì lặng lẽ như không. Cho nên Bà muốn đỡ phiền lụy sau này đã ngỏ ý muốn Ông dời nhà đi ở chỗ khác. Chính vì vậy mà thi sĩ họ Vũ đã phải dời sang Khánh hội ở nhờ nhà em vợ là thi sĩ Đinh-Hùng. Ôi tình nghĩa bao năm như vậy mà chỉ vì một chút “quáng” đã làm cho huynh đệ ly tan ! Riêng đối với Ông, con người còn tình người, chân thật và chất phác thì vẫn “một tác thành” không a dua xu nịnh với ai. Bây giờ xuân và tết đến, thôi hãy quên hết mọi sự mà nghe khúc tân thanh của năm con rồng. Theo tôi, ý giả của câu cuối bài thơ này là như vậy; nhưng nghĩ kỹ hơn, nếu chúng ta ở Saigon trong thời điểm đó thì “khúc tân thanh” ở đây chính là những loa tuyên truyền ra rả sáng chiều mà cộng sản đặt ở khắp phường phố. Cũng có thể nghĩ xa hơn, khúc tân thanh chỉ là sự rút gọn của “khúc Đoàn trường tân thanh” mà từ nay còn phải ngâm mãi. Với một bài thơ xuân như thế được phổ biến ra ngoài, thi sĩ Vũ-hoàng-Chương tránh sao khỏi bị bắt vì tội phản động. Nhưng chưa hẳn như vậy.

Món quà chiêu dụ bất thành

Hãy trở lại vài chục năm về trước, chúng ta được biết thi sĩ Vũ sinh năm 1916. Hai chục năm sau vào thời điểm thi sĩ trưởng thành thì phong trào thi ca lãng mạn nở rộ do ảnh hưởng của văn chương Pháp. Cùng thời với Vũ-hoàng-Chương còn có rất nhiều văn nhân thi sĩ khác cùng nổi tiếng trên văn thi đàn, trong đó có Huy-Cận (tên thật là Cù-huy-Cận) sinh năm 1919. Huy-Cận cũng là một nhà thơ nổi tiếng, điển hình là bài “Ngậm ngùi” đã được phổ nhạc mà chúng ta thường nghe. Huy-Cận kém Vũ-hoàng-Chương ba tuổi và xuất bản tập thơ đầu “Lửa Thiêng” sau khi Vũ-hoàng-Chương đã có thi tập “Thơ say” và “Mây” đang sắp phát hành. Vì thế Huy-Cận coi thi sĩ Vũ như anh.

Hai người cũng chơi với nhau khá thân. Một hôm Huy-Cận bất ngờ gặp Vũ-hoàng-Chương và rủ Ông đi ăn phở. Vì mới ra tập thơ đầu lại cũng có ý thân mật so sánh nên Huy-Cận nửa đùa nửa thật vỗ vai Vũ-hoàng-Chương nói rằng:

*“Đã lâu lại gặp ‘chàng Say’
‘Lửa Thiêng’ xin đốt chờ ‘Mây’ xuống trần*

Vũ-hoàng-Chương cũng hơi khựng một chút, nhưng vui vẻ đáp ngay:

*‘Mây’ kia chẳng chịu xuống trần
Lửa ơi theo khói lên gần với ‘Mây’.*

Hai người đối đáp với nhau như thế, vừa có ý kiêu ngạo, vừa có ý thân thiện, thật xứng đôi. Rồi thời gian trôi qua, năm 1946 Huy-Cận ra bưng theo kháng chiến dùng thi tài của mình để phục vụ bác và đảng, được sung ái nên đã có thời leo lên đến chức Thứ trưởng bộ Văn hóa. Vũ-hoàng-Chương thì chạy tản cư, cũng có làm một số bài thơ ái quốc, nhưng sau đó hồi cư về lại

Hanoi rồi di cư vào Saigon theo hiệp định Genève năm 1954, vẫn tiếp tục nghiệp thơ và sinh sống bằng nghề dạy học. Vật đổi sao dời, năm 1975 miền nam bị bỏ rơi và cộng sản thắng đại cái “đại thắng mùa xuân”. Và hai thi nhân lại có dịp gặp nhau trong hoàn cảnh éo le quốc cộng. Huy-Cận được cử vào Saigon cùng với một phái đoàn với mục đích thăm dò và chiêu dụ các văn nghệ sĩ miền Nam.

Dĩ nhiên người mà Huy-Cận muốn gặp đầu tiên là Vũ-hoàng-Chương cũng vì tình bạn cũ và cũng nghĩ rằng nếu chiêu dụ được Vũ theo cách mạng thì mình lập được công lớn. Vì vậy Huy-Cận đã sửa soạn cuộc thăm viếng rất trọng thể. Lễ vật đến thăm Vũ-hoàng-Chương gồm một chai rượu quý, một lọ đầy thuốc phiện và cũng không quên mang theo một bức hình Hồ chí Minh. Rượu và thuốc thì để biếu bạn, còn bức hình thì Huy-Cận ước mong sẽ được Vũ-hoàng-Chương đề tặng cho mấy vần ca ngợi để có bằng chứng báo cáo lấy công đầu.

Cuộc gặp gỡ diễn ra tốt đẹp sau bao năm xa cách. Vũ-hoàng-Chương đón Huy-Cận như một bạn cố tri nồng nàn vui vẻ. Sau khi Huy-Cận ngỏ ý muốn Vũ đề thơ thì Ông trầm mặc không nói gì. Huy-Cận khi ra về có hẹn ba ngày sau sẽ cho người đến xin lại bức hình, Vũ-hoàng-Chương cũng chỉ ậm ừ tiễn bạn.

Đúng ba ngày sau khi nhân viên của Huy-Cận tới thì thấy trên bàn vẫn còn y nguyên hai món lễ vật và bức hình, Vũ-hoàng-Chương không hề đụng tới mặc dù rượu với thuốc phiện đối với Ông là rất quý hiếm. Còn bức hình thì vẫn chỉ là bức hình như khi đem tới, không một nét chữ đề. Được báo cáo lại, dĩ nhiên là Huy-Cận tím mặt. Nhưng Ông biết tính họ Vũ là người không để lung lạc nên cũng đành thôi.

Vũ-hoàng-Chương, ông quả là một người có khí phách. Ông có một cơ hội an thân nhưng Ông đã không làm, chỉ vì tấm lòng Ông “*một tác thành*” nên Ông phải giữ tiết tháo không a dua theo thời cuộc. Thế là lại có thêm một cái ‘họa’. Nhưng như thế vẫn chưa hết.

Chê thơ Tố-Hữu và dạy cộng sản cách làm thơ

Theo một bài đăng trên “net” của tác giả Sông-Lô viết về Vũ-hoàng-Chương nhận xét thơ Tố-Hữu, được biết phái đoàn từ bắc vô nam cùng với Huy-Cận như đã nói ở đoạn trên còn có nhiều nhân vật sáng giá khác như Tố-Hữu, Hoài-Thanh, Xuân-Diệu, Vũ-đình-Liên.... Phái đoàn được ký giả nằm vùng Thanh-Nghị tiếp đón và tổ chức một đêm “họp mặt văn nghệ” với các nhân vật gạo cội miền Nam để cùng đánh giá văn hoá hai miền ngõ hầu thống nhất tư tưởng về một mối. Buổi họp này Vũ-hoàng-Chương đã được mời và có tham dự. Đề tài được đưa ra là mấy câu thơ của Tố-Hữu đã làm để khóc Stalin khi ông trùm đỏ Nga-sô này chết vào năm 1953. Hai câu thơ đã gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp cùng đầy đủ tiếng khen chê đối với tên trùm văn nghệ cộng sản này là câu:

*“Thương cha, thương mẹ, thương chồng
Thương mình thương một, thương ông thương mười “*

Thanh-Nghị với tư cách nằm vùng theo cộng sản từ lâu, coi như đại diện miền nam, dĩ nhiên ca ngợi thơ Tố-Hữu hết mình. Rồi lần lượt đến Xuân-Diệu, Huy-Cận, Vũ-đình-Liên từ ngoài bắc vào lên diễn đàn thì khởi nói. Cũng cần có một tiếng nói miền nam cho xôm tụ, cho nên Hoài-Thanh khẩn khoản mời Vũ-hoàng-Chương lên phát biểu với dụng ý là họ Vũ, một thi bá đương thời, nhưng vốn người trầm mặc hiền hoà chắc cũng chỉ vượt theo mà không nói điều gì nghịch ý. Xin trích nguyên văn sau đây một đoạn của Sông-Lô:

“Ai đã biết Vũ-hoàng-Chương ắt phải biết cái danh thép bên trong tấm thân nhỏ bé ọp ẹp của ông. Đôi ba lần tạ từ không được, đành nhảy vào uõn ngực “hò kéo pháo”, nhưng trước khi vào cuộc họ Vũ đã yêu cầu cử tọa thông cảm nếu có chỗ nào thất thố vì ông sợ rằng những gì ông muốn trình bày sẽ làm tổn thương cái ‘sáng giá’ của đêm họp ‘văn nghệ đặc biệt’ này, bởi vì ‘tất tần tật’ đã thăm định rồi.”

Sau đây là lời của Vũ-hoàng-Chương:

“Thi nhân từ cảm xúc mỗi lúc tác động vào tâm cảnh của mình, để hồn trí phản ứng theo thất tình con người mà vận dụng thi tứ phổ diễn nên lời một tình tự nào đó, rồi đãi lọc thành thơ. Sự vận dụng càng xuất thần, việc phổ diễn càng khẩu chiếm, thơ càng có giá trị cao.

Cảm xúc trước cái chết của một thần tượng được ‘đóng khung’ tự bao giờ trong tâm cảnh mình, Tố-Hữu đã xuất thần vận dụng nỗi u hoài, phổ diễn nên những lời thơ thật khẩu chiếm, rồi dùng những từ thật tầm thường, ít thi tính, đãi lọc nỗi u hoài của mình thành một tiếng nấc rất tự nhiên, đạt đến một mức độ điều luyện cao. Lời thẩm định của Thanh-Nghị thật xác đáng, tôi chịu. Nhưng thơ không phải chỉ có thế. Xuất thần khẩu chiếm thuộc phạm vi kỹ thuật, dù đã có thi hứng phần nào, và nếu chỉ có thế thì thơ chỉ có khéo mà thôi, chưa gọi là đạt; tức chưa phải là hay. Thơ hay cần phải khéo như thế vừa phải đạt thật sự. Thi hứng nằm trong sự thực của tình tự phổ diễn nên lời. Tình tự mà không thực, lời thơ thành gượng ép. Vấn đề của thơ, nói cho đến nơi, là ở đây, có nghĩa là thơ phải thực.

Tố-Hữu đặt tiếng khóc của chính mình vào miệng một bà mẹ Việt Nam, muốn bà dùng mối u hoài của một nhà thơ để dạy con trẻ Việt Nam yêu cụ Stalin thay cho mình. Cũng chẳng sao vì đó cũng là một kỹ thuật của thi ca; nhưng trước hết phải biết bà mẹ Việt Nam có cùng tâm cảnh với mình không, có chung một mối cảm xúc hay không?

Tôi biết chắc là không. Bởi trong đoạn trên của hai câu lục bát này trong bài ‘Đời đời nhớ Ông’ Tố-Hữu đã đặt vào lời bà mẹ hai câu:

“Yêu biết mấy nghe con tập nói

Tiếng đầu lòng con gọi Stalin “

Chắc chắn là không có một bà mẹ Việt Nam nào, kể cả Bà Tố-Hữu, mà thoát được những lời như vậy một cách chân thành. Cái không thực của hai câu này dẫn tới cái không thực hai câu sau ta đang mổ xẻ.

Một tình tự không chân thực, dù được luồn vào những lời thơ xuất thần, khẩu chiếm đến đâu cũng không phải là thơ đẹp, thơ hay, mà chỉ là thơ khéo làm; đó chỉ là thơ thợ chứ không phải là thơ tiên. Loại thơ khéo này người thợ thơ nào lành nghề cũng quen làm, chẳng phải công phu lắm. Nhất là nếu có đôi hồi một tuyên truyền nào đó. Tố-Hữu nếu khóc lầy, có lẽ là khóc thực, khóc một mình. Nhưng bà mẹ Việt Nam trong bài đã khóc tiếng khóc tuyên truyền, không mấy truyền cảm“.

Vấn theo lời kể của Sông-Lô thì lời thẩm định này đã gây sôi nổi trong đám thính giả có mặt hôm đó. Muốn phản bác luận điệu của Vũ-hoàng-Chương, có người đã yêu cầu Ông nói về thơ để hồng bắt bẻ này nọ, nhưng Ông vẫn ôn tồn phát biểu:

“Thơ vốn là mộng, là tưởng tượng, là tách rời thực tế, nhưng mộng trên những tình tự thực.

Không chấp nhận loại thơ tình tự hoang. Có khoa học giả tưởng, không có thơ giả tưởng. Nói thơ là nói đến thế giới huyền tưởng, huyền tưởng trên sự thực để thăng hoa sự thực, chứ không bắt chước, không chối bỏ sự thực. Nhà thơ không được láo; nhà thơ phải thực nhưng thoát sáo sự thực thành mộng để đưa hồn tính người yêu thơ vươn lên sự thực muôn đời đạt đến chân lý cuộc sống. Thiên chức thi ca là ở chỗ đấy.

“Tôi xin nhắc; sự thực muôn đời là cơ sở duy nhất của thi ca; vì có sự thực cho riêng một người, có sự thực cho riêng một thời, nhưng vẫn có sự thực cho muôn đời, sự thực bao quát không gian, thời gian, chân lý cuộc sống.”

Sau đêm hôm ấy, hình như có một buổi họp khẩn cấp của các “nhân vật then chốt” cộng sản, và Vũ-hoàng-Chương đã bị bắt. Như vậy cái tội phản động của thi sĩ họ Vũ không phải là một mà có đến ba: bắt đầu từ bài thơ thời sự, kể đến không nể nang tình bạn và sau cùng là đã dạy khôn cho kẻ đang thắng thế. Theo Sông-Lô thì Vũ-hoàng-Chương không phải là người đại, cũng không phải người can đảm mà Ông chính là người của tự do không phải qui lụy trước bất cứ một áp lực nào.

Niềm hãnh diện cuối đời : Thủ-tướng bưng bô

Vũ-hoàng-Chương bị bắt vào khám Chí hòa, giam chung cùng một số nhà trí thức khác. Với thân hình gầy yếu sẵn có, phải ăn cơm tù đạm bạc lại thêm thiếu thuốc phiện thì làm sao mà Ông chịu nổi. Có thể nói bao nhiêu ngày trong tù, Ông đau yếu cả bấy nhiêu ngày. Sức lực Ông kiệt quệ dần dần, đã có lúc phải nằm liệt giường. Chính quyền "giải phóng" biết Ông không còn sống nổi bao lâu, nên sau thời gian giam giữ đã quyết định thả Ông về để tránh tiếng Ông bị bức tử trong tù. Về nhà gặp lại vợ con, dĩ nhiên là Ông mừng rỡ, nhưng trong đáy lòng hình như Ông có điều gì thỏa mãn vì tuy nằm bẹp trên giường Ông không có vẻ sầu héo bi lụy của một người gần đất xa trời. Một hôm Ông thối lộ là ở trong tù Ông có phần thích thú vì đã được Thủ-tướng bưng bô vệ sinh cho mình. Mãi sau người nhà Ông mới biết bị giam chung cùng với Ông là Bác sĩ Phan-huy-Quát. Bác sĩ Quát đã có thời làm Thủ-tướng chính phủ dân sự do Cụ Phan-khắc-Sửu là Quốc trưởng. Vì mến thương Vũ-hoàng-Chương và vì lương tâm của người y sĩ, trong thời gian bị giam chung, Bác sĩ Quát đã tận tình chăm sóc cho nhà thi sĩ bất hạnh đau yếu, và không ngần ngại giúp đỡ cả việc vệ sinh hàng ngày.

Đó là niềm vui cuối cùng của thi sĩ họ Vũ trước khi Ông lìa đời ngày 6 tháng 9 năm 1976.

Phụ đính:

Thơ xuân thơ Tết cuối cùng của Vũ Hoàng Chương là bài Vịnh Tranh Gà Lợn, làm vào ngày Tết Bính Thìn, 1976. Bài thơ được truyền tụng nhờ được truyền khẩu. Nhưng cũng vì truyền khẩu, nên nhiều dị bản khác nhau, nhiều bản sai lạc, vô nghĩa.

Bà Vũ Hoàng Chương đã than phiền và ghi lại cho chúng tôi chính văn :

Vịnh tranh Gà Lợn

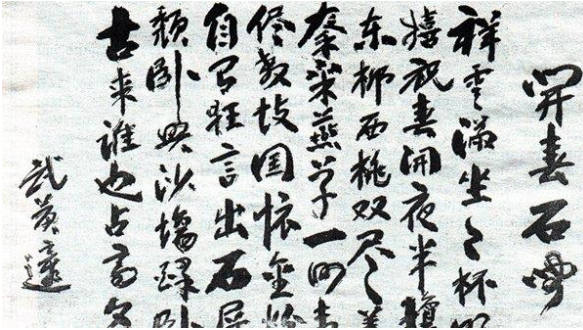
Sáng chưa sáng hẳn, tối không đành
Gà lợn, om sòm rồi bức tranh
Rằng vách có tai, thơ có hoạ
Biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh
Mắt gà huỳnh đệ bao lần quáng
Lòng lợn âm dương một tác thành
Cục tác nữa chi, ngừng ủn ỉn
Nghe rỗng ngâm vảng khúc tân thanh

Bà Vũ Hoàng Chương ghi chú : Thơ có hoạ có ba nghĩa : thơ có xướng thì phải có hoạ, gọi là thơ xướng hoạ ; thơ phản nghịch là tai hoạ ; và thơ hoạ (vẽ) ra tranh. Vũ Hoàng Chương nổi tiếng là uyên bác : thơ ông thường sử dụng nhiều điển cố. Đặc biệt bài này ông sử dụng tục ngữ, theo truyền thống Nguyễn Trãi, Nguyễn Du. Bà Vũ Hoàng Chương lưu ý đến những tục ngữ : "dùng có mạch, vách có tai" ; "xanh vỏ đỏ lòng". Nhưng còn nhiều thành ngữ, tục ngữ khác như : "tranh tối tranh sáng", "mắt xanh", "mắt quáng gà", "gà cùng một mẹ", "lợn âm dương", "con gà cục tác lá chanh, con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi". "Khúc tân thanh" ngụ ý "đoạn trường". Còn ý nghĩa, ngụ ý dí dỏm nhưng thâm trầm của từng câu, từng chữ thì chúng tôi xin miễn giải thích, sợ làm mất cái duyên ngầm của bài thơ. Chỉ mong văn giới ghi nhận : đây là văn bản chính thức của bài Vịnh tranh Gà Lợn của Vũ Hoàng Chương làm vào dịp Tết Bính Thìn 1976. Bà Vũ Hoàng Chương và chúng tôi chịu trách nhiệm về 56 chữ trong văn bản. Những dị bản khác nên xem như là truyền khẩu, "tam sao", được phổ biến trong nghịch cảnh. Sau đó nhà thơ Vũ Hoàng Chương bị bắt, giam ở ngục Chí Hoà, bị bệnh nặng

Đăng Tiến

Bài thơ khai bút cuối cùng của Vũ Hoàng Chương Viên Linh

Nhà thơ Vũ Hoàng Chương từ trần tại Sài Gòn lúc 11 giờ sáng ngày 6 tháng 9, 1976, nhằm ngày 13 tháng 8 năm Bính Thìn, năm ngày sau khi được thả khỏi nhà tù Cộng Sản. Trước đó hàng năm, mỗi Nguyên Đán (sáng sớm ngày mùng 1), ông thường có một bài thơ khai bút; mùa Xuân Bính Thìn 1976 miền Nam đã nằm trong gông cùm chế độ mới, chắc chắn thơ khai bút của ông, dù có làm, cũng không còn được đăng lên báo Xuân nữa. Cho nên bài thơ khai bút đăng trên tạp chí Nhà Văn Xuân Ất Mão, tháng 2, 1975, chắc chắn là bài thơ khai bút đăng báo xuân cuối cùng của ông.



*Bút tự Hán Nôm của nhà thơ Vũ Hoàng Chương khi làm bài thơ Khai Xuân Thạch Vấn, 2, 1975, Sài Gòn.
Bài thơ báo điểm “cổ quốc vàng rơi phấn rụng,” và “chàng say nằm chuyện trò với đá.”
(Hình: Viên Linh cung cấp)*

Cách đây nửa năm, một người Mỹ tới thuê căn chung cư Christian Home trên đường Bolsa, phía sau quán Song Long. Từ khu sân sau của chung cư, người ta có thể nhìn thấy tòa soạn nguyệt san Khởi Hành, phía sau đường Dillow, Westminster. Người đó là ông Robert-Richard Jones III, cựu nhân viên Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn cho tới những ngày cuối cùng, tháng 4, 1975. Từ khi là láng giềng của chúng tôi, mỗi khi dùng xe đi về, thấy tôi, ông thường bước tới khung cổng rất rộng, khung sắt lưới sắt, dưới có bánh xe, ngăn khu sân chung cư với bên ngoài, trò chuyện dăm câu... Ông chính là vị “sponsor” mang nhiều dân tị nạn Việt Nam về Minnesota, ông kể với tôi, như kịch tác gia Vũ Khắc Khoan, cựu Đại Tá Vũ Quang, nguyên cục trưởng Tâm Lý Chiến, người do khẩu lệnh đã mang tôi từ Biệt Đoàn Văn Nghệ Trung Ương về làm thư ký tòa soạn Nhật báo Tiền Tuyến. Trước khi dọn đi vài ngày, từ khoảng sân sau đó ông Jones III cầm hai tờ tạp chí Việt ngữ đã cũ, hơi sờn mép, cho người viết bài này xem, và cho mượn hai ngày, để sao chụp nếu muốn, vì tới ngày thứ ba ông sẽ dọn khỏi nơi đó. Bài khai bút vào mùa Xuân cuối cùng của báo chí văn học miền Nam của Vũ Hoàng Chương đã đăng trong tờ báo ông cho mượn. Đó là bài “Khai Xuân hỏi đá” dưới đây:

Khai Xuân Thạch Vấn

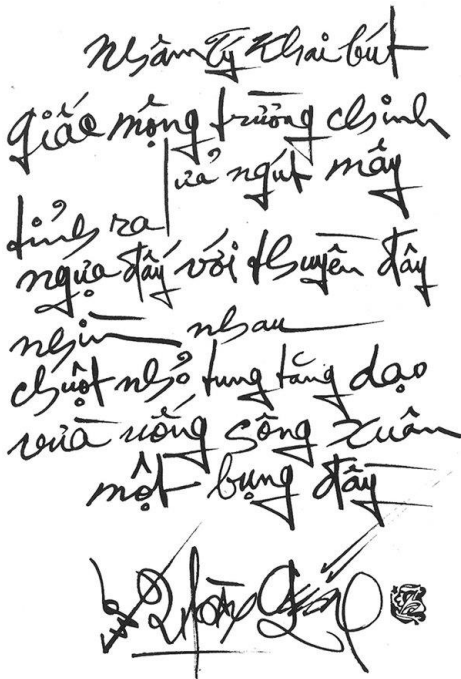
Tường vân mãn tọa nguyệt bôi minh
Hy chúc Xuân khai dạ bán quỳnh.
Đông liễu Tây đào song tận mỹ,
Tần tang Yên thảo nhất hà thanh!
Tấn giao cổ quốc hoài kim phán,
Tự hữu cường ngôn xuất thạch bình!
Đôi ngoạ, dữ sa trường túy ngoạ,
Cổ lai thùy dã chiếm cao danh?

Thi sĩ tự chuyển ra lục bát như sau:

Đá Mờ Lờ Xuân

Bạn đầy mây, chén đầy trăng,
Xuân vào đêm, giữa lòng băng nở quỳnh.
Liều tở đào gấm như tranh,
Dâu Tần biếc, cỏ Yên xanh, một trời.
Quê xưa phần rụng vàng rơi
Có nghe vách đá vang lời hỏi duyên:
Say nằm trước ngõ là tiên,
Hoặc say nằm cát ngoài biên mới hào?
(Vũ Hoàng Chương, trên thềm Ất Mão, 1975)

Đọc đi đọc lại bài thơ, từ nguyên tác chữ Hán tới phiên âm và bản chuyển dịch, dù không mê tín, người đọc vẫn có thể tự hỏi: “Bài thơ có phải là điếm tù ngục chẳng? Có linh tính mẫn cảm đến từ trời đất, từ tiền sinh dị kiếp nào chẳng? Sao lại Tần giao cố quốc hoài kim phần? (Quê xưa phần rụng vàng rơi). Và sao lại lấy nhan đề bài khai bút là Khai Xuân Thạch Vấn: Vào Xuân Hỏi Đá hay Khai bút ngày Xuân hỏi đá? Hỏi tường đá? Và sao đang say ở nhà lại so sánh với cảnh say trên đất cát chiến địa: Sa trường túy ngoạn? Thi sĩ nhiều khi trở thành tiên tri, là như thế.



*Bút tự chữ quốc ngữ của Vũ Hoàng Chương
trong bài thơ Khai Bút Nhâm Tý, 1972.
(Hình: Viên Linh cung cấp)*

2- Nhiều người thường xua đuổi loài quạ mỗi khi nghe tiếng chúng trên đầu, cho rằng đó là loài chim mang đến tai ương, tang tóc. Thật ra làm sao những cánh chim ấy có thể gây ra bất cứ sự việc gì: Chúng là loài chim ăn thịt, dù thịt sống hay thịt đang chuyển mùi tử khí, chúng “nghe” thấy chết chóc trước con người, và kêu lên trước con người. Quạ là loài chim bay là là trên những con đường lớn của thành phố mỗi sáng tinh sương, chúng giúp con người đi nhật xác chết các loài chuột bị xe cán, hay bị loài người vứt trên đường lộ, bãi hoang, trong đêm hôm trước. Quạ là thứ phu quét đường vệ sinh cho dân thành phố. Chúng cất tiếng kêu vì mùi tử khí đã phảng phất ở đó rồi, chứ không phải vì chúng kêu nên mới có người chết. Người viết bài này từng đọc một bài diễn từ khai mạc nhân dịp kỷ niệm Khởi Hành qua năm thứ ba, ca

ngợi loài quạ. Thi sĩ không phải quạ, nhưng thi sĩ chân chính, nhà nòi, cũng có thể là một loài linh điều nào đó đã cụt cánh, sống chung với loài người mà thôi, để kêu lên thường xuyên bằng vần điệu, qua vần điệu, rằng nghe ra đã có mùi tử khí quanh đây. Nhà hiền triết Plato biết như thế, nên không ưa thi sĩ. Giáo điều, phát xít, cộng sản biết như thế, nên không ưa thi sĩ, và nhà thơ Vũ Hoàng Chương thì họ càng muốn triệt hạ.

Sau khi ông từ trần vài năm, có giai thoại kể rằng vài tháng sau tháng 4.75, nại cố quen biết cũ, Chế Lan Viên tới thăm thi bá miền Nam, và gợi ý rằng họ Vũ sẽ không gặp rắc rối gì, ngoài ra còn có thể được biệt đãi, nếu có thái độ thích hợp, thể hiện qua một tài liệu mà họ Chế đưa cho ông; đó là tập “Thơ của Hồ Chủ Tịch.” Nghĩa là tác giả Điều Tàn gợi ý cho người bạn xa xưa hãy viết một bài ca ngợi “thơ Bác!”

Ít ngày sau Chế Lan Viên trở lại thăm, và hỏi về tập thơ ấy. Nhà thơ Vũ Hoàng Chương như chợt nhớ ra, nghiêng người, lật một mảng chiếu mà ông đang ngồi, rút tập “thơ của Bác” mà ông lót dưới chiếu để ngồi, đưa trả tác giả Điều Tàn.

Bài Thạch Vấn làm năm 1975, bài sau đây chắc chắn chưa từng được đăng báo trong nước:

Đề Tranh Gà Lợn

Sáng chưa sáng hẳn, tối sao đành
Gà lợn om sòm cả bức tranh
Rằng vách có tai, thơ có họa
Biết lòng ai đỏ mắt ai xanh?
Mắt gà huỳnh đê bao lần quáng
Lòng lợn âm dương một tác thành.
Thôi hãy im đi đừng ỉn ỉn
Nghe rỗng ngâm vảng khúc tân thanh.

(Vũ Hoàng Chương, Gác Bút, năm Thìn 1976)



*Vũ Hoàng Chương (1916-1976).
(Hình: Viên Linh cung cấp)*

Thái độ của nhà thơ về chế độ, về con người của chế độ ấy thật quá rõ. “Đừng om sòm, đừng ỉn ỉn nữa lũ gà lợn kia, thôi hãy im đi. Nghe ta ngâm thơ đây.” (Ông thường tự nhận mình là Thi Vương, hay là Rỗng.) Chuyện sau đó chúng ta đã biết: Vũ Hoàng Chương là nhà thơ đầu tiên của miền Nam chết vì tù đày Cộng Sản, tháng 9, 1976.

Ghi chú:

Trong Từ Điển Văn Học, bộ mới, do Thế Giới Hà Nội xuất bản tháng 10, 2004, “Công trình biên soạn của 106 giáo sư, tiến sĩ,” có đoạn viết về nhà thơ Vũ Hoàng Chương như sau: “...bất chước Lý Bạch hát ‘bài ca cuồng’... “nhưng cũng có những bài có phần bốc đồng, thiếu chín chắn về mặt chính trị...” (trang 2025). Võ Phiến, trong bộ tạp văn Văn Học Miền Nam, Thơ, đã viết về họ Vũ từ trang 3178 tới trang 3195, bằng một giọng văn đùa rờn, chế giễu, (mặc dù ông nói không dám), phần lớn dựa vào ý của Hoài Thanh trong Thi Nhân Việt Nam và của Vũ Ngọc Phan trong Nhà Văn Hiện Đại in từ thời '40 về VHC bằng những tiếng như sau: “Vừa ló mặt ra với đời, ông đã già tức khắc.” “nhiều lúc giọng già cóc cách,” “Giọng già cóc cách thế nào không rõ. Nhưng xem cái ý nghĩ của ông thì thấy già rành rành. Nếu ý đã già, giọng cũng già

(cóc cách) nữa thì đích thị già trọn vẹn rồi, còn gì nữa? Vũ Hoàng Chương không những già, lại còn xưa.” “Truyện lạ hay không truyện lạ, say sưa hay không say sưa, ngao ngán hay không ngao ngán, VHC đều có thể xưa.” (trang 3180) Đại khái toàn những giọng phán bừa phứa kiểu quan ngự sử văn đàn như thế. Người viết bài này muốn lưu ý bạn đọc là với sách cộng sản in trong nước, (hay sách viết ở ngoài nước lại chê miền Nam) người đọc cần nhận định và đánh giá lại bằng suy nghiệm riêng của mình, hầu tránh bị dẫn dắt có hậu ý. Từ Diễm Văn Học còn không dám viết đến cái chết của VHC, dù một dòng; lại còn “phê bình” nhà thơ “thiếu chín chắn về chính trị.” Tuy thế, phần viết về tác giả Thơ Say trong cuốn từ điển do Hà Nội xuất bản lại tử tế hơn phần viết về VHC trong bộ Văn Học Miền Nam, Thơ, in tại Hải Ngoại.”

1-Xem Chiêu Niệm Văn Chương I, Vũ Hoàng Chương, Lịch sử Thơ, Viên Linh xuất bản, Hoa Kỳ, 2000.

2-Xem Khởi Hành 141, tháng 7, 2008.

3-Số tạp chí cuối cùng của văn học miền Nam là tờ Thời Tập số 23 ra ngày 15 tháng 4, 1975.

4-Plato (427-347), triết gia Hy Lạp, người đầu tiên được coi là phê bình gia thi ca của nhân loại. Những kẻ độc tài, trong tư tưởng chính trị hay tôn giáo, thường theo gót Plato ngược đãi thi sĩ, từ thánh Augustine tới phát xít hay cộng sản. Khi thi sĩ nhìn thấy ánh sáng phía chân trời là ánh sáng của hoàng hôn, thì những kẻ độc đoán lại vui mừng ca ngợi bình minh đang tới. Và khi Vũ Hoàng Chương nhìn thấy cảnh mình nằm hồi đá nhà lao, thì đám côn quang ở Sài Gòn sửa soạn giường chờ đỡ ca ngợi ngày giải phóng. Bằng những lời đường mật, Plato ca ngợi thi sĩ, nhưng để lưu đày thi sĩ. Ông ta viết: “Nor shall any one [thi sĩ] dare to sing a song which has not been approved by the judgment of the guardians of the laws, not even if his strain be sweeter than the songs of Thamyras and Orpheus.” (Plato, Laws) Trích lại từ A short history of Literary Criticism của V. Hall, Jr.

5-Năm 1986, Chế Lan Viên có tập thơ xuất bản nhan đề “Ta gửi cho mình,” có những câu thơ như “Mỗi tấc đất miền Nam đều là đất Bắc Hồ” (trang 52) và có một số câu diễn tả cái đói ở miền Trung, mơ về miền Bắc sung túc như ... thật: “Ăn sạch hết rau rừng rau đắng Trường Sơn - Đêm đói bụng nằm mơ về đất Bắc - Trung châu Trung châu lúa vàng tít tắp - Đi khắp mọi nhà đều được mời cơm.” (Nhớ được mời cơm, trang 8). [12, 2008]

Hoài niệm Vũ Hoàng Chương (1915 - 1976) Đặng Tiễn



Vũ Hoàng Chương, 1955

Ngày 6/9 dương lịch là ngày giỗ Vũ Hoàng Chương, mất tại Sài Gòn năm 1976 ; sau mấy tháng bị chính quyền bắt giam vào khám Chí Hoà anh bị trọng bệnh, đưa về nhà một thời gian ngắn thì qua đời, vì ho suyễn, thọ 62 tuổi.

Vũ Hoàng Chương sinh tại thành phố Nam Định năm 1915 (giấy tờ ghi 1916) trong một gia đình khoa bảng giàu có ; tác giả của khoảng hai mươi tác phẩm, chủ yếu là thơ, rồi đến kịch thơ, hồi ký, bài nói chuyện. Vũ Hoàng Chương là nhà thơ lớn của đất nước, bắt đầu từ phong trào Thơ Mới, với các tập Thơ Say (1940), Mây (1943), qua những trăn chuyên của dân tộc

với Thơ Lửa (1948), Hoa Đăng (1959), Lửa Từ Bi (1963), và những biến chuyển trong thi ca hiện đại. Vũ Hoàng Chương là một tác gia lớn lao và quan trọng trong lịch sử văn học nước nhà, chiếm một địa vị riêng biệt trong các trào lưu thi ca. Giữa những trầm luân của đất nước, tác phẩm của anh chưa được tìm hiểu toàn bộ và đánh giá đúng mức, ở miền Bắc cũng như miền Nam, trước 1975, và trong nước cũng như ngoài nước những năm gần đây.

Trong nước, từ chính sách đổi mới, 1986, đã có lối nhìn thoáng rộng hơn đối với phong trào Thơ Mới 1932-1945 và Vũ Hoàng Chương, ở một chừng mực giới hạn, cũng được đọc lại một cách công bình hơn. Mới đây (1996) một sinh viên đại học TP HCM đã trình tiểu luận tốt nghiệp về Vũ Hoàng Chương và giáo sư phản biện Hoàng Như Mai, nhà phê bình văn học (sinh năm 1917) đã phê "viết về nhà thơ Vũ Hoàng Chương không phải dễ, người viết vừa phải có trình độ uyên bác nào đó, vừa phải có năng khiếu nghệ thuật. Trên thực tế, khen thơ Vũ Hoàng Chương thì có đông đảo độc giả và các nhà nghiên cứu phê bình, nhưng trực tiếp viết ra những lời đánh giá thì lại rất ít ai dám viết. Trên văn đàn, những bài, sách nghiên cứu, phê bình thơ Vũ Hoàng Chương có bao nhiêu đâu. Sinh viên viết được bài tiểu luận tốt nghiệp như thế này là đáng biểu dương. Tôi đánh giá như vậy là với tư cách một người yêu quý thơ Vũ Hoàng Chương, và là người bạn thân của nhà thơ" (25/6/1996).

Chúng tôi ghi nhận lời phê, viết tay trên luận án, vì nhiều lý do :

- Dù bị vui đập, Vũ Hoàng Chương vẫn có người yêu quý và ngay thẳng nói lên niềm yêu quý ấy.
- Người ấy có thể là một trí thức cao tuổi, là Hoàng Như Mai, nhưng còn là những sinh viên trẻ tuổi.
- Đoạn văn phản ánh đúng tình hình nghiên cứu về Vũ Hoàng Chương, với những khó khăn khách quan về nhiều mặt.

Nhưng cũng có người tâm huyết vượt qua những định kiến như Hoàng Thiệu Khang đã viết : "cuộc nội sinh hoá văn học phương Tây, để có thể sản xuất ra một chất phương đông đậm đà, phải qua tay Vũ Hoàng Chương, Huy Cận, Đoàn Phú Tứ, Thâm Tâm ... và cả Xuân Thu Nhã Tập"^[11]. Và Đỗ Đức Hiểu (tú tài 1944 tại Hà Nội) trong sách Đổi Mới Phê Bình Văn Học đã phân tích ảnh hưởng Baudelaire trong thơ Vũ Hoàng Chương ; hoặc Đỗ Lai Thuý (sinh 1948) đã có những trang về Vũ Hoàng Chương *đào nguyên lạc lối*^[12] thật hay, chủ yếu giải thích chất say như một chìa khoá giải mã đi vào thi giới Vũ Hoàng Chương, như một yếu tố của mỹ học và thi pháp ; và tính cách suy đồi trong nghĩa văn học có mầm mống cách mạng và hiện đại. Dĩ nhiên cái nhìn theo phương pháp luận luôn luôn mang tính cách cục bộ, và tiếc rằng Đỗ Lai Thuý chưa đọc nhiều thơ Vũ Hoàng Chương. Tuy vậy, những bài viết mới mẻ như thế còn hiếm và đáng biểu dương.

Đồng thời, một số tác phẩm của Vũ Hoàng Chương trước 1945 đã được in lại^[13]. Những tác phẩm về sau, dường như chỉ in lại hồi ký *Ta đã làm chi đời Ta* (nxb Hội nhà Văn 1993 TP HCM).

Nhưng nói chung những thành kiến còn đè nặng trên sự nghiệp văn học của Vũ Hoàng Chương, có thể từ bài viết của Chế Lan Viên (tháng 4/1960) phê phán tập thơ Hoa Đăng, bất công và độc ác^[14]. Có thể nói, bài này, ở chừng mực nào đó – tôi cân nhắc – ở chừng mực nào đó, đã đưa đến thảm kịch Vũ Hoàng Chương năm 1976. Bài của Xuân Diệu ân cần với Vũ Hoàng Chương, trong mục Tiếng Thơ trên báo Văn Nghệ số 6/1948 không thấy in lại trong sách (NXB Văn Nghệ, 1954). Tỉnh thoảng lắm mới có người nhắc đến tình cũ nghĩa xưa như Tô Hoài trong *Tự Truyện*, hay mới đây trong *Chiều Chiều*^[15]. Còn lại là những phê phán gay gắt kể cả Lê đình Kỵ, là người tương đối cởi mở với thơ tiền chiến, cũng đánh giá Vũ Hoàng Chương là "bi quan, bế tắc, buông thả, tự huỷ, trụy lạc"....^[16]. ở đây chúng tôi không nhắc tới Phan Cự Đệ vì sách *Phong trào Thơ Mới* viết đã lâu (1966), và từ ấy đến nay ông ta cũng có tiến bộ. Chỉ ghi nhận những lời mới đây (2/1989) của Hà Minh Đức, đương kim viện trưởng viện Văn Học, xem Vũ Hoàng Chương là "cây bút có tài năng nhưng nằm trong dòng nước đục (..) chẳng có gì để nói thêm về những câu thơ như một con thuyền bập bênh trôi trên dòng nước đục"^[17]. Hà Minh Đức chỉ muốn so sánh thơ Vũ Hoàng Chương những năm 1940,

1943 với những nguồn thơ khác, nhưng câu chữ vẫn không hợp với một đất nước đang hô hào đổi mới, mở cửa, giao lưu. Dù sao, " *đọc trong thân cũng là thân* ", cụ Nguyễn Du bảo vậy, và Tết Mậu Thân, 1968, Vũ Hoàng Chương cũng có bài thơ nhan đề như vậy.

Và dù sao, thời gian cũng sẽ gạn đục khơi trong.

Biết ai là đọc biết ai trong . . .

Năm 1969, Vũ Hoàng Chương lên 55 tuổi, tự hào mình thọ hơn Khổng Minh . . . 1 tuổi, có bài thơ :

*Chữ thọ vừa ăn đứt Ngoạ Long
Bến nằm dư biết đục hay trong . . .
(. . .) Chỉ thương kiếp đá ai bày trận
Để ngấn vàng gieo chọt rối vòng . . .*

Một ánh trăng giữa bát Trận Đồ. Trong cảnh đá chạy cát bay, đôi tiếng thị phi, hoặc lời ca tụng, có nghĩa lý gì ?

Trước đây, nhà xuất bản An Tiêm, Paris, trong dự án dài hạn, muốn ấn hành một Tuyển Tập Vũ Hoàng Chương, có thể nhích lên Toàn Tập, yêu cầu tôi sưu tầm, biên tập và giới thiệu, với sự thoả thuận của chị Vũ Hoàng Chương. Nay anh Thanh Tuệ chủ trương An Tiêm đã qua đời. Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, thời giám đốc Nguyễn văn Lưu có lúc cũng đánh tiếng, Nhưng việc không đến đâu, lý do, khách quan và chủ quan, thì nhiều.

Chút nghĩa cũ càng, nhân ngày giỗ anh Chương, mới có bài này để cập nhật hoá hoàn cảnh văn học của Vũ Hoàng Chương trong hiện tình đất nước.

Nén hương lòng. Xa xôi và cách trở. Không phải để nghị luận hay tranh luận với ai.

Paris, nhân ngày giỗ Vũ Hoàng Chương

6/9/1999, cập nhật 2012

^[1] Hoàng Thiệu Khang, *Cảm nhận và suy tưởng*, nxb Văn Học, Hà Nội, 1994, trang 20.

^[2] Đỗ Lai Thúy, *Con mắt thơ*, nxb Lao Động, Hà Nội, 1992, tái bản nhiều lần

^[3] Lại Nguyên Ân, trên Tạp Chí Văn Học, số 2.1998, cho biết nxb Văn Học Hà Nội, 1991, có ra bộ sách 12 tập Thơ Mới đầu tiên trong đó có *Mây* của VHC. 1995 ra bộ sách Thơ Mới Tác Gia và Tác Phẩm gồm có 15 tập với 15 tác giả, có VHC.

Nxb Hội Nhà Văn, TPHCM 1992, có tái bản *Mây* của VHC trong 1 bộ gồm nhiều thi tập.

^[4] Chế Lan Viên, *Phê Bình Văn Học*, nxb Văn Học Hà Nội, 1962, trang 86-98.

^[5] Tô Hoài, *Tự Truyện*, 1985, trang 263. *Cát Bụi Chân Ai*, 1992, trang 153. *Chiều Chiều*, 1999, trang 21 và 25

^[6] Lê Đình Ky, *Thơ Mới những bước thăng trầm*, nxb TPHCM, 1989, trang 83 và 122.

^[7] Hà Minh Đức, *Khảo Luận Văn Chương*, nxb KHXH, Hà Nội, 1997, trang 14 và 40